

BÁCH KHOA

SỐ 35 — NGÀY 15-6-1958

Trong số này :

HUỖNH-VĂN-LANG	Những chỉ tiêu của Chính-phủ và hiện tình kinh tế Việt-Nam.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Chế độ Dân chủ mác-xít.
X X X	Nhìn qua tổ-chức lãnh đạo tiền tệ của Đức.
TIỂU-DẪN	Bảo tố trên lục-địa Trung-hoa.
NGUYỄN-HỮU-NGU	Huỳnh-thúc-Kháng.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	Vấn đề nước đối với nông dân ở Việt-Nam.
LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.	Những chàng đường của một cuộc tuyết tan - giá rã (dịch).
VÕ-KỶ	Ký ức người điên.
PHAN-SƠN-VŨ	Vấn đề báo chí tại Hoa-kỳ.
YÃ-HẠC	} Những ngày qua (hồi ký).
và TRINH NGUYỄN	
TRIỆU-ĐƯƠNG	} Phụng nỏ (thơ).
và TRÚC-MAI	
VŨ-QUỲNH-BANG	Người lái phũ (truyện ngắn).
TÀ-KỶ	Chuyện buồn (thơ).
PHẠM-THẾNG	Tiếng cuộc đời ngang (tùy bút).
YÃ-HẠC	} Qua từ ở kêu đêm (thơ dịch).
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	
KIỀU-YIẾU	Thụy-Vân (dịch Liêu Trail).
VĨ-HUYỀN-ĐẮC	Khởi lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cu*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lào-Mạnh-Tiểu*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tiểu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHAN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC-4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30	}	mỗi thứ tư
về tới Saigon 19 g 30		

SAIGON HONG-KONG : mỗi Chúa nhật và thứ Năm

HONG-KONG SAIGON : mỗi thứ Hai và thứ Sáu

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

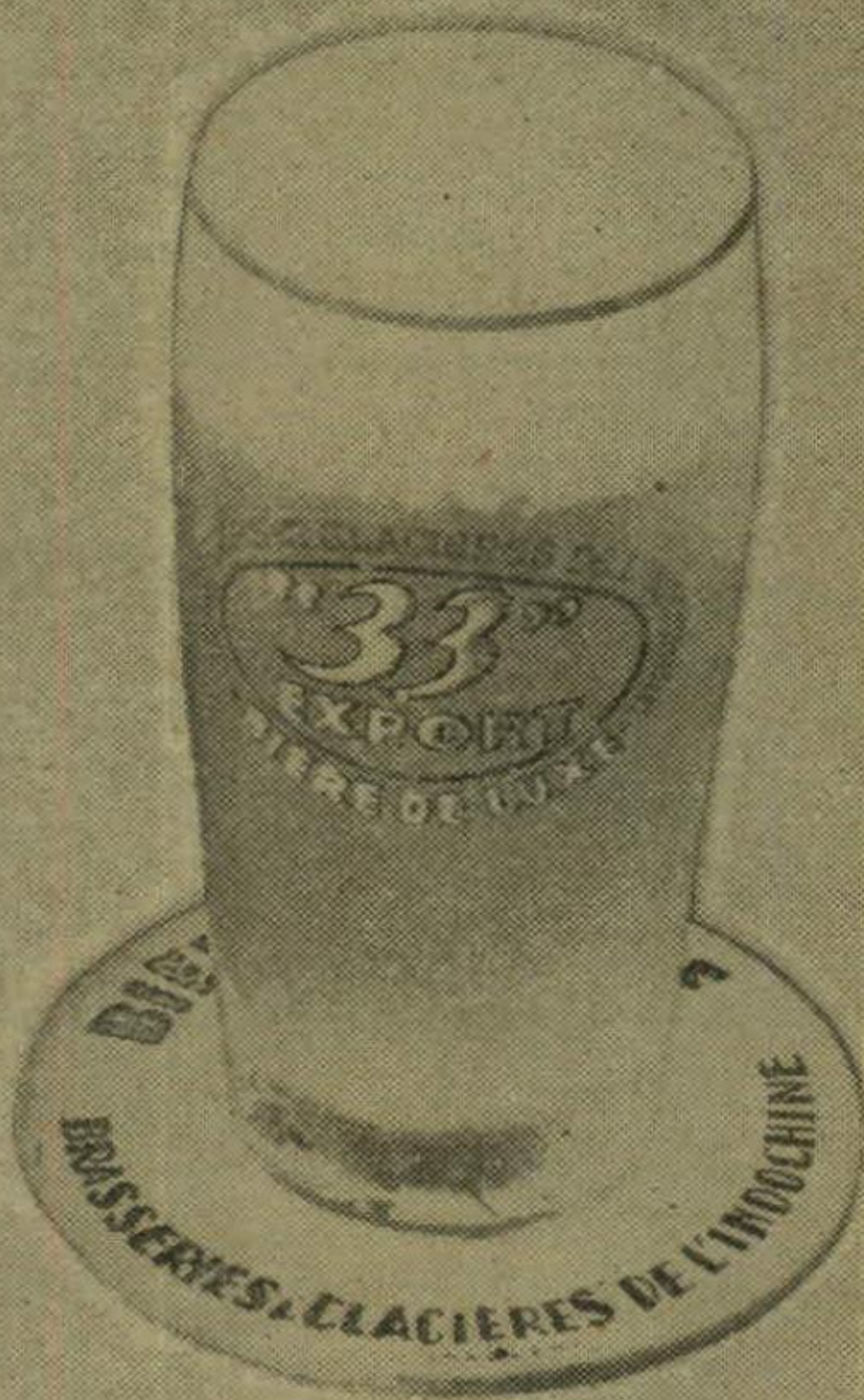
18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON



BÁCH-KHOA

Số 35 — Ngày 15-6-1958

- HUỖNH-VĂN-LANG *Những chỉ tiêu của Chính-phủ và hiện tình kinh tế Việt-Nam.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH *Chế độ Dân chủ mác-xít*
- X X X *Nhìn qua tổ-chức lãnh đạo tiền tệ của Đức.*
- TIỂU-DÂN (dịch). *Bảo tổ trên lục địa Trung-hoa*
- NGUYỄN-HỮU-NGƯ *Huỳnh-thúc-Kháng.*
- NGUYỄN-THIỆU-LÂU *Vấn đề nước đối với nông dân ở Việt-Nam.*
- LƯU-NGUYỄN Đ.T.T. (dịch) } *Những chặng đường của một cuộc tuyết tan giá rã.*
- VŨ-KÝ *Ký ức người điên.*
- PHAN-SƠN-VŨ *Vấn đề báo chí tại Hoa-kỳ.*
- YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN . *Những ngày qua (hồi ký).*
- TRIỆU-ĐUỜNG và TRÚC-MAI. *Phượng nở (thơ).*
- VŨ-QUỲNH-BANG *Người lái phụ (truyện ngắn).*
- TẠ-KÝ *Chuyện buồn (thơ).*
- PHẠM-THẾNG *Tiếng cốc dò ngang (tùy bút).*
- YÃ-HẠC NGUYỄN-V.-TRUNG. *Qua từ ô kêu đêm (thơ dịch).*
- KIỀU-YIÊU (dịch). *Thụy Vân (Liêu Trai).*
- VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch). *Khói lửa kinh thành.*

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỖNH-VĂN-LANG	: Thế nào là khủng hoảng kinh tế.
HOÀNG-MINH-TUYNH	: Chế độ dân chủ mác-xít.
NGUYỄN-HIỂN-LÊ	: Bàn về vấn đề dịch sách.
NGUYỄN-VĂN-XUNG	: Tình yêu Thiên-nhiên trong ca-dao Việt-Nam.
NGUYỄN-VĂN-HÀM	: Nếp sống Đông-Phương.
PHAN-SƠN-VŨ	: Vấn đề báo chí tại Hoa-kỳ.
PHẠM-VŨNG-HÚC	: Tài liệu văn học Việt-Nam.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	: Trương-Phúc-Giáo và sự mở mang tỉnh Hà-tiên.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	} Bình vực tiếng địa phương.
TÂN-FONG-HIỆP	: Nhớ Tân-Đà.
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	: Tìm hiểu truyện Tam-quốc diễn nghĩa.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC	: Rừng Mắm.
KIỀU-YIÊU	: Cô gái đánh sơi.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gửi thêm cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ xin đề : Tòa soạn BÁCH-KHOA hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề cho : Ô. Huỳnh-văn-Lang

NHỮNG CHI TIÊU CỦA CHÍNH PHỦ và HIỆN TÌNH KINH TẾ VIỆT-NAM

HUỲNH-VĂN-LANG

L.T.S.— Bách-Khoa, từ số 1 (ngày 15 tháng 1 năm 1957), đến những số kế tiếp, đều đã đề cập đến những khó khăn của kinh tế Việt-Nam qua các ngành, và riêng số 14 (ngày 1 tháng 8 năm 1957) đã nói đến cuộc khủng hoảng tiền tệ (1). Như trong lá thư gửi bạn đọc trên số đặc biệt 25-26, Bách-Khoa mặc dầu biết rằng vang âm của mình gây ra còn mơ hồ ngán ngủi, nhưng không thể vì thế mà nản lòng trong công việc góp phần xây dựng đất nước. Bởi vậy, hôm nay Bách-Khoa lại đăng tải bài này, hy vọng góp được một tiếng kêu cứu nhỏ bé cùng với các bạn đồng nghiệp đã từng lên tiếng về vấn đề kinh tế nước nhà.



Trong Bách-Khoa số 6, khi nói về chánh sách thuế vụ, chúng tôi có nhắc đến hai phương trình kinh tế sau đây :

$$RN_{10} = C_7 + E_3$$

(RN: lợi tức Quốc-Gia ; C: tiêu thụ ; E: tiết kiệm)

$$E_3 = I_p + D_g \quad (2)$$

(I_p : đầu tư tư nhân ; D_g : chi tiêu của Chánh phủ)

Nay chúng tôi xin trở lại hai phương trình đó để tìm hiểu vai trò chỉ tiêu của Chính phủ trong hiện tình kinh tế ở Việt-Nam.

Hai phương trình trên còn một hệ luận là hàm số sau đây:
 $RN_f(I, C,)$

nghĩa là lợi tức quốc gia RN tùy thuộc sự đầu tư I (đầu tư của tư nhân và chỉ tiêu của chánh phủ) và tiêu thụ C , của quần chúng. Nói một cách đơn giản, thì lợi tức quốc gia là tổng số lợi tức của bạn, của tôi, của công ty này, của hiệp hội nọ, trừ các khoản chi tiêu trả qua, trả lại và thuế vụ. Lợi tức quốc gia trừ khoản chi tiêu về tiêu thụ tức là còn tiết kiệm ($RN - C = E$), và đầu tư có thể kém tiết kiệm nếu có sự tích trữ công hay tư vô ích, hoặc có thể trội hơn tiết kiệm nếu có ngoại viện hoặc vay nợ từ ngoài thêm vào.

Muốn tìm hiểu lợi tức quốc gia, chúng ta phải xét vai tuồng chỉ tiêu của chánh phủ Việt-Nam xưa và nay, coi như một yếu tố quyết định mức lợi tức quốc gia và chúng ta phải căn cứ vào ba nguyên tắc sau đây:

Nguyên tắc thứ nhất: Người ta phải có lợi tức rồi mới nghĩ đến tiêu thụ, tiết kiệm hay đầu tư nghĩa là theo phương trình $RN_{10} =$

(1) Tóm tắt lại, cuộc khủng hoảng hiện giờ do hai cái quá trình giảm phát, một cái có tính cách tiền tệ và ngắn hạn, một cái có tính cách kinh tế và dài hạn.

Cái yếu tố chánh của quá trình tiền tệ cần phải lưu ý là: (1) tốc lực lưu thông tiền tệ bị giảm bớt do sự ngưng trệ trong việc lưu thông hay phân phối hàng hóa. Và sự lưu thông hay phân phối hàng hóa bị ngưng trệ vì các hình thức kiểm soát giá cả, mức lãi, phân phối... và vấn đề Hòa-khiếu.

Hai cái chỗ nghẽn trong quá trình lợi tức hay mãi lực lại còn cần phải quan tâm đến « sửa sai » hơn là: (2) — sự đưa ngoại tệ ra đời lấy bạc Việt-Nam vào, nghĩa là vấn đề cấp phát và xử dụng ngoại tệ; (3) — sự đưa bạc V.N. ra trong quần chúng, nghĩa là vấn đề đầu tư, nhất là những chỉ tiêu của Chánh phủ trong chương trình kinh tế.

(2) Tiền đầu tư của tư nhân cộng với chỉ tiêu của Chánh phủ phải bằng số tiền mà toàn thể tư nhân tiết kiệm khi quốc gia đến một mức lợi tức cao và thuận tiện cho sự đầu dụng nhân công đầy đủ được thực hiện. Ví dụ: nếu lợi tức quốc gia (RN) là 10, một tình trạng nhân công được đầu dụng hết, mà tiêu thụ (C) là 7 và tiết kiệm (E) là 3.

$$RN_{10} = C_7 + E_3$$

Nếu muốn duy trì tình trạng 10 ấy thì chỉ tiêu của Chánh phủ (D_3) cộng với đầu tư của tư nhân (I_7) phải là 3, khi tiêu thụ vẫn là 7.

$$E_3 = I_7 + D_3$$

$C_7 + E_3$ thì nếu lợi tức ta có 10, ta mới có thể tiêu thụ được 7 và tiết kiệm được 3. Điều này chẳng những đúng trong trường hợp chung cho một quốc gia mà còn đúng cho riêng cả với từng cá nhân một.

Vì tôi hay bạn không thể đầu tư hay tiết kiệm trội hơn lợi tức của mình được, trừ ra trường hợp vay mượn hay lấy của kẻ khác.

Nguyên tắc thứ hai.— Nói chung thì lợi tức của tôi chỉ là tiêu pha của bạn hay của Chánh phủ, còn tiêu pha của tôi lại là lợi tức của bạn hay của Chánh phủ. Thí dụ : tôi là nhà buôn thì lợi tức của tôi là những chi tiêu của bạn tôi mua hàng của tôi, mà chi tiêu của tôi lại là các khoản tôi mua, trả cho bạn hay tôi nộp thuế cho Chánh phủ. Cho nên theo hệ luận $RN_f(I, C)$ thì lợi tức quốc gia lên hay xuống là do sự chi tiêu của tư nhân hay của chánh phủ tăng hay giảm và sự chi tiêu ấy có hai loại : một là chi tiêu để đầu tư (I) hai là chi tiêu để tiêu thụ mất đi (C).

Nguyên tắc thứ ba.— Chi tiêu của Chánh phủ, dù là để trả tiền lương hay để làm gì khác nữa, cũng có một hiệu quả như là đầu tư, cho nên ta có thể coi đầu tư như gồm có hai phần : đầu tư thật sự của tư nhân và chi tiêu của chánh phủ.

Xét cho cùng thì chi tiêu của chánh phủ là số lợi tức lấy ở phần đóng góp của tư nhân, phần tư nhân không tiêu thụ, bị bắt buộc tiết kiệm được, mà đầu tư cũng là do tiết kiệm. (1)

Dựa vào những nguyên tắc trên, chúng ta thử khảo sát vai tưởng chi tiêu của chánh phủ Việt-Nam qua ba thời kỳ dưới đây :

— Thời kỳ tiền chiến tranh, trước năm 1940.

Trong thời kỳ thuộc Pháp này nhất là khoảng thời gian sau cuộc khủng hoảng Thế giới 1930, sự đầu tư của tư nhân (I_p) đóng một vai trò rất quan trọng bên cạnh những chi tiêu của chánh phủ. Đặc biệt trong thời gian đó người nước ta đã đầu tư nhiều nhất mà tư bản Pháp cũng đầu tư ở Việt-Nam nhiều nhất, nhất là trong việc khai thác các đồn điền cao su. Trong khi đó thì phần chi tiêu của Chánh phủ cũng gia tăng trong các việc xây cất dinh thự, mở đường xá, cầu

(1) Ở đây chúng tôi chủ ý không nói đến cân cán thương mại liên quan đến việc quyết định lợi tức quốc gia, để độc giả nắm vững ý chính trong bài. Và hơn nữa, chúng tôi tự ý viết ra những nhận xét thông thường, không đi sâu vào lý luận và kỹ thuật kinh tế học.

kinh... Nhờ vậy mà khoảng thời gian này có thể coi như thời kỳ thanh hành nhất (Trước năm 1930, hầu hết nền kinh tế Việt-Nam đều do chỉ tiêu của Chánh phủ thuộc địa và nông nghiệp).

— Thời kỳ từ năm 1940 đến 1955.

Trong thời kỳ chiến tranh này, tất nhiên do sự bất trắc của hoàn cảnh mà đầu tư của tư nhân giảm sút rất nhiều: Trái lại chỉ tiêu của Chánh phủ chủ yếu là chỉ tiêu cho quân đội viễn chinh, tăng lên gấp năm, bảy lần hơn trước. Do đó mặc dầu có chiến tranh, nền kinh tế giặc vẫn thanh hành, dù là thanh hành một cách giả tạo.

— Thời kỳ từ năm 1955 đến hiện nay.

Từ năm 1955 đến năm 1956, đầu tư tư nhân còn lại ít nhiều, nhưng đến năm 1957 trở đi, thì đầu tư tư nhân giảm xuống hầu như gần đến số không. Vì vậy, trong khoảng thời gian này chỉ tiêu của chánh phủ giữ một vai trò rất quan trọng, định đoạt mức lợi tức quốc gia.

Trong hai năm 1955 và 1956, chỉ tiêu của chánh phủ nhất là vào chương trình di cư thể chỉ tiêu của quân đội viễn chinh một phần, nên kinh tế quốc gia vẫn còn giữ được tình trạng phồn thịnh giả tạo trước. Qua năm 1957, chỉ tiêu của chánh phủ giảm xuống rất nhanh mà huê lợi của chánh phủ lại rất dồi dào, cũng lúc đó sự đầu tư của tư nhân thì gần như tiệt tận, thì kinh tế khủng hoảng là một hậu quả dĩ nhiên rồi.

Nếu chỉ tiêu của chánh phủ bớt đi đang khi đầu tư của tư nhân gia tăng cùng một mực, thì chắc chắn không có khủng hoảng. Nhưng chánh phủ bớt chỉ tiêu mà cùng một lúc lại cho ra những biện pháp về thuế vụ, về giá cả, làm nản lòng đầu tư tư nhân, thì chỉ là làm một sự tiết kiệm khiến cho dân hóa ra nghèo túng. (Paradoxe économique). Giảm bớt chỉ tiêu của chánh phủ là một việc tốt phải làm; nhất là những chỉ tiêu có tính cách không sản xuất, nhưng bớt chỉ tiêu trong lúc tư nhân giảm bớt hay bỏ hẳn đầu tư là một việc làm thất sách.

Mục đích giảm chỉ tiêu thì rất đúng, vì bớt chỉ tiêu những cái không cần để đầu tư vào sản xuất, mà đầu tư vào những cơ sở sản xuất là sẽ có lợi về lâu dài. Nhưng bớt một đàng để chỉ liên vào một đàng, ở trường hợp một người dân thì rất dễ, mà ở cương vị một chánh phủ thì rất khó khăn, chậm chạp, không thể một ngày, hai

ngày, mà làm được. Cho nên cái khoảng trống từ lúc bắt đến khi thực hiện sự chỉ tiêu, có khi phải từ sáu tháng đến một hay hai năm, tùy theo phương tiện đã có sẵn hay chưa có. Trong thời gian ấy mà lãnh vực tư nhân không đầu tư thể chánh phủ được phần nào, trái lại vì lẽ này lẽ khác, mà lại phải bắt đầu tư lần lần đến chỗ hết, thì tất nhiên là phải khủng hoảng: người dân thiếu mãi lực, giới thương gia thiếu bạc...

Nói tóm lại sự đầu tư ở hai lãnh vực công và tư phải hòa hợp nhau, phần này trỗi lên thì phần kia phải giảm xuống, phần này xuống thì phần kia phải lên, mới giữ được mức lợi tức Quốc gia như trước. Đó là nói đến sự giữ vững mức lợi tức, còn muốn cho mức lợi tức Quốc-Gia tăng lên, thì đầu tư tư nhân cộng với chỉ tiêu của chánh phủ phải nhiều hơn trước. Những nhận xét trên đây là những điều thường thức, không có gì cao xa bí ẩn cả.

Hiện giờ chắc chắn mức lợi tức quốc gia đã xuống và liên tục đương xuống. Không ai dám chứng minh điều trái ngược lại được, và hơn nữa mức đó không những đã xuống rất thấp rồi mà lại còn chưa biết xuống đến thể nào nữa.

Ai là người có chứt trách nhiệm đến tiền đồ kinh tế nước nhà tất cũng phải băn khoăn lo lắng, và chỉ còn trông vào một hy vọng là: chỉ tiêu của chánh phủ. Nhưng ở cương vị chánh phủ, như trên đã nói, thì từ chỗ chỉ tiêu gọi là vô ích theo nghĩa thông thường, đến chỗ chỉ tiêu hữu ích không phải là một việc dễ. Cho nên, nếu chỉ trông vào có riêng một lãnh vực công để giải quyết khủng hoảng thì chỉ còn quyết định lựa chọn: một là chỉ tiêu không cần có ích, hai là chỉ tiêu cho hữu ích nhưng lại phải trì hoãn, chờ đợi kết quả không biết đến bao giờ.

Tất nhiên không lẽ chánh phủ lại đem tiền ra phát không để tránh khủng hoảng, nhưng nếu muốn thực hiện việc gì cho hợp lý thì lại phải có phương tiện là người, là chương trình, là dụng cụ... mà không biết những phương tiện cần thiết đã đủ chưa, nếu chưa thì lại còn không rõ phải đến bao giờ mới có đủ? Cho nên, khó mà hy vọng vào chỉ tiêu của chánh phủ để giải quyết khủng hoảng được trừ ra trường hợp chánh phủ nhất định phát tiền cho không, hay trả tiền cho dân chúng làm những việc gì không cần ích lợi, mà phải làm liền, trả tiền ngay! [RNf (C)].

Cho nên chúng tôi tự hỏi, nếu lãnh vực công, trong giai đoạn này, không làm tròn được phận sự giải quyết khủng hoảng, thì tại sao

NHỮNG CHI TIÊU CỦA CHÁNH PHỦ VÀ ...

chúng ta không nghĩ đến lãnh vực tư, là những sự đầu tư, sự kinh doanh của tư nhân.

Đành rằng ít lâu nay, tư nhân đầu tư đã chán nản lắm rồi, lỗ lã đã làm họ không thiết làm ăn gì nữa, bởi vậy khó mà thúc đẩy họ lại tự động đứng lên phấn khởi hoạt động vì lợi ích quốc gia hay dân tộc gì nữa, nhất là tâm lý họ lúc này chỉ là thu vén, giữ lại được chút gì bảo đảm cho gia đình khỏi thiếu thốn hay công nợ thối. Tất nhiên chánh phủ, sau bao nhiêu biện pháp gây thiệt hại cho họ, không thể lại còn buộc họ phải tự lực cố gắng thêm lên nữa. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ, nếu chánh phủ kêu gọi họ tiếp tục hay bành trướng hoạt động kinh doanh, đầu tư, với sự giúp đỡ phương tiện nhất là phương tiện tài chính của chính quyền, thì chắc chắn còn nhiều người hưởng ứng, mặc dầu sau này những phương tiện ấy phải hoàn lại cho chánh phủ. Nói một cách cụ thể hơn: nếu chánh phủ bằng lòng giúp cho các kỹ nghệ gia thêm tin dụng dồi dào, dễ, hoặc đầu tư mới, hoặc bành trướng kinh doanh mà hoạt động thêm với một ít điều kiện bảo đảm, thì chắc chắn họ sẽ không ngần ngại mà mạo hiểm giúp kinh tế nước nhà trong lúc này. Thí dụ: kỹ nghệ gia X. tuy hiện nay đã đóng cửa xưởng, nhưng tất sẽ bằng lòng mở cửa hoạt động nếu được chính phủ cho vay để trả liền nhân công và các khoản cần thiết cho đến khi bán được hàng hóa; kỹ nghệ gia Y. tất sẽ khuếch trương thêm nếu được chính phủ bằng lòng giúp thêm vốn liếng với những điều kiện nào đó...

Lãnh vực tư, đặc biệt khi họ đã từng hoạt động quen từ trước rồi nay rồi, sẽ tung tiền ra quần chúng rất nhanh. Theo chúng tôi nghĩ thì đó là phương pháp hữu hiệu nhất để ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế hiện thời.

Quý vị kỹ nghệ gia nghĩ sao?

HUỲNH-VĂN-LANG

Danh ngôn, danh lý trong số này quy về ý chính:

NHIỆM VỤ CỦA MỖI NGƯỜI, KHI ĐÃ LÀ NGƯỜI

TỰ CHẾ, KHẮC KỶ

II. — TRỞ THÀNH MỘT CHÂN GIÁ TRỊ

★ Những người từng trải tai họa thường thấu lẽ mà giải việc.

MẠNH-TỬ

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC - XÍT

NGUỒN GỐC LÝ TƯỞNG DÂN CHỦ MÁC-XÍT

Chủ nghĩa mác xít

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

(tiếp theo)

Về chủ nghĩa mác xít, một nhà kinh tế học nổi tiếng, Ông D. Villey, đã từng nói : « Có nhiều thứ chủ nghĩa mác xít : chủ nghĩa mác xít của những người không hề đọc Mác, của những người đọc Mác nhiều quá, của những người chỉ đọc nguyên tác phẩm đầu tay của Mác là « *Tư bản luận* ». Ở đây, chúng tôi không bàn về chủ nghĩa mác xít thuần túy với tất cả những điều người ta đã tranh luận rất nhiều từ trước đến nay ; chúng tôi chỉ xin bàn về chủ nghĩa mác xít vốn được coi như chủ nghĩa mà nội dung chứa đựng những *tư tưởng lực* bắt nguồn từ Mác, sau được các môn đệ của ông thâm cứu thêm và được Lê-nin tổng luận lại rất vững vàng, cùng trở nên chủ thuyết chính thức của Liên bang Xô-Viết, của các đảng Cộng-Sản và phần nào của các đảng xã hội chủ nghĩa trong hoàn cầu. Độc giả sẽ thấy chính nhờ tư tưởng của Mác, hay đúng hơn, tư tưởng của Mác-Lê-nin, mà trên địa hạt chính trị và xã hội, một quan niệm dân chủ vốn tàn nát, hình thành không rõ rệt, trở nên một quan niệm

minh xác, có hệ thống chặt chẽ vô cùng.

Nguồn gốc chủ thuyết nằm trong tác phẩm của Các Mác và của một người cộng sự với ông là Phê-rê-đê-ric Enghen-s'. Về sau, như chúng tôi vừa nói trên, có rất nhiều môn đệ thâm cứu chủ thuyết ấy theo nhiều hướng khác nhau, tựu trung có một người quan trọng nhất đã đưa chủ nghĩa mác xít từ lý thuyết sang hành động, người ấy là Lê-Nin.

I.— Căn bản triết lý : duy vật biện chứng và duy vật sử quan.

Có nhiều người cho chủ nghĩa mác xít chỉ là một chủ nghĩa kinh tế. Cho như vậy không những là một điều lầm, mà còn là một điều khiến cho chủ nghĩa ấy trở nên khó hiểu. Thật ra chủ nghĩa mác xít rộng lớn và thâm sâu hơn thế nhiều : đó là một triết lý, hay đúng hơn, một quan niệm toàn diện về con người và vũ trụ. Nó có một chủ thuyết về kinh tế, cũng như có một chủ thuyết về chính trị và một chủ thuyết về tôn giáo. Song tất cả Mác

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC-XÍT

không phải chỉ nằm nguyên trong chủ thuyết về kinh tế, mặc dầu, như ta sẽ thấy, chủ nghĩa mác xít, khi quan niệm về vũ trụ, đã đặt các hiện tượng kinh tế trên những vị trí đặc biệt quan trọng.

Nói về mặt triết lý, chủ nghĩa mác xít có đặc tính là một chủ nghĩa duy vật.

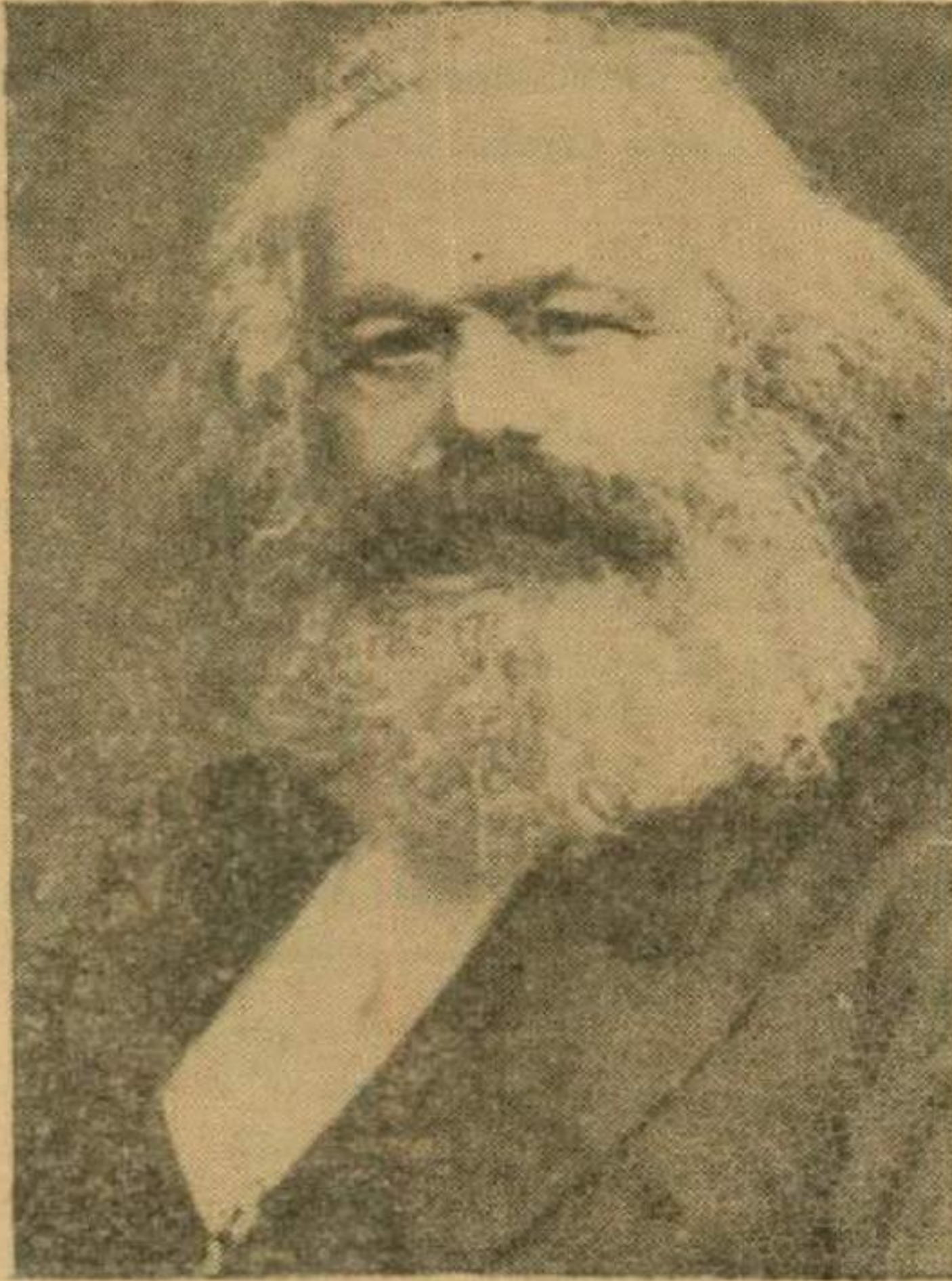
A. — Đối với chủ nghĩa duy vật này, ta không nên hiểu là một triết lý đạo đức giản tiện hay có mục đích đòi hỏi một vài quyền lợi vật chất. Đây là một chủ nghĩa duy vật cho vật chất là hiện thực căn bản, nghĩa là lấy sự thực và trạng thái của thực tế làm cơ bản và căn cứ, tinh thần và tư tưởng đều do các hiện tượng vật chất mà ra và là kết quả của các hiện tượng này. Như vậy thì tất nhiên chủ nghĩa ấy phủ nhận

linh hồn, vốn được coi như là một bản chất riêng biệt, và cũng phủ nhận luôn cả Thượng Đế. Trên điểm này, chủ nghĩa mác xít lấy lại một chủ thuyết triết lý đã có từ lâu lắm, từ khi có lịch sử tư tưởng vậy.

B. — Chủ nghĩa mác xít là một chủ nghĩa duy vật. Nhưng Mác

đã cải biến nó bằng cách đem vào một hệ thống phương pháp luận, gọi là biện chứng pháp. Biện chứng pháp là một quan niệm về vũ trụ tiến hóa mà Mác mượn của Hê-ghen (Hegel). Học thuyết của Hê-ghen chủ trương rằng phạm sự vật trong vũ trụ, hễ có cái *chính* (thèse) thì đồng thời cũng

sinh ra cái *phản* (antithèse) hai cái ấy xung đột nhau mà sinh ra cái thứ ba là cái *hợp* (synthèse). Lấy học thuyết có tính chất duy tâm của Hê-ghen, Mác, sau Phơ-bác (Feuerbach), đem áp dụng vào vật chất. Theo Mác, hết thảy sự vật, không sự vật nào là không chứa đựng những mâu thuẫn nội tại. Mâu thuẫn nội tại của các sự vật thúc đẩy sự vận động và sự phát triển của các sự vật. Vì thế, những



CÁC - MÁC

sự vật khác nhau, có những mâu thuẫn nội tại khác nhau, những sự vật khác nhau thì có những hình thức vận động và đường lối phát triển khác nhau. Song những cái vừa mâu thuẫn vừa đối lập ấy đều kết hợp với nhau một cách chặt chẽ ở trong một khối thống nhất. Chúng cứ dựa nhau : sự

tồn tại của một phương diện đối lập là điều kiện tồn tại của một phương diện khác; đồng thời, thống nhất của vật đối lập cũng là điều kiện tồn tại của cả khối ấy. Nhưng những vật đối lập nội tại ấy tất nhiên lại vừa mâu thuẫn nhau, vừa bài trừ nhau, vừa đấu tranh nhau. Ấy chính vì sự bài trừ và tranh đấu lẫn nhau của những vật đối lập nội tại đó thúc đẩy sức vận động và phát triển của các sự vật, khiến sự vật cũ phải chết đi, đồng thời sản ra sự vật mới, và như vậy tức là tiến bộ, như Lê-nin nói « mâu thuẫn đấu tranh nhau tức là phát triển vậy ».

Cứ theo như thế thì hết mọi hiện tượng, nhất là hiện tượng trong nhân quần và xã hội đều phát triển theo quá trình biện chứng. Đấu tranh là điều kiện của mọi tiến bộ, nên không bao giờ được dùng hình thức cải lương để bóp nghẹt các mâu thuẫn xã hội, mà trái lại phải vạch trần, phơi rõ chúng ra và lợi dụng chúng. « Muốn không lầm lẫn trong chính trị thì phải là kẻ cách mệnh triệt để, chứ không thể là kẻ cải lương nửa chừng ». (Stalin)

C.— Trên bình diện xã hội và nhân quần, lý luận trên thế tất đưa tới chỗ kiến giải cuộc tiến hóa của xã hội và nhân quần theo *Lịch sử duy vật luận*, hay *Duy vật sử quan*:

1) Theo thuyết này thì tất cả những hiện tượng thuộc về tinh thần (luân lý, pháp luật, tôn giáo, nghệ thuật) đều theo sự phát triển của những hiện tượng vật chất, nhất là những hoàn cảnh vật chất của cuộc sinh hoạt mà quyết định. « Không phải ý thức loài người quyết định sinh hoạt loài người, mà

trái lại, chính sinh hoạt loài người quyết định ý thức loài người » (Mác). Nói một cách khác, không phải bởi tại ta tư tưởng như thế này mà ta sinh sống như thế này, chính bởi tại ta sinh sống như thế này cho nên ta mới tư tưởng như thế này.

2) Tuy nhiên, giữa các hoàn cảnh vật chất quyết định và các sự vật thể hiện trong xã hội, yếu tố quyết định chính là kỹ thuật sinh sản và các mối quan hệ giữa loài người với nhau do kỹ thuật sinh sản lập ra. Mỗi khi có một kỹ thuật sinh sản mới ra thì hình thái xã hội lại đổi thay, như « thời đại dùng máy xay tay thì có xã hội phong kiến, thời đại dùng máy hơi nước thì có chế độ tư bản kỹ nghệ. » (Mác)

3 — Các lực lượng kinh tế và nhất là các quan hệ sinh sản (1) là *hạ tầng kiến trúc* (2) (hay hạ tầng cơ sở) tức là tầng lớp xây dựng ở dưới của xã hội. Luân lý, tôn giáo, luật pháp là *thượng tầng kiến trúc* (3) (hay thượng tầng cơ sở) tiêu biểu

(1) *Quan hệ sinh sản* là sự quan hệ lẫn nhau giữa người này và người khác trong quá trình sinh sản, nghĩa là loài người ở trong vòng dinh dưỡng về phân phối, mậu dịch, thuê mướn, vì quan hệ tài sản và cơ quan sinh sản mà liên quan lẫn nhau để—làm cuộc sản xuất và mưu cuộc sinh hoạt xã hội. Sinh sản quan hệ tùy theo sự biến hóa của sức sinh sản mà thay đổi. Ví dụ: quan hệ sinh sản của thời đại cộng sản thị tộc là sự sản bản chung và tiêu dùng chung. Quan hệ sinh sản của thời đại phong kiến là phong kiến chủ và địa chủ sai khiến và bóc lột nông nô, hình thành một thứ quan hệ sinh sản lệ thuộc. Quan hệ sinh sản của cận đại là nhà tư bản lũng đoạn công cụ sinh sản, dùng tiền công thuê mướn lao động để thay mình làm giá trị sinh sản và giá trị thặng dư — (Hoàng thức Trâm, Hán Việt Tân Từ Điển).

(2) và (3) Hạ tầng kiến trúc chỉ kinh tế là nền tảng của xã hội, còn các môn khác như luân lý, pháp luật, tôn giáo chỉ là tầng lớp xây dựng ở trên (thượng tầng kiến trúc).

quyền lợi của giai cấp thống trị. Các cuộc cách mạng trong lịch sử thường là những hiện tượng phá hoại thượng tầng kiến trúc không còn thích hợp với thực trạng của quan hệ sinh sản và vì vậy mà bị tước đoạt mất hạ tầng kiến trúc. Thí dụ. Đại Cách mệnh Pháp năm 1789 đã thích ứng với một cải biến kỹ thuật và quan hệ sinh sản, đặt giai cấp tư sản lên hàng đầu trường sinh hoạt chính trị, là giai cấp trở nên giai cấp kinh tế thống trị thời bấy giờ. Đó là một khía cạnh của tiến bộ biện chứng, theo câu nói của Lênin chúng tôi trích trên : « *Mâu thuẫn đấu tranh nhau, tức là phát triển vậy* ».

4 — Từ phương diện đó, nguyên tố cốt thiết trong xã hội đấu tranh, hiện tượng thường xuyên và bất diệt, là giai cấp đấu tranh và giai cấp đấu tranh là yếu tố cốt thiết của lịch sử. Giai cấp đấu tranh bao giờ cũng có, vì bất luận trong xã hội nào, kỹ thuật sinh sản cũng đặt một giai cấp thống trị đối diện với một giai cấp bị bóc lột. Tiến bộ kỹ thuật tiến hóa; giai cấp thống trị bám sát lấy quyền vị nên lui lại, giai cấp bị bóc lột cứ tiến mãi và trở thành giai cấp thống trị về kinh tế. Đấu tranh giai cấp lần lần tiêu diệt các hạ tầng kiến trúc cũ đã hóa lỗi thời và thiết lập hạ tầng kiến trúc mới, tương hợp với đà tiến hóa của thời đại.

D. — Bây giờ chúng tôi mới xin bàn tới chủ thuyết kinh tế của chủ nghĩa mác xít. Để khỏi lạc đề, chúng tôi chỉ xin tóm tắt ít điều dưới đây :

Mác căn cứ vào thuyết « *giá trị lao động lực* », cho rằng trong cuộc sinh sản dưới chế độ tư bản, những người lao động thì lấy sức lao động của mình

làm món hàng bán, nhà tư bản thì mua sức lao động của họ bằng một số tiền công nhất định. Trong một thời gian nhất định, lao động làm việc cho tư bản, thì giờ của lao động dùng trong việc sản xuất thường nhiều hơn thì giờ phải làm việc để hưởng tiền công. Sức lao động làm việc sinh sản để đòi lấy tiền công ấy gọi là *tất yếu lao động*; mà sức lao động dùng quá cái mức tất yếu ấy gọi là *thặng dư lao động*. Giá trị do thặng dư lao động này ra ấy tức là *thặng dư giá trị* (Ví dụ : một người thợ ngày làm việc 10 giờ. Hãy kể 8 giờ làm việc là tất yếu lao động để khấu trừ vào số lương mà người thợ ấy được hưởng, còn 2 giờ làm việc kia là thặng dư giá trị, vì chính nhà tư bản được lợi vì ăn không 2 giờ ấy của lao động). Chính hiện tượng căn đề này gây mâu thuẫn ngày càng nhiều và càng sâu trong xã hội tư bản chủ nghĩa, khiến một ngày kia nhất định xã hội ấy sẽ biến hình trở thành một xã hội tập sản chủ nghĩa, trong đó tất cả các cơ quan sinh sản đều là của chung của toàn thể xã hội. Nguyên trong xã hội tư bản chủ nghĩa, do sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản, những tiểu, trung tư bản gia bị đại tư bản gia thôn tính, tư bản liên tập trung ở trong tay một số ít nhà tư bản lớn, hợp thành bọn quả đầu kinh tế và biến những tiểu, trung tư bản gia cũng như người sinh sản độc lập thành những người vô sản. Hàng ngũ những người bị bóc, lột do vậy, ngày một trở nên đông đảo và hàng ngũ các nhà tư bản ngày một trở nên thưa thớt, mâu thuẫn chính bản thân của chủ nghĩa tư bản không cách nào giải quyết, cuộc sinh

sản này sinh trạng thái hỗn độn, vô chính phủ, nạn quân chúng thất nghiệp ngày càng tăng gia, nạn kinh tế khủng hoảng ngày càng trầm trọng, rồi chiến tranh bùng nổ, khiến xã hội trở thành miếng mồi rất ngon cho công cuộc tập sản hóa vậy. Các mâu thuẫn trong chế độ tư bản chủ nghĩa đưa tới một kết quả tất nhiên : một khi kỹ thuật sinh sản đã trở thành công hữu, tập sản, thì qui mô pháp lý của chủ nghĩa tư bản, là thượng tầng kiến trúc cũ rích, không thể nào còn có lý do tồn tại nữa : người ta phải đi tới chỗ thủ tiêu quyền tư hữu đối với các công cụ sinh sản, hay nói một cách khác, tới chỗ tập trung các công cụ sinh sản để làm của chung cho toàn thể xã hội.

E.— Xem như vậy thì chủ nghĩa Mác xít là một chủ nghĩa khoa học, đối lập với chủ nghĩa xã hội không tưởng hay lý tưởng. Cách mệnh là chuyện tất yếu, thế nào cũng phải xảy đến, nhưng cách mệnh phát sinh không phải do ý muốn của dân chúng đòi hủy bỏ những bất công trong xã hội, mặc dầu điều ấy cũng có thể đưa giai cấp vô sản tới hành động cách mệnh. Nguyên nhân sâu xa và không thể tránh được của cách mệnh chính thật nằm trong biến

chuyển và tiến hóa của kỹ thuật và của quan hệ sinh sản.

Cách mệnh phải hoàn thành bằng bạo lực, bởi vì « bạo lực là người hộ sinh giúp đỡ cho mọi xã hội cũ trong cơn đau đẻ ».

Tuy nhiên quyết định ấy không phải là một định mệnh. Giai cấp lao động không thể chỉ việc nằm chờ cái ngày mà chủ nghĩa tư bản rớt xuống như một trái chín mủi. Giai cấp lao động cần phải ý thức các đối nghịch giai cấp và nhất là ý thức vai trò lịch sử của mình mà giúp đỡ cho lịch sử hình thành. Bởi lẽ, kết cuộc, nếu vai trò cốt thiết trong cuộc tiến hóa thuộc các yếu tố vật chất, thì các yếu tố tâm lý hay tình cảm lại phản ứng theo các điều kiện vật chất là những cái đã sản xuất ra chúng vậy. Sự lưỡng tương phản ứng giữa điều kiện vật chất và các lý tưởng thật ra là một trong những điểm chưa được người ta hiểu rõ trong chủ nghĩa Mác xít.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

KỲ SAU : **Vận mệnh nhân loại và các Vấn đề chính trị.**

Phương pháp trị thiên hạ

Hiếu học thì gần được « trí », gắng làm thì gần được « nhân », biết sĩ thì gần được « dũng ». Biết ba điều ấy (hiếu học, gắng làm, biết sĩ) tất là biết *phương pháp tu thân*. Biết phương pháp tu thân, tất là biết *phương pháp trị nhân*. Biết phương pháp trị nhân, tất biết *phương pháp trị thiên hạ*.

TRUNG-DUNG

NHÌN QUA TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO TIỀN TỆ CỦA ĐỨC

X. X. X.

(tiếp theo)

CUỘC khủng hoảng ngân hàng vào năm 1931 đã làm lay động cả nền tiền tệ Đức: ngân hàng Danatbank (một trong những đại ngân hàng) bị phá sản, nhiều ngân hàng khác điêu đứng, nếu không có sự can thiệp Chính phủ, thì toàn bộ tổ chức ngân hàng không tránh khỏi sụp đổ. Cũng bắt đầu từ đó Chính phủ tham dự một cách tích cực vào việc kiểm soát hoạt động ngân hàng. Chủ trương này giúp cho Chính phủ ngăn ngừa những hậu quả tai hại cho nền kinh tế quốc gia, bảo vệ quyền lợi khách hàng gửi tiền cho ngân hàng, bảo vệ quyền lợi những người mua cổ phần của ngân hàng và áp dụng được hiệu quả chính sách tiền tệ do Chính phủ ấn định.

Tư nhân muốn thành lập một ngân hàng phải có sự cho phép của Ông Bộ trưởng Bộ Kinh-tế. Quyết định chuẩn

y hay từ khước tùy nơi thân thế của những người đứng ra sáng lập, cùng là khả năng tài chánh, năng lực chuyên môn. Có khi vì hoàn cảnh đương thời của nền tiền tệ không thuận tiện để mở thêm ngân hàng mà đơn xin có thể bị bác.

Trong việc kiểm soát hoạt động ngân hàng, Bộ Kinh-tế không đi xa đến đòi phải để cử một giám thị thường trực tại ban quản trị ngân hàng, nhưng bắt buộc các ngân hàng phải trình sổ kế toán cuối năm cho một Ban Khảo sát Kinh tế thăm xét, ban này do nhà chức trách chỉ định.

Ngoài ra các ngân hàng có bổn phận báo cáo về Ngân hàng tiêu bang Trung ương, theo mẫu báo cáo thống nhất đã vạch sẵn. Vào giữa năm, báo cáo một lần về tình hình tài chánh tổng quát của ngân hàng đến ngày 30 tháng 6.

Cuối năm, lại một lần báo cáo, trình bày tường tận các khoản thu, xuất trong mọi hình thức hoạt động ngân hàng, kèm thêm bản tính toán lời, lỗ.

Tình hình tài chánh ngân hàng cần phải giữ cho loăng ở bất cứ trường hợp nào, có như thế mới bảo tồn được sự tín nhiệm khách hàng. Loăng có nghĩa là quỹ của ngân hàng không bao giờ khô cạn, số tiền khách gửi bất cứ lúc nào cũng có thể hoàn lại ngay cho khách. Thói thường, phương châm hoạt động ngân hàng là dùng tiền khách gửi để làm nảy sanh ra lời, đồng tiền nhận của khách không để nằm yên trong tủ sắt.

Giữa buổi bình thời, nền kinh tế phát triển, ngân hàng có thể vững bụng lấy tiền gửi của khách hàng A cho vay đặt nợ: ngày ông khách A tới rút tiền thì hẳn có những ông khách B, C tới đóng tiền vô, cho nên số thu và xuất không những bù trừ nhau, mà thường lệ số thu còn trội hơn số xuất.

Gặp khi xảy ra một biến cố gì có ảnh hưởng đến nền kinh tế, gây sự lo âu, ngờ vực trong dân chúng, thì trái lại số đông khách hàng sẽ rút tiền ra. Nếu ngân hàng không phòng bị đối phó với trường hợp này, nếu họ không đủ sức trả ngay cho khách hàng, hậu quả tất nhiên sẽ tai hại không những riêng cho mình, mà cho cả tổ chức ngân hàng nói chung, vì sự ngờ vực sẽ biến thành kinh khủng và mọi người sẽ đổ xô tới ngân hàng đòi rút tiền.

Đề cho nền tài chánh ngân hàng được loăng, Chánh phủ đề ra những biện pháp ngăn ngừa một sự bành

trướng quá khả năng trong công cuộc làm ăn của ngân hàng. Theo chỉ thị Hội đồng Trung ương Ngân hàng hồi năm 1951 thì, đối với Tín dụng ngân hàng chẳng hạn, tổng số tiền cho vay ngắn hạn và trung hạn không được quá 18 lần số vốn ngân hàng.

Ngoài số tối thiểu dự trữ phải giữ tại Ngân hàng tiêu bang Trung ương, các ngân hàng được khuyến khích tự nguyện tạo một số dự trữ cho ngân quỹ mình. Cần thận hơn nữa, trong công cuộc kinh doanh kiếm lời, ngân hàng nên bỏ ra một số tiền lớn để mua các loại tín phiếu ngắn hạn, nhất là những giấy nợ Chánh phủ. Khi cần dùng tiền mặt, họ có thể đưa bán những giấy nợ này bất kỳ lúc nào: loại tín phiếu ngắn hạn được coi như là dự trữ phụ của ngân hàng.

Hoạt động theo khuôn khổ đã ấn định trước, tổ chức ngân hàng Đức tạo thành một cơ cấu đơn thuần. Từ một ngân hàng lớn, vốn hàng trăm triệu đến một quỹ tiết kiệm ở một thị trấn nhỏ, từ một Ngân hàng Thương mại Kỹ nghệ đến một Địa ốc ngân hàng, tất cả mọi hình thức tổ chức, tất cả mọi cấp bậc quan trọng đều đứng trong một hệ thống duy nhất, hệ thống trung ương ngân hàng. Do đó, mỗi biện pháp tiền tệ đưa ra áp dụng sẽ có tác dụng sâu rộng và nhanh chóng. Ứng phó với mọi tình thế, nhà lãnh đạo kinh tế quốc gia có thể xuyên qua hệ thống trung ương ngân hàng mà chính đốn nền tiền tệ cho hợp với hoàn cảnh.

Như chúng ta đã biết, nền kinh tế tư bản biến chuyển theo vòng thăng

trầm, hết thịnh tới suy (Konjunkturzyklus). *Kinh tế khủng hoảng* là mức độ suy vi nhất của nền kinh tế, tiếp theo đó là giai đoạn *hưng khởi*, tiến đến mức *toàn thịnh* là trình độ cao nhất, rồi lại chuyển sang giai đoạn *thoái trào* để lần lần đi đến một cuộc khủng hoảng khác.

Dấu hiệu thoái trào là buôn bán ế ẩm, vì ít người đặt hàng nên các công xưởng phải hạn chế sản xuất, sa thải nhân công, số thợ thuyền thất nghiệp tăng lên; trên thị trường tín phiếu giá cả sụt xuống. Nguồn lợi quốc gia giảm sút vì những nguyên do vừa kể, trong nhân dân đồng tiền, đồng bạc trở nên eo hẹp, sức tiêu thụ kém; không ai thừa thãi tiền để tiết kiệm, khả năng cấu tạo vốn liếng bị tê liệt.

Vòng kinh tế thăng trầm là một trạng thái không thể ngăn ngừa được. Các nhà kinh tế học chỉ đề ra những phương pháp làm giảm bớt ảnh hưởng tai hại của kinh tế khủng hoảng. Gặp lúc nền kinh tế đang từ chỗ toàn thịnh biến chuyển sang giai đoạn thoái trào, — như hiện tại ở Mỹ, — nếu kịp thời đưa ra thi hành những biện pháp thích hợp thì vẫn có thể làm cho gượng lại, tránh cuộc đổ dốc và kéo dài thêm thời kỳ phồn thịnh.

Liều thuốc để tạo sinh lực cho một nền kinh tế bắt đầu suy yếu thường là biện pháp tiền tệ, hay biện pháp tài chánh, hoặc là cả hai đồng phối hợp, tùy theo bệnh trạng.

Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi xin phép chỉ đề cập tới những biện pháp tiền tệ mà thôi, như vậy tức là duyệt qua các

phương tiện luật pháp thừa nhận cho « Ngân hàng các tiểu bang Đức » được quyền sử dụng để điều hòa sự lưu hành tiền tệ, bảo đảm mại lực đồng tiền và dùng nền tiền tệ để ảnh hưởng sự biến chuyển của trào lưu kinh tế.



Sự tùy thuộc tất cả tổ chức ngân hàng vào hệ thống trung ương, như trên đã nói, là điều kiện thuận tiện cho việc thi hành biện pháp tiền tệ. Muốn tăng hay giảm khối lượng tiền tệ lưu hành, dựa vào chỉ thị « Ngân hàng các tiểu bang Đức », ở các tiểu bang Ngân hàng tiểu bang Trung ương có thể :

— thi hành chánh sách chiết khấu (Diskontpolitik)

— tham dự thị trường tín phiếu (Offenmarktpolitik)

— đổi thay qui định về tối thiểu dự trữ (Mindestreservpolitik)

— và đối để, có thể quyết định hạn chế cho vay (Kreditrestriktion).

Thay đổi tối thiểu dự trữ là hiệu quả hơn hết, cho nên tương cần tìm hiểu vấn đề một cách tường tận.

Điều khoản thứ 6 trong đạo luật về phát hành định rằng mỗi Ngân hàng tiểu bang Trung ương phải đặt tại « Ngân hàng các tiểu bang Đức » một dự trữ tối thiểu là 12% tổng số tiền nợ các nơi, số dự trữ này có thể đạt tới mức cao hơn hết là 30%.

Tất cả ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ một tiểu bang phải đặt tối thiểu dự

trữ tại Ngân hàng Tiểu bang Trung ương. Tối thiểu dự trữ tính theo bách phân tiền khách hàng gửi. Có 3 loại tiền gửi :

— gửi không định kỳ hạn, bất cứ lúc nào cũng có thể rút tiền ra ;

— gửi có kỳ hạn : khách hàng thỏa thuận trước sẽ rút tiền ra sau 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng hay 1 năm ;

— tiền tiết kiệm, gửi dài hạn để sinh lời.

4.— Số tiền gửi (không kể tiền tiết kiệm) từ 5 đến 10 triệu.

5.— Số tiền gửi (không kể tiền tiết kiệm) từ 1 đến 5 triệu.

6.— Số tiền gửi (không kể tiền tiết kiệm) dưới 1 triệu DM.

Dưới đây là bản ghi tỷ lệ tối thiểu dự trữ hồi đầu tháng 5/1952.

(tính theo % tiền khách gửi)

LOẠI TIỀN GỬI	CHỖ THỊ TỨ						CHỖ KHÔNG PHẢI THỊ TỨ					
	I	II	III	IV	V	VI	I	II	III	IV	V	VI
KHÔNG ĐỊNH KỲ HẠN	15	14	13	12	11	10	12	11	10	9	8	8
GỬI CÓ KỲ HẠN	8	7,5	7	6,5	6	5,5	8	7,5	7	6,5	6	5,5
TIỀN TIẾT KIỆM	NHÚT LOẠI :						4 0/0					

Đối với loại tiền gửi không định kỳ hạn, vì không biết trước lúc nào khách hàng đến rút tiền ra nên ngân hàng cần phòng bị nhiều hơn, số tối thiểu dự trữ vì đó phải cao hơn tối thiểu dự trữ đối với tiền tiết kiệm chẳng hạn.

Việc qui định tối thiểu dự trữ còn tùy nơi cấp bậc quan trọng của ngân hàng và tùy nơi ngân hàng hoạt động tại một chỗ thị tứ hay một thành phố nhỏ. Dựa vào số tiền khách gửi, ngân hàng được phân ra làm 6 bậc :

1.— Số tiền gửi (không kể tiền tiết kiệm) từ 100 triệu DM trở lên ;

2.— Số tiền gửi (không kể tiền tiết kiệm) từ 50 đến 100 triệu.

3.— Số tiền gửi (không kể tiền tiết kiệm) từ 10 đến 50 triệu.

Mỗi ngân hàng có bốn phen hằng tháng báo cáo số thâu trung bình về tiền khách hàng gửi. Số tối thiểu dự trữ phải giữ đúng theo qui định.

Đối với « Ngân hàng các Tiểu bang Đức » qui định về tối thiểu dự trữ là phương tiện để lèo lái nền tiền tệ : mỗi khi tăng hay giảm tỷ lệ tối thiểu dự trữ khối lượng tiền tệ lưu hành sẽ bị thâu hẹp lại hoặc bành trướng thêm. Mỗi 1 DM bắt buộc bỏ thêm vào quỹ dự trữ tối thiểu (nếu tăng tỷ lệ) hoặc được phép rút bớt (nếu giảm tỷ lệ) sẽ làm cho khối lượng tiền tệ thay đổi độ 5 DM. Ấy là về mặt lý thuyết.

Tại sao lại có sự biến hóa gia bội nói trên ?

Ví dụ sau đây giải thích sự gia bội của đồng tiền lưu chuyển trong một hệ thống ngân hàng. Để dễ tính, chúng ta nhận rằng tỷ lệ dự trữ tối thiểu nhứt loạt là 20%. Và

cũng xin chú ý rằng số tiền gia bội, số tiền sanh sôi, nảy nở ra gấp 5 lần nói đây là tiền sò, cũng gọi là tiền xoay chuyển (Buchgeld, Giralgeld), có hiệu lực lưu hành trong vòng sò sách bút toán, từ trương mục này sang trương mục nọ, chớ không phải là tiền mặt. Không ai có phép mầu biến 1 tấm giấy bạc 100 đồng thành ra 5 tấm ! Ở một nước tân tiến ngày nay, tiền sò còn thông dụng hơn là tiền mặt, vì phần đông dân chúng ai cũng có mở sò (mở trương mục) tại ngân hàng hay sò bưu điện, việc thanh toán tiền nong với nhau thường giải quyết bằng lối chuyển tiền từ sò này qua sò nọ.

Xin trở về với vấn đề biến hóa gia bội, 1 biến thành 5.

Một bà quả phụ không muốn cắt dấu số tiền dành dụm trong gói, đem đến gửi ngân hàng A 1000 DM. Theo tỷ lệ tãi thiếu dự trữ 20%, ngân hàng A phải bỏ 200 DM vào quỹ dự trữ, còn thừa lại 800 DM, ngân hàng dùng cho vay đặt nợ để kiếm lời.

Trong sổ sách kế toán ngân hàng A đã ghi 1000 DM tiền ngân hàng nợ bà quả phụ. 1000 DM này là tiền sò.

Bây giờ chúng ta ví dụ rằng ngân hàng A dùng 800 DM mua khế từ kỹ nghệ do một khách hàng của ngân hàng B đưa ra bán trên thị trường tín phiếu. Cái chi phiếu 800 DM, — tiền bán khế từ, — ông khách này đem tới đóng vào trương mục mình tại ngân hàng B. Thế là ngân hàng B nhận 800 DM của khách, phải dành 160 DM cho quỹ dự trữ tối thiểu, và có thể xử dụng 640 DM còn thừa lại vào công việc làm ăn. Trong

trương mục của ông khách hàng gửi tiền ngân hàng ghi vô phần sò hữu 800 DM ; nói một cách khác, ngân hàng B nợ khách 800 DM.

Số tiền 640 DM mà ngân hàng B dùng cho vay đặt nợ lại lọt vào tay của ngân hàng C. Trừ 128 DM phần dự trữ tối thiểu, ngân hàng này có thể xử dụng 512 DM. Ngân hàng C ghi vào sò số tiền 640 DM nợ khách hàng.

Lịch trình biến hóa cứ tiếp tục mãi cho đến khi nào phần tiền thừa lại để ngân hàng xử dụng thu hẹp còn 1 DM mới chấm dứt.

Trải qua ba ngân hàng A, B, C, số tiền sò nảy sanh ra đã được 1000 DM + 640 DM. Qua một loạt ba ngân hàng khác như D, E, F, chúng ta có thể tính rằng số tiền sò lên tới hơn 2789 DM. Cho tới mút chót của sự biến hóa thì 1000 DM nguyên thủy (tiền mặt) của bà quả phụ đem gửi cho ngân hàng A đã tạo được 5000 DM tiền sò trong hệ thống ngân hàng, và các ngân hàng đã xử dụng 4000 DM vào công việc làm ăn để tề đồng lời.

Đó là lý thuyết biến hóa gia bội, 1 biến thành 5. Tuy nhiên trong thực tế sự thể không phải đơn giản như trong ví dụ bên trên. Tất nhiên sẽ có những ngân hàng ngoài việc bỏ vào quỹ dự trữ tối thiểu 20% tiền khách gửi, còn giữ thêm năm ba phần trăm dự trữ phụ trội để phòng xa. Như vậy số tiền còn thừa lại ngân hàng dùng làm vốn hoạt động sẽ ít hơn là $\frac{4}{5}$ tiền nhận của khách hàng. Do đó chung cuộc không đạt tới tỷ lệ 1 biến thành 5.

Lại nữa, một phần số tiền gửi có thể bị rút ra khỏi vòng lưu chuyển để nằm chết trong tủ sắt hay trong gối. Ví dụ ông khách ngân hàng B, sau khi đưa cái chỉ phiếu 800 DM (tiền bán khế từ) đóng vào trương mục mình tại ngân hàng, tới rút ra 300 DM đem về cất vào tủ. Thế là số tiền số phát sinh ở ngân hàng B chỉ có 500 DM. Nếu từ đó trở đi, đồng tiền không lọt ra ngoài vòng lưu chuyển, đến chung cuộc thì 1000 DM nguyên thủy của bà quả phụ tạo ra được 3500 DM tiền số, cuộc biến hóa gia bội, tính theo tỷ lệ, chỉ đạt tới mức $1/3,5$.

Bây giờ xin đề cập tới một trường hợp trái ngược lại.

Bà quả phụ trước kia đem 1000 DM gửi cho ngân hàng A bỗng nhiên đâm lo trước sự biến chuyển thời cuộc quốc tế, bèn đến ngân hàng đòi rút ra tất cả số tiền 1000 DM.

Xuất trả 1000 DM, tất nhiên ngân hàng phải có tiền mặt. Trước kia, khi nhận tiền bà quả phụ gửi, ngân hàng chỉ đóng 200 DM vào quỹ dự trữ tối thiểu. Bây giờ muốn có thêm 800 DM tiền mặt cho đủ số 1000 DM, phải mượn tạm trong quỹ này. Số 800 DM lấy ra cần phải lập tức hoàn lại, bởi vì đây là tiền dự trữ tối thiểu cho những số tiền gửi khác. Muốn có 800 DM để đắp vào lỗ trống của quỹ dự trữ tối thiểu, ngân hàng A hoặc là đòi nợ, hoặc là đưa bán một số tín phiếu. Một người khách của ngân hàng B, cần có tiền mặt để mua tín phiếu, ngân hàng B phải đưa ra một số khế từ kỹ nghệ bán cho ngân hàng C lấy tiền bù vào chỗ thâm thủng trong quỹ dự trữ,

— và cứ thế tiếp diễn theo lối « dùi đánh đục, đục đánh xăng ».

Hậu quả là : khi bà quả phụ rút 1000 DM ra khỏi vòng lưu chuyển hệ thống ngân hàng, một số tiền số 5000 DM bị tiêu diệt, phần tiền các ngân hàng dùng vào việc kinh doanh sinh lợi (4000 DM) chẳng còn tồn tại nữa.

Bây giờ chúng ta thử tưởng tượng, do quyết định « Ngân hàng các tiểu bang Đức » giảm tỷ lệ tối thiểu dự trữ, một số tiền 200 triệu DM được giải phóng khỏi quỹ dự trữ và đưa vào vòng lưu chuyển. Theo lý thuyết, 200 triệu có thể làm nảy sinh ra được 1 tỉ, nếu tỷ lệ hiện hành là 20 %. Khối lượng tiền tệ nhìn chung tăng thêm được 1 tỉ, tất nhiên tình hình tài chính sẽ trở nên dồi dào, đồng tiền thành rời rạc. Ngược lại, nếu « Ngân hàng các tiểu bang Đức » tăng tỷ lệ tối thiểu dự trữ, bắt buộc các ngân hàng phải dự trữ nhiều hơn trước và do đó, rút về quỹ dự trữ một số tiền phụ trội 200 triệu DM thì khối lượng tiền tệ lưu hành sẽ thu hẹp mất 1 tỉ, đồng tiền trở nên đắt đỏ.

Biện pháp thứ hai có thể đưa ra thi hành để đối thay khối lượng tiền tệ là việc *tham dự thị trường tín phiếu*.

Muốn gia tăng số tiền lưu hành, các ngân hàng trung ương bỏ tiền ra mua tín phiếu, nhờ đó mà nền tiền tệ trở nên lỏng vì có thêm nhiều tiền số và tiền mặt. Muốn rút bớt số tiền lưu hành, các ngân hàng trung ương lại đưa ra bán một số tín phiếu mình tích trữ. Một phần tiền mặt bị rút về, khối lượng tiền tệ lưu hành thu hẹp.

« Ngân hàng các tiểu bang Đức » và Ngân hàng tiểu bang Trung ương các tiểu bang chỉ được phép mua các loại tín phiếu có lời cố định, như là công phiếu Chánh phủ cùng là chứng khoán.

Có khi vì các ngân hàng trung ương tung ra thị trường một số lớn công phiếu để bán lấy tiền, công phiếu có thể sụt giá, nếu cung nhiều cầu ít : đó là điểm bất lợi, ngược với chủ trương vững giá công phiếu của những cơ quan ấn hành.

Nhưng liệu các ngân hàng trung ương có luôn luôn tìm được đủ khách hàng tiêu thụ số công phiếu đưa ra bán, và trường hợp ngược lại, liệu các ngân hàng trung ương có mua được đủ số công phiếu cần dùng ? Câu trả lời tùy nơi tình hình thị trường, tùy nơi tâm lý khách hàng. Thường khi người ta thích để tiền nằm yên trong tủ hơn là đưa ra mua những tín phiếu mà thị giá có thể thay đổi theo thời cuộc, — hoặc là khi các ngân hàng trung ương cần mua, người có tín phiếu, vì không cần tiền, nên chẳng cần bán.

Thường lệ biện pháp tham dự thị trường được thi hành song song với sự thay đổi tỷ lệ tối thiểu dự trữ. Mua tín phiếu phụ họa vào việc hạ tỷ lệ dự trữ. Bán tín phiếu phụ họa vào việc tăng tỷ lệ dự trữ.

Biện pháp thứ ba, xưa kia là phương tiện duy nhất của Trung ương Ngân hàng để điều hòa thị trường vốn liếng và tiền tệ, giữ vững giá cả, là *chánh sách chiết khấu*.

Theo thông lệ trong việc buôn bán, các nhà sản xuất nhận cho khách hàng mình thiếu chịu tiền bỏ hàng trong một

thời hạn dài hay ngắn tùy thỏa thuận (nhưng không quá 3 tháng). Khách hàng ký giấy hẹn đến ngày đã thỏa thuận sẽ trả khoản tiền thiếu, hoặc là yêu cầu một người khác có ăn chịu về tiền bạc với mình đứng ra trả nợ thay cho mình ; trong trường hợp sau này, người bị chỉ định trả nợ phải ký tên ưng thuận thì văn kiện làm ra mới có giá trị. Loại giấy nợ vừa nói mang danh từ chung là *thương phiếu*.

Nếu nhà sản xuất không cần tiền, ông ta chờ đợi tới kỳ hạn sẽ trình giấy nợ để thu hồi số tiền người khách thiếu. Trước kỳ hạn, nếu cần tiền, ông ta vẫn có thể mang tới ngân hàng chiết khấu. Tất nhiên ngân hàng không trả trọn vẹn số nợ ghi trong thương phiếu : họ trừ bớt khoản lời của số nợ, tính từ ngày giao thương phiếu cho ngân hàng cho đến kỳ hạn khách phải trả nợ, theo số bách phân hiện hành. Ví dụ còn 54 ngày nữa ngân hàng mới có thể đòi số nợ 4000 DM ghi trong thương phiếu. Nếu phân lời chiết khấu qui định là 4 %, ngân hàng sẽ trừ lên một số tiền lời $160 \times 54 : 360 = 24$ DM và chỉ xuất trả cho nhà sản xuất 3976 DM.

Khi nào chính ngân hàng cũng cần tiền, họ có thể đưa thương phiếu tới Ngân hàng tiểu bang Trung ương để tái chiết khấu.

Tăng phân lời chiết khấu có hiệu quả làm cho đồng tiền đắt đỏ ; ngược lại giảm phân lời chiết khấu, đồng tiền sẽ trở nên rớt rỗng.

Trước kia người ta nghiệm rằng những nhà buôn si có thói quen tích trữ hàng để

cầm giá. Trên thị trường món hàng càng khan hiếm thì giá bán càng cao. Đồng tiền rời rạc tạo điều kiện cho việc tích trữ hàng hóa, bởi vì phí tồn ít. Và lại nếu cần tiền, họ có thể vay mượn, cầm thế nơi ngân hàng, và chỉ chịu lời nhẹ.

Với đồng tiền đắt đỏ, việc tích trữ không còn thuận lợi cho những nhà buôn si, họ bắt buộc phải bán ra, do đó giá cả trên thị trường sẽ sụt bớt.

Sự thay đổi phân lời chiết khấu ảnh hưởng không riêng gì đến việc buôn bán, mà cả đến việc vay hỏi tiền bạc làm ăn, việc mua bán tín phiếu, vì mỗi liên quan mật thiết giữa các ngành hoạt động về tiền tệ. Số lời trong việc cho vay đặt nợ dựa vào phân lời chiết khấu mà thay đổi.

Áp dụng biện pháp chiết khấu đòi hỏi sự nghiên cứu tình hình kinh tế. Giữa lúc mức sản xuất còn thấp kém, dầu tăng phân lời chiết khấu cũng không bình được giá sinh hoạt. Giữa buổi giao thời, từ một nền kinh tế hướng dẫn chuyển qua một nền kinh tế tự do, — như ở Đức sau ngày cải cách tiền tệ, — trong khi các nhà doanh nghiệp thấy trước mắt nhiều công cuộc làm ăn có lời cỡ 40-50%, dầu cho phân lời chiết khấu có tăng lên 1-2%, trông không vì đó mà khiến họ bỏ lỡ cơ hội,

Mùa thu năm 1948, trên thị trường tiêu thụ giá cả vọt lên cao. Nguyên do: nền tiền tệ rất lỏng, dân chúng lại tranh nhau mua sắm để bù lại cảnh thiếu thốn đã trải qua trong thời chiến

tranh, mặc dầu mức sản xuất còn thấp chưa thể cống hiến nhiều cho thị trường. « Ngân hàng các tiểu bang Đức » thấy trước rằng nếu dùng biện pháp chiết khấu họ không đủ sức chặn đứng sự tăng giá. Vấn đề đặt ra là phải tìm cách làm cho đồng tiền trở nên đắt đỏ.

« Ngân hàng các tiểu bang Đức » quyết định thi hành *hạn chế tín dụng*. Ngân hàng tiểu bang Trung ương các tiểu bang được lệnh hạn chế tiền xuất cho các ngân hàng trong khuôn khổ tái chiết khấu. Những điều kiện gắt gao được đề ra để loại bớt những thương phiếu đưa tới chiết khấu, nhờ vậy bài trừ được nạn tích trữ, đầu cơ. Các thương gia cần vốn trong việc xuất nhập cảng được biệt đãi.

Mục đích bình giá thị trường thực hiện được, đồng DM được củng cố, đến tháng 5/1949 chủ trương hạn chế tín dụng không còn thi hành nữa.

Những nhà chuyên môn tiền tệ như bác sĩ Schacht (Chủ tịch Ngân hàng quốc gia Đức dưới thời quốc xã), như bác sĩ Vocke (Chủ tịch « Ngân hàng các tiểu bang Đức ») được coi như là những nhà « ảo thuật lý tài ». Họ đã chuyển biến nền tiền tệ từ một tình thế rất đen tối tới một địa vị vững mạnh. Tất nhiên cần phải có một nghệ thuật điêu luyện. Những phương tiện cần thiết cho việc thi hành chánh sách tiền tệ trình bày trên đây, nếu áp dụng không phải thời, chẳng những không đem lại kết quả mong muốn, mà còn có hại cho nền kinh tế quốc gia.

Nhà chuyên môn tiền tệ như Schacht, như Vocke biết phán đoán xác thực tình

thể của mỗi lúc, thấy trước con đường biến chuyển của nền kinh tế và đưa ra áp dụng những giải pháp thích hợp, phải thời phải lúc, không quá bạo mà cũng không quá nhu. Đó là nghệ thuật của họ.



Theo bản công bố hằng tuần của «Ngân hàng các tiểu bang Đức» ngày 30-4-1957, số lượng vàng và chỉ tệ hiện có ở Đức được 19.519, 4 triệu DM, trong khi khối lượng giấy bạc lưu hành chỉ là 15.178,7 triệu DM.

Đạo luật phát hành không có qui định vấn đề bảo đảm, nhưng nếu tính mối quan hệ giữa vàng chỉ tệ và giấy bạc thì, trong thực tế, đồng DM được bảo đảm hơn 128%.

Vào giữa tháng 8/1957, số lượng vàng và chỉ tệ vọt lên đến con số 22 ngàn triệu (22 tỉ) DM. Vàng và chỉ tệ càng chong chóng trong kho «Ngân hàng các tiểu bang Đức» càng gây ra nhiều vấn đề lo ngại cho những người có trách nhiệm điều khiển nền tiền tệ.

Đức là một nước kỹ nghệ, nền kinh tế chú trọng vào việc mua bán với bên ngoài. Đòn cân thương mại thuận lợi (mua vô ít, bán ra nhiều) khiến cho vàng từ các nơi tràn về Đức. Nhiều nước trong khối Liên hiệp tiền tệ Âu châu đã lên tiếng phản đối, cho rằng Đức là một ông chủ nợ xấu, tìm cách bòn rút vàng về mình. Họ đòi hỏi Đức thi hành những biện pháp cụ thể để giảm bớt số thặng dư trong đòn cân thương mại, nghĩa là Đức phải nhập cảng hàng hóa của họ nhiều hơn. Anh và Pháp dọa sẽ siết chặt số hàng nhập cảng từ Đức quốc để bảo vệ dự trữ vàng và đô la.

Đối với nội tình Đức, sự chênh lệch quá nhiều về xuất nhập cảng không phải là một sự trạng luôn luôn đáng mừng.

Số chỉ tệ, do nơi xuất cảng mà có, sẽ ảnh hưởng đến thị trường tiền tệ Đức. Bởi vì nếu các nhà xuất cảng đưa số chỉ tệ họ sẵn có ra bán, người mua sẽ trả cho họ bằng DM; như vậy, khối lượng tiền tệ lưu hành do nơi nền ngoại thương thuận lợi, đã gia tăng thêm một số DM phụ trội. Ngoại tệ thâu vô càng nhiều càng làm cho khối nội tệ thêm loảng. Tự nhiên mại lực đồng DM sẽ yếu đi.

Vì có nhiều chỉ tệ đưa ra bán nên trên thị trường Đức chỉ tệ sụt giá. Trong khi ấy ở ngoại quốc tiền Đức được cao giá vì các nhà nhập cảng ngoại quốc cần đồng DM để mua hàng Đức.

Đối với ngoại quốc, hàng Đức mất hơn trước. Muốn có 1 DM bình thường phải trả 100 quan tiền Pháp chẳng hạn, nay vì tiền Đức cao giá, nhà nhập cảng phải trả 102 quan trên thị trường chỉ tệ ở Pháp. Giá vốn cao, phải bán ra mất. Trên thị trường ngoại quốc, nếu hàng Đức giá cao, các nhà sản xuất Đức thất lợi về mặt cạnh tranh.

Nhìn trở lại về phía Đức. Chúng ta thấy rằng, vì tiền ngoại quốc sụt giá so với tiền Đức, người Đức có lợi trong việc nhập cảng. Nếu Đức tăng khối lượng hàng hóa nhập cảng từ ngoại quốc, số thặng dư về ngoại thương có thể giảm bớt được, và trên thị trường quốc gia mại lực đồng DM được giữ vững.

Để giải quyết số vàng và chỉ tệ ứ đọng, vấn đề đầu tư ở ngoại quốc cũng

thường được bàn tới, nhưng đến nay số tiền bỏ ra kinh doanh chưa đáng kể, so với khả năng vốn liếng hiện có. Nguyên do là sự dè dặt. Sau cuộc chiến tranh, phần lớn tài sản Đức ở ngoại quốc bị tịch thu. Ở các vùng đất mới có thể đầu tư thì tình hình chánh trị thường không ổn định.

Gần đây ông Bộ trưởng Bộ Kinh tế Liên bang, giáo sư Erhard, trong cuộc du hành sang Mỹ đã có tuyên bố về vấn đề ngoại viện. Chánh phủ Đức không có một chương trình riêng rẽ để thi hành sự viện trợ, nhưng sẵn sàng giúp vốn cho Thế giới Ngân hàng (Weltbank) để thực hiện mục đích này. Trong năm qua số tiền tư nhân bỏ ra đầu tư ở ngoại quốc lên tới 800 triệu DM. Từ đây trở đi, sự tham dự của Đức sẽ nhiều hơn trước.



Năm 1948, khi đồng DM bắt đầu lưu hành, nhiều nhà chuyên môn ngoại quốc

tỏ ý hoài nghi nơi tương lai của một đồng tiền chẳng có đến một li vàng bảo đảm.

Ngày nay đồng DM thành một trong những đơn vị tiền tệ mạnh nhất trên thế giới, bên cạnh đồng đô la Mỹ, đồng đô la Gia-nã-đại và đồng quan Thụy-sĩ.

Kinh nghiệm Đức cho chúng ta thấy rằng giá trị đồng tiền không nhứt định do số vàng bảo đảm. Một đơn vị tiền tệ, dầu chỉ là tiền giấy không bảo đảm vẫn có thể đạt một địa vị vững mạnh nếu :

- được sự tín nhiệm của toàn dân ;
- dựa vào khả năng sáng tạo của nhân dân ;
- tìm được điều kiện phát triển trong một tổ chức kinh tế thích hợp ;
- đặt dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương ngân hàng.

X. X. X.

★ Nếu ta muốn tác động ý chí của người thì ta phải soi sáng lương tâm của người ; nếu ta muốn soi sáng lý trí của người thì ta phải lôi cuốn cảm tình của người.

GABRIEL PALAU

★ Kẻ yêu người tất biết làm cho người yêu mình ; kẻ biết làm cho người yêu mình tất không có điều thiện nào mà không làm được.

P. DIDON

BẢO TỒN

TRÊN

LỤC ĐỊA TRUNG HOA

(tiếp theo)

Tiểu-Dân dịch

Trong sự vùng dậy của các thành phần dân chúng phong trào sinh viên mạnh mẽ hàng đầu và làm cho các nhà cầm quyền lo âu rất nhiều.

Lời tuyên bố của Dương-Thiếu-Phương (Yang Hsiu Feng) tại quốc hội có giá trị của một gáo dầu tưới vào đám lửa bắt đầu lan tràn. Dương nói : « Đời sống máy móc và đồng đều của sinh viên phải được thay đổi ; phải cho họ nhiều tự do hơn để họ có thể lãnh hội chương trình học ; phải lưu ý hơn đến việc đào tạo cho họ một tư tưởng độc lập. »

Thật ra, giới sinh viên bất mãn chế độ vì nhiều lý do. Ta sẽ chú ý xem xét những điểm chống đối chính quyền của sinh viên Trung-hoa, trên cương vị của họ.

Một trong những điểm xích mích dễ bị kích động nhất là sự phân bổ sinh viên đi học ở các khoa đại học. Sau đó là

việc bổ dụng họ vào các chức vụ cần có người thi hành.

Chính quyền Cộng sản đã hành động như thế nào ? Trước hết, chính phủ buộc sinh viên phải thừa nhận rằng chính phủ có trách nhiệm lãnh đạo chương trình, kế hoạch kiến thiết quốc gia. Dựa vào danh nghĩa trách nhiệm này, chính phủ tự dành cho mình thẩm quyền định đoạt tuyệt đối về các việc phân bổ và bổ dụng nói trên.

Sinh viên không có quyền quyết định về những vấn đề có liên quan đến bản thân và tương lai của họ. Đôi khi chính phủ cũng « dân chủ » đến mức cho sinh viên được trình bày nguyện vọng, xu hướng của họ. Nhưng sau khi trình bày rồi thì họ cứ việc chờ đợi để phục tùng sự quyết định của chính phủ, dù cho sự quyết định này nghịch hẳn lại nguyện vọng, xu hướng thiết tha và hợp lý của họ.

Tuy nhiên, nếu các quyết định của chính phủ sáng suốt và đúng đắn thì vẫn để lại khác đi. Các sinh viên có thể tự an ủi về sự thiệt thòi của họ trong việc sử dụng tự do dân chủ. Đáng này, chính phủ phạm phải nhiều khuyết điểm nghiêm trọng, làm cho mỗi bất mãn của sinh viên càng thêm sâu sắc. Các công sở cần chuyên viên về một ngành loại nhất định ư ? Những sinh viên do chính phủ cung cấp là những phần tử ít có khả năng về ngành loại ấy nhất. Các sinh viên tốt nghiệp mong mỗi những chức vụ có thể làm phát triển hay ít nhất sáng tỏ khả năng của họ ư ? Họ cứ việc mà thất vọng. Vì một sáng, một chiều nào đó, họ sẽ bị bắt buộc phục vụ chính phủ và nhân dân ở những chức vụ mà họ không hề tưởng phải làm.

Chế độ các trường Đại học bị chỉ trích rất chua cay. Chính báo Nhân dân ngày 4 tháng 9 viết : « Trong những năm gần đây, không những các sinh viên phải học, các giáo sư phải dạy, hơn mười giờ mỗi ngày, chúa nhật không nghỉ, mà họ còn phải lao động sản xuất và tham gia các hoạt động khác những ngày nghỉ. Người ta đòi hỏi quá đáng trong các chương trình học ; lớp nhiều, môn học nhiều. Sinh viên và giáo sư bị kiệt sức, càng ngày sức khỏe đi đến tiêu vong. Người ta đã chú trọng quá đáng về chỗ đồng hóa sinh hoạt ở các học đường...

Phong trào chống đối bỗng bột và lan tràn của sinh viên buộc chính quyền phải tạm thời nhượng bộ. Kỳ khai giảng tháng 9, người ta áp dụng một chính sách « buông lơi » phần nào, trao trả lại cho

sinh viên chút ít tự do. Nhưng trễ rồi. Các nhà cầm quyền đã kinh khủng trước các hình thức phản ứng cao, thấp, bộc lộ, ngấm ngấm của sinh viên mọi nơi đối với chế độ.

Quang-Minh báo, ngày 26 tháng 10, đã gióng lên tiếng chuông báo nguy :

« Ở Đại học đường Nam-kinh, sinh viên đánh bài hoặc tán dóc ngoài thì giờ học.

« Tại Trường Hàm Mỗ Bắc-kinh, một số sinh viên ngủ suốt buổi sáng, lấy cớ rằng họ không có giờ học, ăn trưa xong, họ ngủ nữa ; buổi tối, vào giờ học tập cá nhân, họ không học.

« Ở Đại học đường Bình-dân Trung-hoa Bắc kinh, sinh viên làm những việc khác theo sở thích của họ, trong thì giờ dành cho việc học tập cá nhân : trong năm đêm, họ đi xem chiếu bóng ba đêm và hai đêm, đi xem đá bóng... Ngày trước, người ta bắt buộc một sự đồng hóa trong việc học cũng như trong đời sống học sinh. Nhưng ngày nay, nhiều sinh viên chỉ nghe theo sở thích của chính mình. Ở Viện Kinh Tài miền Nam Hoa-Trung, một số sinh viên, trong giờ học, không nghe thầy giảng bài mà học cái gì họ thích hay đọc tiểu thuyết nữa. Tại Đại học đường Bắc-kinh, số sinh viên ghi tên học tiếng Ấn Độ lại hăng hái học tiếng Anh... Giáo sư và cán bộ hữu trách không dám phản ứng... Trong những cuộc họp học sinh và những cuộc bầu cử đại biểu học sinh, người ta thấy biểu lộ một xu hướng dân-chủ quá đáng. Một số sinh viên quá khích đến nỗi cho ý kiến đa số là sai lầm và cho ý kiến thiểu số là đúng đắn.

« Tại Đại học đường Sư Phạm Hoa
« Bắc, trong số mười sinh viên phải tham
« gia một đoàn tiếp tân, chỉ có hai sinh
« viên tuân kỷ luật mà đến... Khi những
« cán bộ hữu trách đến động viên sinh viên
« làm việc này, việc khác, sinh viên nêu
« các nguyên tắc « tự-do » đề chống đối.

« Ở Viện nghiên cứu sắt, thép Bắc
« kinh, nhiều sinh viên không xem trọng
« những bài học về lý thuyết chính trị. Họ
« tự cho đã hiểu biết lý thuyết chính trị khá
« đầy đủ rồi, từ đây về sau môn ấy không
« quan trọng nữa... Họ bác bỏ tất cả
« kỷ luật... Những nguyên tắc tự do trở
« nên một thời thượng và tạo thành một
« sự kiện rất nghiêm trọng ».

Trước tình hình tư tưởng của sinh viên
khắp nơi như thế, chính phủ quyết định
dùng mọi cách thích đáng để chặn đứng
nguy cơ.

Báo Nhân Dân ngày 28 tháng 10 viết :

« Từ đầu lục cá nguyệt, những học viện
« cao cấp đã thi hành những biện pháp
« để giảm nhẹ các trách vụ mà sinh viên
« bị bắt buộc thực hiện. Vậy mà trong toàn
« quốc một số hiện tượng bất lợi đã xuất
« lộ... Cấp bộ lãnh đạo các học viện cao
« cấp phải giải thích rõ ràng cho các sinh
« viên hiểu những mối tương quan giữa
« chủ nghĩa cá nhân, giữa sự phát triển
« chung và sự phát triển riêng, giữa chế
« độ trung ương tập quyền và chế độ
« dân chủ, giữa kỷ luật tự giác và tự
do cá nhân... »

Một điều mà chính quyền Trung-Cộng
không thể dự đoán được là ý thức tự do,
dân chủ của sinh viên cũng như của các
tầng lớp dân chúng một khi đã bột phát,

khó lòng bị bóp chết dù bằng những hình
thức nhượng bộ nào.

Trong lúc này, toàn bộ thế giới Cộng
sản bị những biến cố Ba-lan, Hung-gia-
lợi rung chuyển mãnh liệt. Từ ngày thần
tượng Xít-ta-lin bị hạ bệ, người ta đã
nói nhiều đến thuyết « Có nhiều con đường
tiến tới Cộng sản chủ nghĩa ».

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ tám
hợp tại Bắc-kinh tháng chín, nhằm mục
đích chính yếu là trình bày cho nhiều nhân
vật ngoại quốc thấy rằng người Trung-
Hoa không bị sự biến chuyển về ý thức
hệ Cộng sản ở Nga-sô làm ngơ ngàng
chút nào, trái lại sự lãnh đạo của Đảng
Cộng sản Trung-Hoa từ trước đến nay
làm cho người Trung-Hoa càng thấy thoải
mái trong không khí mới.

Đảng Cộng sản Trung-Hoa đã luôn luôn
tôn trọng và đề cao sự tập thể lãnh đạo.
Đảng không hề phạm lỗi tôn sùng cá nhân.
Đảng ca ngợi Mao chủ tịch là « Vị lãnh
đạo vô song của cách mạng Trung-Hoa »
chỉ vì xem Mao chủ tịch là người « phản
chiếu sức mạnh và sự sáng suốt của Đảng »,
chớ không hề vì tư tưởng tôn sùng họ
Mao như một bậc á thánh. Đảng cũng
xác nhận rằng lẽ lỗi sinh hoạt nội bộ xưa
nay rất là dân chủ : óc sáng kiến ở cơ
sở luôn luôn được cấp lãnh đạo chú tâm
khuyến khích, phát triển.

Trước sự hiện diện của Mi-côi-ân (Mi-
koyau), Lưu-Thiếu-Kỳ minh xác những
đường lối cách mạng riêng biệt của Trung-
Quốc.

Đáng lẽ thủ tiêu một lần giai cấp
tư bản, Trung-quốc đã lợi dụng được
sự ít ỏi của số tư bản bản xứ để loại

trừ hoặc cải tạo họ dần dần. Nhờ kinh nghiệm của Nga-sô, Trung-quốc đã tránh được những sai lầm mà các chiến sĩ tiên phong của phong trào tập thể hóa sản xuất canh nông đã mắc phải. Trung-quốc đã biết thiết lập một sự hợp tác nhịp nhàng giữa các chính đảng dân chủ và Đảng Cộng-sản, thay vì cấm đoán những chính đảng ấy.

Nhưng những biến cố ở Đông-Âu gieo rắc sự rối ren trong Đảng cũng như trong giới sinh viên. Ngày 30 tháng 10, trong một giấc thư được cân nhắc kỹ càng, Nga-sô thừa nhận rằng những liên quan giữa các nước xã hội chủ nghĩa không phải luôn luôn tốt đẹp và cần được duyệt xét lại, rằng những biến cố Hung-gia-lợi, tuy bị những yếu tố phản cách mạng làm vẩn đục, vốn là một sự chỉ trích chính đáng đối với chế độ hành chính bất hảo trước đây.

Với một sự nhanh chóng chưa bao giờ thấy, báo Nhân-dân công bố giấc thư ấy ngày 1 tháng 11, kèm theo một bài bình luận chính thức : « Chính phủ nước Cộng-hòa Trung-hoa nhận định rằng lời tuyên bố ấy của chính phủ Liên-xô là xác đáng... Những sai lầm quá khứ đã gây ra những sự* ngộ nhận và phân ly. Những sai lầm ấy đã làm cho vọt nước xã hội chủ nghĩa không thể kiến thiết một chế độ xã hội thích nghi với lịch sử và tài năng của họ... Đó là trường hợp của nước Nam-tư những năm 1948-1949 và gần đây hơn, của nước Ba-lan... Chính phủ Trung-quốc chăm chú theo dõi nguyện vọng của các dân tộc Ba-lan và Hung-gia-lợi đối với Dân chủ, Độc lập, Bình đẳng và

Cải thiện dân sinh. Những nguyện vọng ấy hoàn toàn chính đáng ».

Nhưng ngày 3 tháng 11, người ta thấy cần bề queo một cách khôn ngoan : « Dân tộc Trung-hoa quyết định sát cánh chiến đấu với phe xã hội chủ nghĩa do Liên-xô cầm đầu. » Ngày sau, người ta tổ chức lễ kỷ niệm thắng lợi của Nga-sô ở Hung-gia-lợi : « Sự quan trọng của tình hữu nghị Liên-xô đối với mỗi nước xã hội, một lần nữa, đã được chứng thực trong biến cố này... Thành kính chào mừng dân tộc và quân đội Liên-xô đã hai lần giải phóng dân tộc Hung-gia-lợi ».

Thái độ này của Đảng và Chính phủ Trung hoa đại lược rất là khó hiểu.

Phải chăng Trung-hoa âm thầm trở lại vị trí chư hầu ? Hay đây là một thủ đoạn khôn khéo của Bắc kinh ?

Người ta nhận định rằng có thể những nhà lãnh đạo Trung-Hoa mong muốn tranh thủ thời gian vì chưa nhất quyết được tương lai như thế nào. Trong tình hình bấp bênh này, hai sự kiện nổi bật : Thuyết Bách-hoa vẫn còn hiệu lực và Trung quốc tiếp tục đòi bình đẳng với Nga-sô.

Dĩ nhiên là nhà cầm quyền luôn luôn đẩy mạnh công cuộc tuyên truyền, huấn luyện về chủ nghĩa Cộng-sản, đi song song với công cuộc diệt trừ những tư tưởng phản cách mạng.

Trong tháng 10, trường Trung-học Xã-hội Chủ-nghĩa mở cửa thâu vào đề giáo dục chính trị những phần tử xuất thân từ giai cấp tư bản : số 149 sinh viên được

thu nạp sẽ học, trong một năm, chủ nghĩa duy vật biện chứng, kinh tế chính trị học Nga-sô và lịch sử cách mạng Trung Hoa. Đối với tất cả trình độ tư tưởng, nhà cầm quyền giới thiệu và buộc phải thừa nhận rằng môn giáo dục chính trị là liều thuốc chữa bá bệnh.

Nhưng người ta mong muốn sự chuyên chữa ấy thông minh và linh động hơn. Nhận-thức, (tháng 10 năm 1956), tạp chí nhiều uy tín, phản nản rằng các giáo sư chỉ biết bắt học bài thuộc lòng; theo tạp chí ấy, phải áp dụng trở lại sự tự do tranh luận trong các lớp học; đó là một điều thiết yếu, không phải để thoát ly khoa học mác xít — nếu như vậy sẽ là chuyện cường điệu không thể nói nữa — mà là để cho mọi người thấm nhuần nội dung chân chính của chủ nghĩa.

Về mặt công khai, người ta làm ra vẻ không tán thành mọi biện pháp khống chế bằng bạo lực và báo chí vẫn được mở rộng cho các cuộc tranh luận. Trong khi tiếc rằng người ta đã nhạo báng sự cải cách kịch trường, báo chí nhận rằng sự cải cách ấy không thể thực hiện được với uy quyền chính phủ mà cần có thời gian và sự giúp đỡ của các nghệ sĩ giàu kinh nghiệm. Báo chí nhân nhượng thừa nhận rằng các phim không xuất sắc nhưng nhấn mạnh về giá trị của các phim là « đã giáo dục tinh thần ái quốc và chủ nghĩa xã hội cho hàng trăm triệu người. » Những nhà xuất bản bị thẳng thắn tố cáo : *Sinh viên thiếu sách học và giáo sư thiếu tài liệu giáo khoa căn bản ; công nhân thiếu hẳn sách chuyên môn, nhà bác học thiếu hẳn dụng cụ khoa học. Những người xuất bản phát hành bao nhiêu là*

sách không giải đáp đúng nhu cầu của quần chúng ; việc bán sách khó khăn vì người ta in ra nhiều quá như vậy ; những sách ấy lặp lại bấy nhiêu nội dung và không có giá trị. » (Báo Nhân-dân, 12 tháng 12).

Phải có những sách bình dân để phổ biến đường lối chủ trương của chính phủ nhưng sự biên soạn phải chu đáo và dựa vào thị hiếu công chúng.

Người ta tiếp tục chế độ thói lập dị, bắt buộc Nga-sô trong mọi việc.

Và lại, trong khi triệt để ủng hộ lập trường chính trị của Nga-sô, rõ ràng là Trung-hoa hy vọng nhờ đó hưởng thụ một sự tự do hành động rộng rãi hơn. Các bài diễn văn của Ti-tô, Cạt-đen (Kardelj) về vấn đề Hung-gia-lợi mà nội dung chống Nga, được đăng trọn vẹn. Đồng thời, những bài bênh vực Nga cũng được đăng như vậy.

Ngày 28 tháng 12, Trung-Hoa minh xác thái độ trong một tài liệu dày nhan đề « Lại bàn về vấn đề kinh nghiệm lịch sử của nền vô sản chuyên chính ». Ở phần đầu tài liệu, Trung-Hoa trình bày, xem như ý kiến của mình, những lời của Cơ-rút-sét đáp lại Ti-tô :

« Lợi dụng những lỗi lầm mà Liên-sô phạm phải để công kích ngay bản chất chế độ Liên-sô, là một hành động vu khống. Những nguyên tắc Mác-Lê buộc ta phải đánh vào các phần tử phản cách mạng những đòn chí tử, không thương xót. Các nguyên tắc ấy vẫn còn tất cả hiệu lực. Trong vài nước, những phần tử trí thức Cộng-sản kết tội Liên-sô vì Liên-sô bảo vệ chế độ Cộng-sản

TIÊU-DẪN

« ở Hung-gia-lợi. Họ lại mệnh danh công
« cuộc phản cách mạng Hung-gia-lợi là
« cách mạng. Thật là một điều làm cho
« mọi người kinh ngạc. »

Trong phần thứ hai của tài liệu, giọng
điệu khác hẳn :

« Chủ nghĩa Mác-Lê là Chân-lý phổ
« biến nhưng mỗi nước phải áp dụng
« chủ nghĩa ấy theo cách thức của mình.
« Những thành quả của Liên-sô, kể cả
« những thành quả căn bản nhất, vốn được
« nhuần cá tính quốc gia, cho nên những
« nước khác chẳng nên sao chép lại một
« cách mù quáng. Cả ở Liên-sô cũng có
« sai lầm và thất bại. Cái gì đã thành
« công ở Liên-sô không tất yếu sẽ thành
« công nơi khác ; cái gì đã thất bại ở
« Liên-sô, tốt hơn là ta chẳng nên nói
« đến làm gì. Những năm từ 1931 đến
« 1934, Đảng Cộng-sản Trung-Hoa đã
« bắt chước Liên-sô một cách mù quáng.
« Điều ấy đã kìm hãm cuộc Cách Mạng
« của chúng ta. Từ 1935 (thời kỳ Mao-
« Trạch-Đông nắm quyền lãnh đạo) đến
« 1945, một đường lối giáo điều như
« thể đã bị triệt để loại trừ, cho nên
« cách mạng đã thành công. Xít-ta-lin
« đã phải nhận sự độc lập của các đảng
« Cộng-sản và nuôi dưỡng một mặc cảm

« cường quốc. Chính chúng ta cũng rất
« có thể rơi vào một sự lệch lạc như thế.
« Nhưng chúng ta phải duy trì sự bình
« đẳng và sự đoàn kết chung quanh Liên-
« xô, trong cuộc chiến đấu chung, chống
« phe đế quốc do Mỹ cầm đầu ».

Tài liệu trên chắc chắn được các chủ
nhân ông nước Trung-Hoa thiết tha đến
lắm vì trong những tháng về sau người
ta luôn luôn dùng nó làm căn bản cho
công cuộc huấn luyện chủ nghĩa. Tài liệu
này có thể được xem là một thứ chủ nghĩa
Ti-Tô kiểu Trung-hoa : triệt để ủng hộ
đường lối chính trị của Nga-sô nhưng
với điều kiện là chủ quyền độc lập của
Trung-Hoa phải được tôn trọng.

Tháng giêng vừa qua, Chu-Ân-Lai du
hành sang Đông Âu, tuyên truyền cho vai
trò lãnh đạo thế giới Cộng-Sản của Nga-
sô, nhưng cái đích cao nhất về chuyến đi
của ông là lời tuyên bố chung Trung-hoa
Ba-lan :

« Những mối quan hệ hổ tương giữa
các nước xã hội chủ nghĩa phải được xây
dựng trên nền tảng một ý thức hệ chung
và một sự tôn trọng chủ quyền độc lập
của nhau. »

TIÊU-DẪN dịch

(Typhons sur la Chine, Charles Couturier,
Tạp chí Etudes số 2, tháng Hai năm 1958)

★ Không chịu sửa mình mà muốn có tiếng thơm để đời, thì khác
nào mặt xấu mà muốn có hình đẹp ở trong gương.

NHAN THỊ GIA HUẤN

★ Giản dị quá thì người hay lớn ; nghiêm trang quá thì người
không thân.

THUYẾT-UYỀN

NHÂN NGÀY GIỖ, THỨ II
CỤ MINH - VIÊN



HUỖNH - THÚC - KHÁNG

(1876 - 1947)

Một « ông già » đáng thương

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

(Tiếp theo)

NGƯỜI CỦA DÂN

Cụ nằm nhà, nhưng nào muốn yên thân, chẳng qua là để dưỡng sức, để nhìn, nghe, để chờ cơ hội. Biết bao « tấm thân già còn nặng gánh giang san », biết bao cánh « tay trắng quyết phất cờ xã hội », hướng chi cụ chưa tới cái tuổi « tri thiên mệnh », dĩ vãng trong trắng, vì dân, đau khổ, như vùng hào quang mà lớp thiếu niên tân học hướng về, mười ba năm tù đầy càng trui luyện lòng son, dạ sắt, chí cao xa.

Cơ hội đến với viện Nhân dân đại biểu Trung-kỳ. Nề lời bè bạn và đồng bào, cụ bằng lòng ra ứng cử ngay khóa đầu (1926). Và cụ đắc cử dân biểu tỉnh Quảng-nam một cách dễ dàng, đề sau đó, đắc cử viện trưởng viện nói trên một cách vẻ vang. Nhưng cụ nhận

rõ Chánh phủ Pháp thiếu thành thật và cùng Nam triều theo chánh sách ngu dân, nên cụ — người nói rõ rằng mình là một người cách mạng công khai — trả lại cái chức viện trưởng cho Nhà nước, và cái chức dân biểu cho nhân dân (đầu tháng 10-1928); một số dân biểu cùng theo gương cụ mà từ chức.

Con người cụ, đường lối cụ, việc làm cụ, lúc nào cũng minh bạch. Nghĩ sao, nói vậy; nói sao làm vậy; chẳng úp mở, chẳng quanh co.

Cho nên đối với nhà cầm quyền không thật bụng khai hóa nhân dân, nói làm không hợp nhứt, thì sự hợp tác thế nào mà bền được.

Đôi đoạn trong bài diễn văn đọc ngày 1-10-1928, với danh nghĩa viện

trường viện Dân biểu Trung-kỳ, đủ cho quốc dân và chánh quyền thấu tánh tình và chí hướng của nhà chí sĩ cương trực ấy :

« Chúng tôi thề theo chánh sách khai hóa của Nhà-nước và chịu nhân dân ủy thác mà ra đương cái chức trách đại biểu đã hai năm nay, những điều chúng tôi bày giải trong hai kỳ trước, vẫn biết là hẹp hòi, đơn giản, chưa hợp với chính sách to tát của Nhà-nước định thi hành trong xứ này, cùng cái nguyện vọng của nhân dân đương khao khát. Song dầu cho thế nào mặc lòng, cũng đủ tỏ cho Chính-phủ rõ rằng chúng tôi thật tin cái chính sách quảng đại của Nhà-nước, đem cái ý nguyện của nhân dân mà bày tỏ cùng Chính-phủ, mong cái viện của Nhà-nước mới đặt ra khỏi mang cái tên trống, mà chúng tôi cũng khỏi phụ cái tấm lòng tin cậy của nhân dân, chớ tuyệt nhiên không có ý gì khác. Thế mà đã hai năm nay, hình như Nhà-nước không lấy lời yêu cầu của chúng tôi làm điều, chưa thi hành một đôi điều gì để chứng cho nhân dân trong xứ hiểu rằng một cái cơ quan mới của Nhà-nước khác với chánh thể chuyên chế ngày xưa. Bởi thế nên nhân dân đã ngã lòng tin cậy nơi chúng tôi mà nhân đó cũng không dám tin đến chánh thể của Nhà-nước. Chính chúng tôi đã từng nghe những câu trong dân gian phê bình Viện chúng tôi :

« Tên là Nhân-dân đại biểu mà thật là cũng một quan trường mới. » Chúng tôi đứng vào địa vị dở dang bờ ngõ này, đối với Chính phủ đã không làm thành được việc gì, mà đối với nhân dân cũng không thể cầm hai chữ đại

biểu suông mà đáp lại cái lòng mong mỏi của họ ; đêm nằm tự nghĩ, đã thẹn lại buồn, cái hi vọng cuối cùng của chúng tôi nó làm cho cái kỳ hạn ba năm dài hơn nửa thế kỷ.

« Khổ trạng nhân dân Trung-kỳ vẫn nói không hết, song tóm lại có ba điều cần yếu :

« Một là học giớit bỏ buộc.

« Hai là tài nguyên kiệt quệ.

« Ba là hình luật phiền lụy.

« Chúng tôi xem xét tình tẻ, nghe thấy rõ ràng, nay xin đứng trước Chính-phủ cùng người Pháp, người Nam lấy lòng ngay thẳng mà thưa một câu rằng :

« Phỏng sợ Nhà-nước Bảo-hộ cứ một mực lấy quyền lực mà đối đãi dân Annam để cho càng ngày càng nghèo, càng dốt, mà dần dần đến tiêu diệt, cho là cái lợi của nước Pháp, thì chúng tôi không dám nói ; bằng Nhà-nước có nghĩ tới lợi hại chung của hai dân tộc sau này mà sẵn lòng dịu dặt dân Annam lên con đường tiến hóa đặng hợp tác với Nhà-nước thì ba điều kể trên đó, cần trước phải chăm chú sửa đổi một cách cho rất đơn giản, rất minh bạch, có chừng mực mà ít thay đổi cho hợp với nguyện vọng của dân, thì từ đó trở đi những vấn đề khác lục tục mà thi hành không chút gì là trở ngại cả.

« Nếu không như vậy thì chính sách hay đến thế nào, quan lại ra công mà hiểu thị, các nhà báo hết sức tán dương, mà bọn đại biểu chúng tôi cũng theo ý Nhà-nước

đi từng nhà, đi từng người, mà dân gian cũng cho là lời nói hảo, không dám tin y nguyên như trước.

« Tục ngữ Annam có câu :

« Nước xa không cứu được lửa gần. »

Những lời trên đây vừa được bốn mươi năm.

Chánh-phủ cộng hòa Việt khác xa Chánh-phủ Bảo-hộ Pháp.

Viện Nhân-dân đại biểu của xứ Trung kỳ bị trị đầu thề sánh với Quốc-dân đại hội của nước Việt tự do.

Song những lời cũ kỹ mà thành, mà đúng trên đây, giờ, đọc lại, chúng ta không thề nào không ngẫm nghĩ.

NGƯỜI CỦA « TIẾNG DÂN »

Đối với nhà cầm quyền, cụ không còn là người của dân nữa, song với đồng bào, cụ vẫn là người của « *Tiếng Dân* ». Dân kêu, dân than, dân bất bình, dân ao ước..., đều được linh hồn của tờ báo đầu tiên miền Trung nước Việt ấy nghe ngóng đề mà nói lên giấy trắng mực đen tiếng nói của người dân, nhất là người dân miền Trung nước Việt vốn bị hai tầng áp bức, vốn sẵn cực nghèo, vốn chịu thiệt thòi hơn hai miền Bắc, Nam, tự thuở nào và cho đến cả ngày nay.

Tiếng nói của vùng « cày ra sỏi đá » ấy đã gặp cái loa trung thành và gan dạ là báo « *Tiếng Dân* ».

Mấy lời phi lộ chân thành trên tờ « *Tiếng Dân* », ngày ra mắt quốc dân : 10-8-1927, đã nói to con đường cụ quyết theo, con đường của cơ quan ngôn luận đầu tiên của miền Trung nước Việt, của tờ báo nước nhà thuộc hạng sống lâu nhất, 17 năm trời :

« Theo tâm lý chân chánh của quốc dân mà phô bày trên mặt giấy ; công lý là hướng đường đi ; công lợi là nơi qui túc ; không thiên vị về đảng phái nào, không cố động về ảnh hưởng trống. Đối với đồng bào, xin làm vị thuốc đắng, đối với Chánh phủ, xin làm người bạn ngay ».

Người khai sanh ra tờ « *Tiếng Dân* » mỗi tuần xuất bản hai kỳ : thứ tư và thứ bảy, mỗi số 5 xu » đã đi đúng con đường mình vạch, được vậy, ngoài tài đức của người chủ nhiệm kiêm chủ bút là cụ, còn có sự cộng tác đặc lực của những bậc thanh niên đầy nhiệt huyết, như ông Trần-Đình-Phiên, quản lý, ông Đào-Duy-Anh, trợ bút cùng một số người chẳng nhiều gì quây quần chung quanh cụ, còn có sự ủng hộ nồng nàn của giới thức giả cũng như của đồng bào thường.

Báo « *Tiếng Dân* », nhà in « *Tiếng Dân* », công ty « *Huỳnh-Thúc-Kháng* » : những nơi qui tụ bao tấm lòng nặng tình chung với đất nước, và nặng tình riêng với cụ. Báo « *Tiếng Dân* », nhà in « *Tiếng dân* », công ty « *Huỳnh-Thúc-Kháng* » sống mạnh, phải chăng đó là triệu chứng lòng ái quốc của dân ta chưa yếu, chưa mềm.

Làm báo đề phụng sự lý tưởng, một lý tưởng cao đẹp, vì nước vì dân, thì người sáng lập có mạng chỉ đến việc làm giàu vì báo. Mà gặp lúc tờ báo chẳng thể sống theo mình, thì thà là cho nó chết. Và « *Tiếng dân* » đành chết, ngày 28-4-1943. Trước khi báo bị đình bản, cụ còn « dạy » cho nhà cầm quyền hai bài học đích đáng, trong hai

lần nói chuyện bằng điện thoại với phòng Tuyên-truyền và tòa Kiểm-duyet Huế. Chỉ nghe lời của con người bất khuất ấy, chúng ta đoán được nguyên do:

— « Những bài như thế, **Tiếng Dân** không thể nào đăng được, vì đăng ra dân chúng sẽ mặt sát. Ủ, tùy ý Chính-phủ, có muốn đề cho «**Tiếng Dân**» sống thì đề, còn muốn cho nó chết thì cứ đóng cửa đi. » (15)

— « **Tiếng Dân** không bao giờ đăng được mấy lời của tòa kiểm duyệt sửa kia. Tòa kiểm duyệt có quyền bỏ, chứ không có quyền sửa bài của nhà báo. Mặc ý Chính-phủ có cho **Tiếng Dân** sống thì đề nó sống, bằng không thì cứ đóng cửa. »

DỜ CHỖNG BẢO CŨ

Báo « *Tiếng Dân* » im tiếng, nhưng vẫn còn đồng vọng, nhất là trong lòng người dân Nam-Ngãi. Mãi cho đến bây giờ, ở hai tỉnh này, còn lắm ông già giữ kỷ và giữ đủ: từ số chào đời đến số vĩnh biệt, và mặc dù mỗi ăn, một khoét, giấy sòn, chữ phai, vẫn tràn trọng xem như đồ gia bảo.

Mời bạn nghe linh hồn của cơ quan ngôn luận đặc biệt này tỏ « Một mối cảm tưởng đối với vụ án Việt-nam quốc dân đảng ».

« Muốn biết giá trị một đảng nào (không nói thành bại), trước phải xét nhân vật trong đảng ấy tư cách thế nào, về giai cấp nào, và tôn chỉ lập đảng đề làm gì, biết được nội dung mà sau mới biết được cái giá trị. Như

đảng V.N.Q.Đ., trong mấy độ đây chỉ nghe cái tên, nay tòa án đã tuyên bố rồi, ăn một trái mà biết được tánh chất cái cây, xem một miếng kiêu mà biết được công xưởng nhà chế tạo (...).

.

« Phàm làm việc bí mật là cốt cho không ai biết, nhứt đản bị phát lộ ra thì thường hay kiếm điều che giấu chối cãi nọ kia; trong đảng này cũng có một phần chối cãi, nhưng chỉ đứng phần riêng mình, mà không đổ lỗi cho ai, còn một phần thì vẫn chài ruột chịu bầm, nhận trách nhiệm mình mà chờ quyền thăm sát.

« Tuy vậy, chiếu tình định tội là cái quyền hoàn toàn ở nơi Chính-phủ, công cuộc hành động, vì sao mà bại lộ là tại đảng ấy, ký giả không biện hộ cho những người bị tội, mà những người đã tuyên thệ vào đảng, thì mình làm mình chịu, cũng không bàn đến quyền xử đoán của Chính-phủ, vì những nhà cai trị đã có phương pháp nhứt định, có bàn bạc cũng là vô ích; song ký giả cũng là một người dân Việt-nam, mà trải ba mươi năm nay, cứ trông thấy những cuộc thất bại của đồng bào mà tự nhiên sinh ra một mối bi cảm. Ôi! Ưa điều lợi mà ghét điều hại, thích chỗ an mà tránh chỗ nguy, vui sự phúc mà kinh sự họa, ấy là tâm lý tự nhiên của loài người, dầu dân tộc nào cũng vậy, dầu đen máu đỏ, thịt trắng da mềm, dân Annam không phải loài người sao? Sao lại ưa điều hại, thích điều nguy, vui sự họa,

(15) Anh Minh. — Nhà cách mạng công khai và không đảng phái nào hết: cụ Huỳnh-Thúc-Kháng. — Tác giả xuất bản. — Huế. — 1953.

mà sụt xuống trời lên, cứ diễn mãi cái tuồng bi kịch mà không chừa như thế? Ký giả trông trước nghiệm sau, mĩt xem lòng nghĩ, theo chỗ tâm lý cùng những điều kinh nghiệm mà thấy được hai cái nguyên nhân :

Một là cái lòng tin ngưỡng nó đầy tới.

Hai là sự nguy cấp nó xõ đi. (16)

Thế là đứng yên một chỗ, đã không thể dừng chân mà muốn lui về đường sau, cũng chẳng có nơi nào gởi được cái hi vọng, thôi thì liều mình đánh bạo, vẫn biết đường qua cái hầm đó là nguy hiểm mà cũng không thể tránh, nghĩa là đồng một cảnh nguy hiểm mà đường sau lưng cùng đường trước mặt, hai bên so sánh thì tự nhận cho đường trước mặt là phải, nên cứ việc thẳng tới, dầu trải bao nhiêu lần thất bại mà không chừa. Bởi vậy nên muốn nước không sôi, thì chỉ bằng dục củi dưới bếp ra, mở đường tương lai thế nào cho bọn thanh niên, trước là có nơi dừng chân, sau là có thói lui lại, cũng không đến sinh điều tuyệt vọng, ấy là một điều ỏn thỏa. » (17)

Nhà chánh trị không đảng phái ấy, vào thời đế quốc Pháp siết chặt bàn tay thống trị, lúc một đảng chánh trị chân chánh thất bại nặng nề, mà có lời phán xét, có cách truy nguyên, có lối « cảnh cáo » chủ nhân ông đất nước quá khôn mà lắm khi quá vụng như thế, tưởng ít người được như cụ.

« Tiếng dân » lên bốn (1931), cụ có bài thơ kỷ niệm.

*« Cha trời mẹ đất giữa là con,
Cần phải chung lo cuộc mất còn.
Hai chục kỷ đời sấn khẫu mới,*

*Bốn mươi tám độ bóng trắng tròn.
Tha hồ hoàn cảnh chiều dòng lổ,
Trơ với giang san cuộc bể còn.
Tuổi sống do mình trời cũng giúp,
Miễn sao hết đại tặc là khôn,*

Lời chơn chất, ý rõ ràng, « nỗ lực rồi cậy trông », tư tưởng, châm ngôn, của cụ, chúng ta thấy rõ trong tám câu năm vần này.

Con người hướng về tương lai đất nước ấy, bận rộn với hiện tại như thế, lại cũng là người thường quay về dĩ vãng. Mà dĩ vãng của cụ, có thể nói là nằm trong tình bạn. Bạn tri âm, bạn tri kỷ, bạn đồng tâm, bạn đồng chí..., còn ỏi hơn là hai chí sĩ đeo đuổi hai đường lối tưởng như là trái ngược : cụ Phan-Tây-Hồ và cụ Phan-Sào-Nam. Hằng năm, tới ngày giỗ hai cụ là tác giả « *Thi tù tùng thoai* » đèn hương, trà đề cùng một số ít bạn ngủi ngủi nhớ lại người xưa.

Bao nhiêu chua chát — bấy nhiêu ghen ngào cùng tức bực — được phô bày trong bài thơ cụ làm, ngày cụ Tây-Hồ mất đúng tám năm, ngày cụ Sào-Nam còn tại thế :

*« Còn nhớ ngày này tám năm trên,
Ở Sài Gòn, đường Bên-lơ-ranh, (18)
Trước cửa nhà nọ, xe tay, xe điện,
đứng đầy cả đường hai bên.
Rõ cái rừng người đông đảo như
chợ Đình.*

*Hỏi làm gì trong lĩnh đình ?
Họ nói : đám táng cụ Phan-Chu-Trinh.
Kẻ chờ người chực,
Trông bộ ngậm ngùi và náo nức,*

(16) Chúng tôi cho in đậm.

(17) Báo Tiếng-dân, số 198, ngày 20-7-1929.

(18) Đường Pellerin, tức Pasteur bây giờ, số nhà 56, nơi cụ Tây-Hồ mất (nhà ông Huỳnh-Đình-Điển).

*Muôn nghìn bằng đèn treo cánh tay ;
 Một đường đưa lên Tân-sơn-nhất,
 Tiếng than tiếc, tiếng khóc òa, xen với
 giọng dí-t-cua ; (19)
 Rồi đó vùi ba tấc đất, treo mấy
 chùm hoa,
 Thế là xong chuyện sùng bái chí sĩ ;
 Ai về nhà nấy, kẻ gần người xa,
 Vĩ nhân đã ra người thiên cổ,
 Tấm bia sờ sờ rêu muốn phủ.
 Kìa ai là người nóng lòng năm xưa,
 Ngày nay sụt xuống mấy độ ?
 Đáng khóc hay đáng cười ?
 Xin hỏi người dưới mộ ».*

NGƯỜI CỦA ĐẠO ĐỨC

Uốn nắn trong nền cựu học, trui rèn trong gian khổ, thấu thái gió duy tân từ trời Tây, từ Đông-hải thổi vào, nhà chí sĩ họ Huỳnh này vốn nghiêm khắc, nghiêm khắc với chính mình, nghiêm khắc với thiên hạ. Cái nghiêm khắc ấy đối với người đồng thời lắm lúc hóa ra xằng xớm, song lúc nào cũng chân thật, quang minh. Cái gì cong queo, mờ ám, xỏ xiên, dối trá, người chẳng dung tha.

Bạn nhớ chẳng lời ông chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ « *Tiếng Dân* » ở Trung dân hặc ông chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ « *Nam phong* » ở Bắc trên tờ « *Phụ nữ tân văn* » ở Nam năm 1930 ? Báo « *Phụ nữ tân văn* », số 67, ra ngày 28-8-1930, có đăng bức thư của ông Phạm-Quỳnh, chủ bút báo « *Nam phong* » trả lời cho ông Phan-Khôi về câu chuyện « Học phiệt ». Trong thư ông Quỳnh có kể chuyện ông Ngô-Đức-Kể ngày làm chủ bút « *Hữu-thanh* » có bài công kích ông về truyện Kiều. Bài

ông nói đó tức chỉ vào bài « *Chánh học cùng tà thuyết* » của ông Ngô đăng ở báo « *Hữu-thanh* » số 21, ra ngày 1-9-1924, là một bài tuyệt xướng có giá trị nhất trong quốc văn báo giới ta về khoảng vài mươi năm nay, mà đồng bào ta ai cũng đã đọc đến, cũng in sâu vào trong não, không khi nào quên được. Thế mà trong năm, sáu năm nay, không nghe ông Quỳnh có câu gì biện bác bài ấy hay dở, phải không thế nào. Nay ông Ngô đã qua đời rồi, nhân ông Phan-Khôi chỉ trích sự không trả lời ấy, ông Quỳnh mới dở mối hiềm riêng chắt chứa lâu nay, công nhiên phô giỡn công chúng rằng bài ấy là « câu chuyện cá nhơn, câu chuyện quyền lợi, không quan hệ đến học văn tư tưởng gì cả... » Ông lại bươi những chuyện riêng của ông Ngô với ông, hai người đối đái nhau lúc bấy giờ, để làm chứng câu « cá nhơn quyền lợi » của ông, mà buông lời thô bỉ như là « hàng thịt nguýt hàng cá, thỏa lòng ác cảm, đạo đức hương nguyện » v.v..., bôi lọ đến danh dự một người chí sĩ đã qua đời.

« Những lời nói trên mà xuất tự một người văn sĩ xằng nào, không đủ trách ; song tự lỗ miệng và ngòi bút một người tân nhân vật, nghiêm nhiên tự nhận cái gánh gây dựng một nền văn hóa mới cho nước nhà, lại chủ trương một cơ quan ngôn luận trong nước mười mấy năm nay, mà có lời thô bỉ tố cáo cái tâm sự hiềm riêng, nói xấu cho một người thiên cổ, thì không thể bỏ qua được. (...) »

(19) Dịch âm tiếng Pháp : *discours* : diễn văn.

« D.— Ông nói : ông Ngô thấy người ta hoan nghinh Kiều mà có ý căm tức nên viết bài phản đối. Phải, căm tức là chính phải. Con dĩ Kiều kia, có cái giá trị gì ? Người tô vẽ Kiều kia có công đức gì mà hoan nghinh ? Ông đã đề xướng chánh học, thì đối với sự bất chánh đáng ấy mà phản đối, chính là vì nhân tâm thể đạo mà sinh lòng công phẫn, chứ có cái gì gọi là thù riêng ? Chính ông Quỳnh cũng tự nói rằng : họ Ngô cùng ông không có cái hiềm khích gì, kia mà ».

Đáp lại và bác từ điểm một những lý lẽ của họ Phạm, họ Huỳnh kết luận bài mình bằng lời cảnh cáo anh em trí thức sau đây :

« Sau này, tôi xin cảnh cáo cho anh em trí thức trong nước rằng : truyện Kiều chẳng qua là một lối văn chương mua vui mà thôi, chứ không phải là thứ sách học : mà nói cho đúng, truyện Kiều là một thứ dâm thơ, rõ không ích mà có hại. Ở xã hội ta, từ có kẻ tán dương truyện Kiều, truyền bá truyện Kiều đến nay, đã biết bao lớp thanh niên say mê sống sắc, chìm nổi biền tình, đứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà theo mối ham mê của mình. Hiện xã hội ta ngày nay mà diễn ra những tuồng thương phong bại tục kia, cái giống độc con dĩ Kiều, gieo vào trong cõi tư tưởng không phải là ít. Vậy ngày nay mà được trăm nghìn người học Kiều, thì khắp trong xã hội ta, không thấy cái gì ích, mà chỉ thấy cái hại ; mà nếu được một người « đạo đức hẹp hòi » như ông Ngô-Đức-Kế thì không khác gì cột đá giữ dòng sông lở, ngọn đuốc trong khoảng đêm trường, có công với thể đạo

nhân tâm không phải là ít, vì cái mãnh lực của ông đủ kéo được biết bao nhiêu kẻ sa lâm sục hố kia ». (20)

Đã là nhà chí sĩ nặng lòng với tiền đồ dân tộc còn đắm chìm trong đau, khổ, đã là nhà đạo đức hun đúc trong cửa Không sân Trình, cụ tránh sao khỏi phần thiên lệch khi cụ lấy cái trí của nhà ái quốc, cặp mắt của nhà luân lý mà đánh giá trị « Đoạn trường tân thanh ». Đối lập quyết liệt với *Thượng-Chi* Phạm-Quỳnh, người đã gây phong trào « *Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn* », còn ai bằng *Tập-Xuyên* Ngô-Đức-Kế và *Minh-Viên* Huỳnh-Thúc-Kháng. Nhắc đến cụ Nghè Ngô, ta nhớ ngay đến : « ai dâm sâu oán đạo đục tăng bi », « Kim-Vân-Kiều quốc », « Kim-Vân-Kiều tộc », nhắc đến cụ Nghè Huỳnh, ta nhớ đến năm bài thi liên hoàn phản đối phong trào tán dương truyện Kiều, trước đăng ở *Hữu-Thanh tạp chí* của cụ *Tập-Xuyên*, non mười năm sau đăng lại ở báo « *Tiếng Dân* », số 63, ngày 1-11-1933. Xin lục đăng lại để chúng ta hiểu thêm một thời, một lý tưởng, một con người.

I

« Á cũ qua rồi mới chửa Âu !
Học Kiều xúm xít bọn mày râu.
Đã mang thân thể nương nhà thờ, (21)
Còn trách ông cha vụng kiếp tu.
Một khúc đoạn trường kêu lữ đực,
Mấy dây bạc mạng chác hơi sâu.
Biết chững hơi cụ Tiên-Điền vậy,
Muôn ác tà dâm ấy sự đầu.

(20) Tuần báo « *Phụ nữ tân văn* », số 72, ngày 2-10-1930.— *Chánh học và tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ không ?* Chiêu tuyết những lời bài bác cho một chí sĩ mới qua đời.

II

Muôn ác tà dâm ấy sự đầu,
 Tình đầu đầu mà hiểu đầu đầu.
 Theo trai gác xó lời cha mẹ,
 Làm đi đành thân tiếng ngựa trâu.
 Nghiêng nước trận cười gương mấy kiếp.
 Đắm người bề sắc tội ngàn thu.
 Tiên-Điền cụ nghĩ mua vui vậy,
 Biết nổi người sau đại thế ru !

III

Biết nổi người sau đại thế ru !
 Phong triều đưa giọng chuyện phong lưu.
 Văn võ người ấy phường trăng gió,
 Đau đớn lòng ai cuộc bề dâu.
 Nòi giống khôn thiêng dân một nước,
 Anh hùng nhiều ít tiếng năm châu.
 Tiên-Điền cụ có hay chưa nhỉ !
 Sách dạy ngày nay đi đứng đầu !

IV

Sách dạy ngày nay đi đứng đầu !
 Xúm nhau sùng bái gái nhà Ngô,
 Cột đồng Mã-Viện xô chưa đồ,
 Sóng ác Kiều-nương đắm lại sâu.

Ô điểm ngàn năm nhớ lịch sử.
 Báo chương phân nửa chuyện thanh lâu.
 Ai ơi gọi cụ Tiên-Điền dậy,
 Đừng để non sông chịu tiếng vu.

V

Đừng để non sông chịu tiếng vu,
 Phật nhà không lạy, lạy người Tàu.
 Trưng-vương đèn cồ mùi hương lạnh,
 Triệu-âu bia còn nét chữ lu.
 Thiện chẳng thấy bày, bày những ác,
 Ôn kia không biết, biết chỉ cừu.
 Tiên-Điền cụ biết thời nay nhỉ,
 Á cũ qua rồi mới chữa Âu !

Gác « Nhìn lên », một tối
 mong mưa của mùa nực gắt 1958

NGUYỄN-HỮU-NGU

(21) Đã có một luồng dư luận cho rằng câu này ám chỉ ngay Phạm-Quỳnh: báo Nam-phong, tuyên truyền văn hóa Pháp, tán dương truyện Kiều, đều do chỉ thị của « quan thầy Tây » cả, mà phần thưởng cho « tay sai đặc lực » ấy là cái ghế Thượng-thư ở Triều-dinh Huế. Chẳng biết lời buộc tội này có đúng hay không ?

Hành động người quân tử

Người quân tử tùy theo địa vị của mình mà hành động, không bao giờ muốn hành động ngoài địa vị mình. Ở chỗ phú quý thì hành động theo kẻ phú quý; ở chỗ bần tiện, thì hành động theo kẻ bần tiện; ở chỗ man di thì hành động theo kẻ man di; ở nơi hoạn nạn thì hành động theo cảnh hoạn nạn. Ở đâu và bao giờ người quân tử cũng thấy mình đầy đủ và an lạc.

TRUNG-DUNG

★ Thấy người hay, phải cố gắng sao cho bằng người; thấy người dở, thử xét coi mình có dở như người không ?

LUẬN-NGŨ

VẤN ĐỀ NƯỚC ĐỐI VỚI NÔNG DÂN Ở VIỆT - NAM

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Con sông Cửu-long ở Nam-Việt.

Con sông *Cửu-long* tới Nam Vang chia ra làm hai ngành chảy về nước ta. Ngành trên ta gọi là *Sông Tiền*, ngành dưới ta gọi là *Sông Hậu*. Hai ngành sông *Cửu long* này đã đem rất nhiều đất phù sa, lập thành đồng bằng Nam Việt ta bây giờ. Ở về phía Bắc, con sông *Đồng Nai* cũng đã góp phù sa vào việc thành lập các miền *Biên-hòa*, *Thủ-dầu-một*.

Nhưng một miền quan trọng cho đất Nam ta, là miền đất phù sa, ở giữa hai nhánh sông *Cửu long*, tức là con *Sông Tiền* và con *Sông Hậu*.

Miền này ta nên đặt tên là miền *Trung Giang*. Miền này gồm các tỉnh *Kiến-hòa*, *Vĩnh-bình*, *Vĩnh-long*, toàn tỉnh, và một phần tỉnh *An giang*.

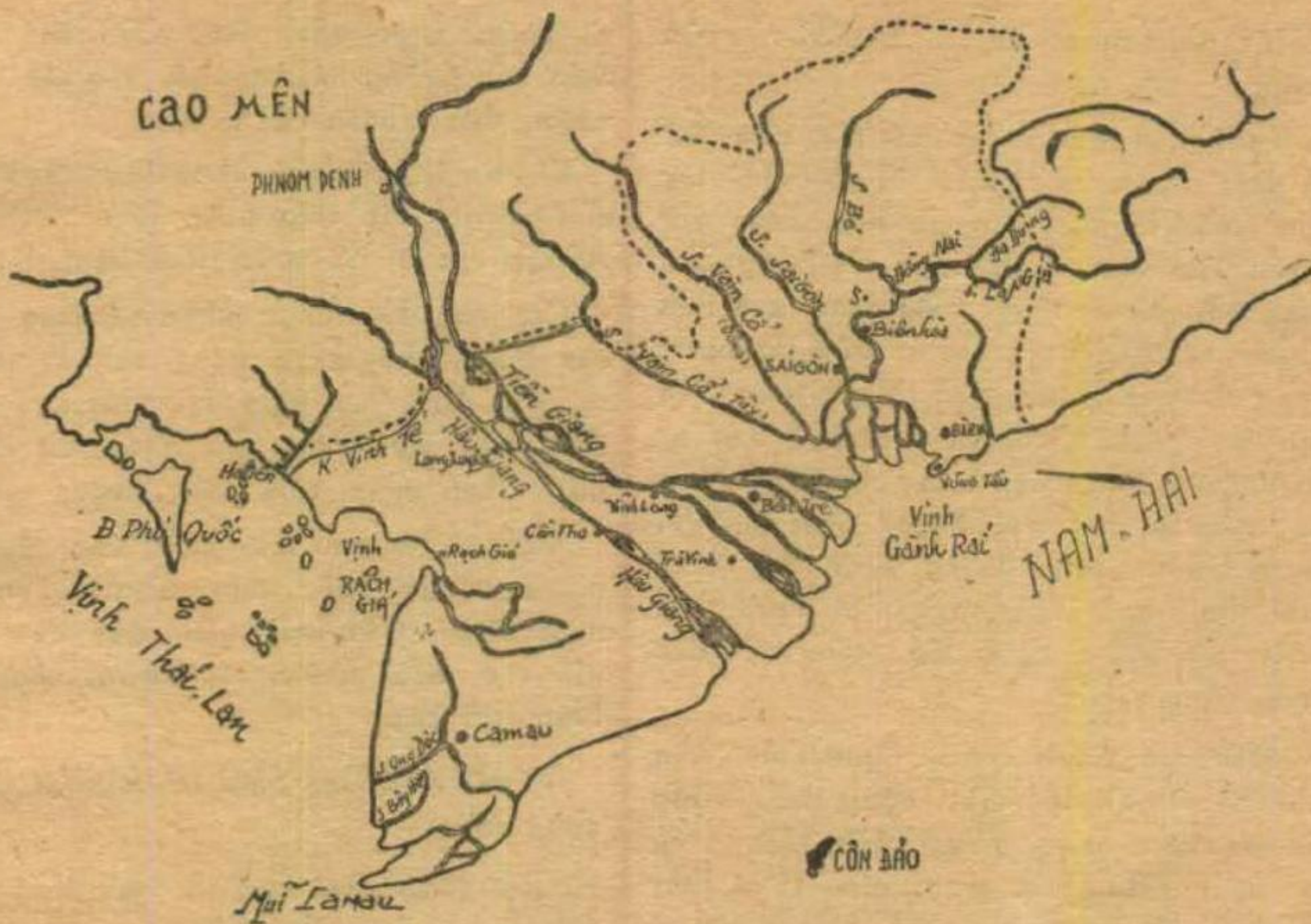
Đo trên bản đồ, thời đại khái là tám ngàn cây số vuông, nghĩa là rộng bằng nửa đồng bằng sông *Nhĩ hà*.

Vậy miền *Trung giang* quan trọng vì diện tích rộng, do phù sa tốt của *Sông Cửu long* bồi lên.

Lại còn nhiều điều kiện địa lý thiên nhiên thuận tiện nữa.

Trước hết, con sông *Cửu long* ở nước ta như thế nào? Sông này hiền hay là dữ.

Con sông *Cửu long* chảy từ miền *Vân Nam* bên *Tầu*, chảy suốt nước *Lào*, nước *Miền* rồi mới đến nước ta để chảy ra biển, theo hai nhánh, sông *Tiền* và sông *Hậu*. Sông *Cửu long* dài lắm, dài gấp bốn sông *Nhĩ hà* và có nhiều sông con chảy vào. Từ biên thùy *Tầu* và *Lào* cho đến tỉnh *Viêng-Chiên*, sông *Cửu long*



có nhiều thác. Nhưng từ Viêng Chiên đến tỉnh Khôn nờ thời con sông như là một cái hồ. Vậy, vì không có thác, nên nước chảy từ từ. Tại sao ? Tại là ở Khôn nờ có núi chắn ngang sông. Ở chỗ núi thấp thời là thác. Các thác này có thể dùng làm động lực để phát ra điện. Từ Viêng Chiên đến Khôn nờ, trên khoảng dài năm trăm cây số, sông Cửu long chứa nước, cho chảy từ từ xuống Cao Miên. Tới Nam Vang, từ Biền hồ, có một con sông chảy vào sông Cửu long. Con sông này và Biền hồ lạ lắm. Về mùa mưa, nước sông Cửu long chảy ngược sông này và vào Biền hồ, làm nước ở Biền hồ dâng lên đến vài ba thước. Thực là một cái biển rộng rãi bao la. Các tàu

đi trên Biển hồ không khác gì một cái lá
tre nổi trên một cái ao to của ta.

Về mùa hanh, nước chảy từ Biển hồ ra sông Cửu long. Nhờ có khúc sông từ Viêng Chiên đến Khôn nờ, và có nhiều núi ở Khôn nờ giữ nước, lại nhờ có Biển hồ tích nước trong mùa mưa, tháo nước trong mùa hanh nên con sông Cửu long tới nước ta là một đại phúc cho ta vậy. Về mùa mưa, nước không dâng lên quá cao. *Ta không phải đắp đê như ở Bắc, ta không sợ nạn lụt.* Phù sa lại nhiều và chất tốt.

Con sông *Đồng Nai* có thể dâng nước lụt, nhưng chỉ là lụt bé, một vài hôm lại rút, tai hại ít, trái lại, còn có lợi vì

Phù sa theo nước lên mà tràn vào vườn ruộng.

Ta lại còn có nhận xét sau này nữa. Ấy là ngày ngày, có *nước thủy triều*, tùy theo tuần trăng, hoặc giờ này, hoặc giờ khác, làm dâng nước ngọt của sông Cửu long lên. Nước thủy triều dâng cao một thước, có khi đến một thước rưỡi, đội nước sông Cửu long cao lên. Nước thủy triều lên mãi tới Nam-vang. Đây là một sự kiện địa lý rất quan trọng cho miền Nam này. Ấy là dân quê không phải đắp đê, ngăn nước lụt, *không phải trị thủy*, trái lại, nhờ ngày ngày có nước thủy triều đội nước ngọt lên cao, nên dân quê *dụng thủy*.

Dân quê trong Nam dụng thủy như thế nào? Ta đi thăm đồng quê, vườn tược, miền Trung giang, miền Hậu giang và ngay miền Tiền giang nữa, ta sẽ thấy trong suốt sáu tháng mùa hanh không có một giọt mưa nào mà cây cối vẫn xanh tươi. Các trái dưa nhàu to lớn và dần dần chín trên cây. Thật là khác cảnh khô héo ở miền Nam Trung Việt, ở miền Phan-rang, Phan-thiết, ngay ở miền Nha-trang nữa.

Sở dĩ có quang cảnh cây cỏ xanh tươi, thứ nhất là ở miền Trung giang, ở địa hạt tỉnh Kiến-hòa, Vĩnh-bình, Vĩnh-long và An-giang là vì nông dân ta đã biết đào mương, ngang dọc như bàn cờ.

Các mương này ăn với các *rạch*. Các con rạch ngóc ngà ngóc ngách len lỏi vào những làng xa lắc, xa lơ. Các con rạch, con này ăn với con khác, và thông với sông Cửu-long. Khi nước thủy triều xuống, rạch ít nước, các mương khô. Nhưng khi nước thủy triều lên rạch đầy nước ngọt

và nước ngọt của sông Cửu-long này theo các đường mương mà vào đủ mọi vườn, thấm nhuần các rễ cây.

Ở *Ai-cập*, các nhà khoa học đã khảo cứu về việc dẫn thủy nhập điền, điền ở Ai-cập tức là các vườn trồng bông dệt.

Các nhà khoa học nhận xét rằng các cây bông, cho nước máng vào để thấm rễ ban đêm, ban ngày lại tháo nước ra, như thế cây bông tốt. Nếu để đầm nước ban ngày, trời nóng, không tốt.

Vậy ở Nam ta, nhờ các đường mương, nhờ nước thủy triều đội nước ngọt sông Cửu-long mỗi ngày dăm sáu giờ vào thấm nhuần các vườn, nên đất Nam trù phú.

Vì vậy đã không phải *trị thủy* lại được *dụng thủy*.

Con sông-Cửu long là đại phúc cho dân tộc ta ở miền Nam.

Phần thứ ba

Nông nghiệp và khí hậu ở đồng bằng Trung-Việt

Trung-Việt là từ miền núi *Hoành-sơn*, hay nói cho đúng là từ *Sông-Gianh* trở vào cho đến hết tỉnh *Phan thiết*, cho đến miền *Biên-hòa*.

Từ *Hoành-sơn* trở vào các tính cách địa lý của Trung-Việt mới rõ ràng. Miền Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh phải coi thuộc về Bắc-Việt, về đủ phương diện địa lý thiên nhiên và địa lý nhân văn.

Trung-Việt có nhiều miền địa lý khác nhau. Từ Bắc chí Nam là miền *Bình-trị-Thiên* tức là các tỉnh *Quảng-bình*, *Quảng-trị*, *Thừa-thiên*, lấy núi *Hoành-sơn* ở phía Bắc, núi *Hải-vân* ở phía Nam làm

giới hạn. Đồng bằng chạy dài, hướng Tây-bắc, Đông-nam độn cát và *phá* nhiều.

Phá là một cái hồ nước mặn, có sông đồ nước ngọt vào và có cửa dễ thông ra biển, như ở Thừa-thiên chẳng hạn. Có nước mặn vì nước thủy triều tràn vào.

Sau miền Bình-trị-Thiên là miền *Nam-Ngãi-Định*, tức là các tỉnh *Quảng-nam*, *Quảng-ngãi* và *Bình-định*. Đồng bằng tương đối rộng ; đo từ núi ra biển, ở *Quảng-nam*, chỉ độ ngọt bốn chục cây số. Độn cát ít không có phá. Đất tốt hơn miền Bình-trị-Thiên.

Sau miền *Nam - Ngãi - Định* là miền *Phú-Khánh-Thuận* tức là các tỉnh rất nhỏ, hoặc dài, theo bờ biển, tỉnh *Phước-yên*, *Khánh-hòa*, *Ninh-thuận* và *Bình-thuận*.

Chất đất và thứ nhất là khí hậu khác nhau, từ miền địa lý này tới miền địa lý khác. Nhưng miền nào cũng trồng ra biển. Biển ở miền này không giống như ở miền khác khiến nghề đánh cá có nơi phồn thịnh, có nơi chỉ là nghề tạm mà thôi, trong mấy tháng.

Bây giờ ta xét về nghề nông và nghề làm biển ở các miền địa lý Trung-Việt, các nghề này một phần lớn do mặt đất, chất đất và thứ nhất là khí hậu chi phối ! Các miền địa lý ở Trung - Việt phức tạp lắm.

Về việc cấy lúa gạo, các đồng bằng Trung-Việt thua kém đồng bằng Nam-Việt nhiều. Một là đồng bằng nhỏ hẹp, hai là nhiều độn cát không trồng trúa gì được, đất thật thời là đất cát pha, không có nhiều đất mỡ gà, là đất tốt, đất gan trâu là đất đen ở các miền phá cạn, cày

cấy được, nhưng nếu chất đất không xấu thời mùa mưa bị úng thủy.

Chỉ ở miền *Quảng-trị* có hai huyện là huyện *Hải-lăng* và huyện *Lệ-thủy* là đất tốt, có gạo ngon. Vì vậy có câu:

« Thứ nhất *Đồng-nai*, thứ nhì hai huyện » nghĩa là gạo tốt nhất ở *Đồng-nai*, tức là ở *Nam-Việt* và hai huyện tức là hai huyện nói trên, thuộc tỉnh *Quảng-trị*.

Ở Thừa-thiên, có huyện *Hương-thủy*, *Hương-trà* gạo ngon, nhưng diện tích hẹp.

Ở *Quảng-nam*, đất các pha nhiều quá, trồng lúa gạo không lợi, trái lại, trồng các thứ màu như đậu phụng, đậu xanh, đậu đen, đậu tương thời tốt. Trồng thuốc lá ở làng nào cũng được, nhưng ở hạt *Cầm-lệ* thời là thứ thuốc lá rất ngon. Cũng như ở Bắc, miền *Vĩnh-bảo* trồng một thứ thuốc Lào ngon, có tiếng.

Quảng-ngãi trồng mía. Một thứ mía re nhỏ, nhưng ngọt, dễ làm đường. Đất tốt nhưng năm, sáu tháng mưa hanh, mía cần nước. Vì vậy nông dân làm những xe nước. Xe nước là một cái bánh bằng gỗ to, có trục ở giữa, có các ống bơm mắc nghiêng ở quanh bánh, đặt trên giồng sông, đặt ở chỗ nước chảy mạnh. Các ống bơm mức nước từ sông đưa lên cao, đổ vào những máng tre, để trên giồng, dẫn nước vào các ruộng mía. Người Thái, ở *Sơn-la*, *Lai-châu*, cũng biết làm các xe nước này.

Ở Thừa-thiên có các xe đạp nước. Người lấy chân đạp guồng. Các guồng đem nước từ các lạch lên trên bờ, rồi có các rãnh đem nước vào ruộng, Đạp xe nước vất vả lắm.

Từ Bình-dịnh trở vào, dân quê đắp đập trên các sông. Đập làm bằng cừ tre, ở giữa độn đá hay đất, có một cái cửa, đóng khi nước ít, mở khi nước nhiều, vì sợ có thể phá đập được.

Đập đắp ngang sông, làm dâng nước sông lên và cho nước chảy vào hai mương chính, ở bên tả ngạn và hữu ngạn sông; rồi từ mương chính, nước sông đổ vào ruộng. Lối dẫn thủy nhập điền này là do người Chăm để lại. Có các mương hoàn toàn do người đào, nhưng nhiều mương chính đã là các lòng sông cạn được vét đi, vì bị phù xa lấp.

Ở trong địa hạt tỉnh Bình-thuận, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều ao to, thò dân gọi là *bâu*, do người đào, để lấy nước mạch, chứa nước mưa, cho trâu bò uống và cũng để dẫn nước vào ruộng.

Bây giờ ta đặt câu hỏi: tại sao có các công cuộc dẫn thủy nhập điền như thế?

Ấy là vì miền Nam Trung-Việt ít mưa, sáu bảy tháng nắng, còn những tháng mưa thời là mưa ít, hay là bão làm trôi nhà, trôi cả trâu bò. Mùa gặt vào cuối thu, sang đông lại chính là mùa bão. Bão ở bề Phi-luật-tân đánh thẳng vào miền Nam Trung-Việt từ Bình-thuận ra tới Thừa-thiên rồi lướt ra biển, ra phía Đông đảo Hải-nam. Thành thử ra nông dân trồng lúa gạo phải đắp đập, đến khi gặt lại sợ bão lụt.

Có những trận lụt dữ tợn. Như mới dăm năm nay, con sông hiền từ nhất là con sông Hương ở Huế dâng nước lũ làm tràn ngập cả tỉnh thành, nước lên cao đến hai thước, làm trôi cả nhà cửa. Vào năm Thìn,

cách đây bảy năm, nước lũ trên sông Phan-thiết, làm đổ nhà gạch, làm trôi cả cầu sắt. Sau những trận mưa to, gió lớn như thế, mùa màng hỏng hết, nhà trôi, người mất.



Đề kết luận, các đồng bằng Trung-Việt bị khí hậu bạc đãi. Thật là hoàn toàn khác đồng bằng Nam-Việt. Dân có làm, mà thường không có ăn. Gạo thiếu. Từ Huế trở vào, tỉnh nào cũng phải cần gạo ở Nam trở ra mới có miếng cơm nạc mà ăn, còn thời ăn sắn, ăn khoai thay bữa, mà bữa nay no, bữa mai đói.

Nhờ có hòa bình và vì Chính phủ ta đã thu hồi được quyền độc lập nên mấy năm nay đã có hai sự kiện quan trọng:

Một là sự tiếp tế gạo khá hơn trong thời Pháp thuộc, nhờ sự hướng dẫn của Chính phủ, nhờ sự an ninh do bộ đội phụ trách một phần, nhờ đường xe hỏa và các thuyền lưu thông ngoài biển.

Hai là Chính phủ đã hiệu dụ dân chúng tổ chức một cuộc di dân từ Quảng-bình trở vào. Đồng bào Quảng-nam vào đông nhất. Ai làm nghề biển thời định cư ở các cửa biển, ở cả cù lao Phú-quốc nữa. Ai làm nghề nông thời có ruộng ở miền Hậu-giang.

Nói tóm lại, trong mấy năm thái bình, và vì chủ quyền về ta, nên các đồng bằng Trung-Việt đã đỡ nạn nhân mãn và đã tạm gọi có gạo mà ăn.

Nguyễn-thiệu-Lâu

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CỦA MỘT CUỘC TUYẾT TAN GIÁ RẺ

TIỂU THUYẾT NGA-SÔ TỪ JDANOV TỚI TÂN – XÍCH-TA-LIN CHỦ NGHĨA

LƯU-NGUYỄN Đ. T. T. dịch thuật

Nếu ví văn chương tiểu thuyết như chim trời, thì ở Nga-sô, khoảng từ 1946 đến 1953, văn chương tiểu thuyết chỉ đập có một cánh.

Và tự nhiên là công chúng bắt mắt ra mắt.

Những tiểu thuyết gia ưu hạng, những tiểu thuyết gia mà công chúng biết từ lâu và thường thức tài, thì gần như là không sáng tác gì nữa.

Còn những tiểu thuyết gia khác, phần đông là những văn nhân mới vào làng, thì cho ra đời những tác phẩm mà công chúng chỉ liếc sơ qua cái bìa, không buồn lật thử.

Vì đâu có tình trạng này? Không ai mà chẳng biết.

Là bởi tiểu thuyết bị nhốt giam trong những luật chật hẹp của « chủ nghĩa hiện thực xã hội » — những luật do ông trùm

tiểu thuyết Jdanov đã định nghĩa và ban ra — nên phạm vi cảm hứng của môn này bị giảm đi quá đối nhiều vì sự chính thống đòi hỏi bao điều khắt khe. Sợ sai đường, sợ lạc nẻo, rốt lại, tiểu thuyết chỉ quanh đi, quẩn lại trong việc minh họa các luận đề thường lệ của những bài xã thuyết báo « *Pravda* », cơ quan trung ương của đảng Cộng-sản Nga, mà cũng là cơ quan trung ương của Cộng-sản thế giới. Những luận đề nhai đi nhai lại đó là gì? Vấn đề sản xuất này, định phẩm chất cán bộ này, quan trọng của sự thi đua xã hội này, sức mạnh của tình hữu nghị và tình bằng hữu các dân tộc trong Liên bang Nga-sô-việt này, vai trò của sự phê bình và sự tự phê bình này, vân vân...

Cứ mỗi một đề tài độc nhất đó mà tác giả nào cũng dùng, dưới nhiều ẩn ý khác nhau: tán tụng sự nỗ lực cộng đồng, tán tụng những kỳ công của những người xây

dựng chủ nghĩa xã hội vì tình yêu Tổ quốc và Đảng. Cuốn sách nào cũng vẫn là chuyện một đoàn thể người nhất trí quyết đạt mục tiêu đã định và đồng thời cũng là một bài hát ca ngợi vinh quang của chế độ và của lãnh tụ chế độ đó.

Các nhà tiểu thuyết dễ cảm cái không khí lạc quan của giới chánh quyền nên họ miêu tả một xã hội được lý tưởng hóa, một xã hội trong đó cái mẫu người siêu nhân Nga-sô ngự trị, dưới tất cả hình thức: đó là những người chỉ huy *bôn-sơ-vích*, tức là những ông xếp « xứng đáng với sứ mệnh mình », chẳng lùi bước trước bất cứ trách nhiệm nào, họ là gương mẫu của sự tận tâm, của sự quên mình, của lòng ái quốc, đó là những *stakhanoviste* (1) giỏi chịu đựng vô cùng, một sự chịu đựng không gì giới hạn được; đó là những người lao động ưu tú, giàu sáng kiến và phô trương một sự hoạt động sôi sùng sục; đó là những đoàn viên của *Komsomol* (2) đầy dũng cảm, một sự dũng cảm đi đến mức anh hùng và chẳng gì hạ nổi. Nhân danh một « tương lai xán lạn », tất cả những « vị » này rất mực vui lòng nhận sự phê bình và hăng hái nhận lãnh một cuộc đời nghiệt ngã.

Tuy thế, đối lập với những bậc hùng anh hoàn toàn tốt bụng đó, người ta cũng đưa ra những kẻ thù, cũng đưa ra sự chiến đấu giữa kẻ tốt người xấu, và chính cuộc chiến đấu này làm cái lò so cốt tủy của động tác quyền truyện. Những kẻ thù mà bao giờ cũng lãnh vai thứ ấy, vốn có hai hạng: một là những kẻ có lỗi « trong lương tri », nghĩa là lỗi lầm thật tình nhưng thật tâm họ muốn đất nước được tốt,

được hay chớ không phải họ muốn riêng họ được hay, được tốt, hai là những kẻ, vốn suy đồi về đạo đức, làm điều ác một cách hữu ý, bọn này chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng của mình và giấu bản chất thật của mình dưới những cái bề ngoài giả dối.

Thuộc hạng đầu là những kẻ chủ trương trường tiểu thuyết cũ, nghĩa là tôn thờ các vị thần ngoại quốc về khoa học, về kỹ thuật và bị bao ý tưởng sai bậy giam cầm; cũng thuộc hàng này những kẻ nhu nhược, những kẻ hoài nghi tự tách ra ngoài đoàn thể vì tội cá nhân chủ nghĩa, những kẻ này cho mọi người thấy rằng họ tự ái, họ ích kỷ, họ ti tiện, họ có một thái độ quan liêu và hình thức trong việc làm. Tất cả những người này — mà thói hư tật xấu vốn là những thứ sống sót của tư bản chủ nghĩa — được đối đãi một cách bao dung, một sự bao dung nào đó bởi vì tuy họ sai lầm mà còn có cơ sửa chữa. Sau rốt, thế nào họ cũng đi tới ánh sáng, chẳng kịp thì chầy, tùy theo trình độ mù quáng của họ, và sau khi đã thú tội, họ đứng vào hàng ngũ những người tôn thờ chân lý mà họ mới nhìn nhận.

Còn những kẻ khác — lũ phá hoại, lũ đầu cơ, lũ hãnh tiến, lũ đề hèn, lũ gián điệp và phản động đủ cỡ — chúng chỉ đóng vai phụ, chúng được tả bằng những nét vô cùng đen tối và chẳng ai nói thêm gì

(1) *Stakhanov* là tên người thợ Nga-sô tìm ra phương pháp tận dụng sức làm việc của người thợ để được một năng suất tối đa. *Stakhanovisme* là phương pháp đó. *Stakhanoviste* là người thợ theo phương pháp đó.

(2) Tổ chức thanh niên ưu tú nhất của Nga-sô đề « mở đường khai lối ».

cho chúng nữa, bởi lẽ, theo ý kiến của Ajaiev đặt vào miệng một nhân vật anh hùng của ông ta, [trong quyển « *Xa Mạc-tư-khoa* »], « lũ chúng không đáng người ta nói đến ». Chúng được đứng đó là chỉ để chết một cách ô nhục, một cái chết mà chúng không sao thoát được, và cái chết ô nhục này cốt để gây một nỗi lo sợ ích lợi... cho người đọc.

Được quan niệm như thế thì đầu có ở vào hạng nào, các nhân vật trên khó mà có thể là những cái gì khác hơn là những kiểu người bị sản xuất đồng loạt. Các nhân vật này có biết gì lắm về những dự vọng của con người đầu. Sự đau đớn, về thể xác hay về tâm hồn, dưới mắt họ, chỉ là một biến cố tạm, một chướng ngại vật để vượt qua nhờ đức tin mác-xít trợ lực. Sự cô đơn ? thì bất cứ ai là nhân viên của đoàn thể chẳng bao giờ nghĩ đến. Chết à ? đó là hi sinh vinh diệu cho tổ quốc hay là bị trừng phạt đích đáng, thì ai lại nhỏ lệ hoặc thờ dãi trước một người được chết hay phải chết. Ái tình ư ? căn cứ trên sự tôn trọng, thì những kẻ yêu nhau chẳng biết chi đến bao tình cảm hỗn loạn. Những vấn đề duy nhất đặt ra cho các nhân vật giả định này toàn là những vấn đề thuộc về kỹ thuật. Còn bao việc khác, họ đều giao phó cho các cấp bậc chỉ huy và cho chủ nghĩa.

Một nền văn chương khá phi nhân và ít có thể xúc động con người. Đọc những tác phẩm như *Xa Mạc-tư-khoa* của Vassili Ajaiev, *Cây phong trắng* của Boubiennov, và những cuốn tiểu thuyết đầu tay của Véra Panova : *Bờ trong sáng*, *Kroujiltcha*, *Những bạn đường* (những

kiểu mẫu của loại văn chương đó), người ta tưởng mình đứng trước những nhân vật bị sáng tạo ở một thế giới nào khác, những nhân vật kích động bởi những lo toan xa lạ với những lo toan của chúng ta và hành động một cách máy móc nào đó.

Cái đường lối nghiêm nhặt đó mỗi ngày mỗi cứng rắn thêm cho đến khi Staline chết. người đầu tiên dám đi ra ngoài đường lối đó là một người đàn bà, Panova. Quyển *Những mùa* xuất bản tháng hai 1954, mới một năm sau cái chết của kẻ độc tài, quyển *Những mùa* thử đưa ra một cái gì không theo công thức chủ nghĩa, mặc dầu rụt rè, nhưng đáng chú ý. Những vị « thẩm phán » của môn phê bình nhận thấy sự « xé rào » này ngay và tức khắc họ « ban » cho nữ tiểu thuyết gia những lời khiển trách.

Nhưng mà, theo nguyên tắc, Véra Panova chỉ có dùng một quyển đã ban rõ ràng cho tất cả công dân Xô-viết : quyển cho phép mọi người mạnh dạn tố cáo các trạng thái quá độ hay bất cập của chánh quyền, cùng là tố cáo các thất bại, các tội lỗi để mà giúp vào việc sửa sai chữa lành, vào việc quét sạch, đập nát, nhổ tận rễ những nguyên nhân ấy một cách hiệu quả hơn. Song le, từ lý thuyết đến thực hành, có một bước mà hiện thực xã hội chủ nghĩa dạy người ta phải vượt qua bằng cách nào. Dưới mắt các ông « ngự sử », thì cái lối của Panova — với chúng ta, thì đó là cái tân kỳ — chính đúng là ở cái cách mới mẻ mà nàng vượt qua bước đó. Nàng đã làm trái ngược lại những qui luật vững chắc nhất được đặt ra, những qui luật buộc nhà tiểu

thuyết phải dựng đứng (bằng truyện kể) những gương phản khởi, và chỉ để cho những cuộc thất bại một chỗ vừa đủ để càng làm bật nổi những cuộc thành công, nàng đã đảo lộn thứ tự các giá trị; nàng chọn một loạt phá sản chẳng chịt lấy nhau để đặt vào trung tâm câu chuyện kể. Đó là sự phá sản của một lối giáo dục khiến một đứa trẻ lạc lòng đắm say một bọn vô lại và do đó khám phá một hệ thống tiêu tiền công quỹ trong đó nhiều hơn viên của Đảng bị liên lụy, rồi lại do đó mà kẻ có trách nhiệm hơn hết phải tự tử, khiến phá sản luôn cả một kiếp người, cả một cuộc hôn nhân lâu dài, và cả một đời sống gia đình theo bề ngoài thì hạnh phúc.

Những cái hư hỏng này, tác giả tả cho chúng ta thấy một cách thật là tỉ mỉ, tác giả tả với bao nhiêu xấu xa và khốn khổ kéo theo sau (đi từ ám muội, gian lận đến toan ám sát người, qua làm chứng giả, bội tín, trộm cắp hiện nhiên, bỏ rơi nhau, phản bội nhau, và những âm mưu đủ kiểu) đến nỗi mặc dù có các yếu tố tích cực, — mà tác giả đã dành cho một chỗ quan trọng — đọc sách xong, người xem giữ một ấn tượng tối đen và gần như khó chịu. Quả là chúng ta xa hẳn cái bầu không khí bồ đề của các tác phẩm đầu tiên.

Trong khi khai thác một đề tài như thế thì lẽ dĩ nhiên là nữ tiểu thuyết gia Vera Panova bị bắt buộc phải đưa ra ánh sáng những nhân vật mà đến nay được dấn dờ nên để trong chỗ lờ mờ. Nhờ sự soi sáng này mà bức tranh xã hội nàng trình bày cho

chúng ta xem hiện ra dưới một cảnh sắc mới. Chúng ta thấy một xã hội trong đó bọn hãnh tiến, bọn ăn bám, bọn bạo phát, bọn quan lại thú nát, bọn bất lương, và bọn « cờ gian bạc lận », hiện ra không phải như là những ngoại lệ; trong đó cũng có lũ con nhà quyền thế và lũ thanh niên quái gở, lớp trai trẻ lười nhác, hưởng thụ, chán chường mà lý tưởng là làm thiên hạ để ý những cái lỗi bịch trong lối ăn mặc của mình; trong đó đôi khi người tốt là đồ chơi của bọn xấu; trong đó những kẻ ưu tú sẵn lòng trùm chấn, mà chẳng ngờ rằng mình trùm chấn và cũng chẳng biết mình làm vậy là chẳng phải; trong đó, sau chót — đây mới là điều nặng hơn hết — bọn gian ác chẳng phải luôn luôn bị trừng phạt. Quả vậy, nếu trong *Những mùa*, các tên chánh phạm bị trừng phạt cách này hoặc cách khác, thì cũng có lắm tên thoát khỏi và chỉ có việc đi nơi khác làm lại cuộc đời, một cuộc đời mà chẳng có gì cho phép chúng ta tưởng tượng rằng nó sẽ trong sạch hơn.

Cuối cùng, cái mới mẻ chót ghi vào công trạng cho Panova: các nhân vật chánh của nàng suy tưởng và hành động như những thường dân, họ vật lộn với thực tế hằng ngày. Vài khi họ nghe theo tiếng gọi của lòng hơn là lời dạy của lý trí. Họ có những mối tình chớp nhoáng, đại cuồng, những lúc yếu hèn, những hồi mâu thuẫn. Hạnh phúc thu hút họ, xa hoa cám dỗ họ. Chúng ta thương xót những nỗi khổ đau của bà mẹ ni mù quáng vì quá yêu đứa con trai chẳng ra gì. Chúng ta thương tình nàng thanh nữ nọ mà ái tình không thể

tách khỏi thi thơ. Chúng ta thông cảm với người đàn bà đúng tuổi kia đang run sợ vì lo mất người tình xuân đang hơ hớ, chúng ta thông cảm với những thanh niên đương độ mà chẳng được yêu như nguyện. giấu kỹ vô cùng cái vũ trụ bí mật riêng tư, những thanh niên khát khao trong trắng, ưỡn ngực lên để che sự bẽn lèn của mình trước người phái đẹp và mơ mơ màng màng trước một tấm hình. Và dầu trong toàn thể, tâm lý của những nhân vật nàg, có phần cách biệt tâm lý chúng ta đi nữa, chúng ta cũng gặp nơi họ chút gì của chúng ta. Số phận của họ luôn luôn làm chúng ta chú ý và thường thường, làm chúng ta cảm động.

Cái tia nước mong manh do *Những mùa giải thoát* ấy lại biến thành, với *Tuyết tan giá rã*, một làn sóng hung hăng. Tân truyện này của Ilya Ehrenbourg xuất bản chỉ vài tháng sau tiểu thuyết của Vera Panova, sáng tác này lại cả gan nhiều hơn nữa. Chẳng những tác giả nó đã không ngần ngại đặt lại một số vấn đề mà chủ nghĩa Mác-xít cho rằng đã giải quyết dứt khoát, mà lại còn dám bình vực thuyết nghệ thuật vị nghệ thuật, công kích những nguyên lý của nền giáo dục Cộng-sản, tranh biện về bình vực một chế độ đã bị thất thế là sự li dị, làm cho khát vọng đắc thắng, đặt lòng thương yêu làm căn bản cho mọi sự qua lại giữa người với người, quả quyết rằng, bất cứ trong lãnh vực nào — nghệ thuật, việc làm, đời sống riêng tư — không sự thành công nào có giá trị mà không có một tình cảm chân thành nào giúp sức, tóm lại, trả văn chương về những nguồn tươi sáng đã bị người ta ngăn lấp.

Thật thế, *Tuyết tan giá rã* là một lời biện bộ, chẳng riêng gì cho tình yêu, mà cho tình cảm nói chung. Số phận của mỗi nhân vật được qui định tùy theo cảm tính chứ chẳng phải tùy theo khả năng. Nhân vật độc nhất thất bại thật sự và không rút được bài học gì sau cuộc thất bại của mình — Jouravlov — cũng là kẻ độc nhất không thương yêu ai được và cũng chẳng làm cho ai thương yêu y được. Những nghệ sĩ đã đánh dĩ tài mình — Volodia, chàng họa sĩ vẽ theo « chỉ thị », Tanietchka, nàng kịch sĩ « ngậm to trước công chúng những lời nhảm nhí » — thì đời họ bị cái trống rỗng dày vò và họ vô cùng khổ sở, mặc dù họ thành công về mặt vật chất. Họ khổ sở vô cùng cho đến ngày mà họ hiểu rằng họ « đã làm ô danh tình cảm con người ». Những nhân vật dễ động lòng trắc ẩn, dễ xót thương, dễ âu yếm hơn nhờ kinh nghiệm, nhờ thử thách của chiến tranh — như Korotieiv, Léna, Sokolovski, nữ bác sĩ Schéerer — hoặc những nhân vật mà bản tính chuẩn bị cho « lãng mạn tính » — như Savtchenko, — những nhân vật này tìm chân lý cho mình dễ dàng hơn những người thực tế kiêu Sonia, dễ dàng hơn những kẻ đại diện cho thể hệ trẻ mà chẳng một ai để ý giáo dục tình cảm và cá tính bị « bỏ hoang » phân nửa. Những kẻ này bị một quan niệm sai lầm về giá trị con người làm cho lạc lối nên họ tưởng tranh đấu cho hạnh phúc mình là tự hạ phẩm vị. Dầu vậy, họ chẳng thể cấm họ bị điều đó [tranh đấu cho hạnh phúc mình] ám ảnh, cũng như bao nhiêu người khác.

Bởi vì ai ai cũng nghĩ đến hạnh phúc — ngoại trừ các ông bốn-sơ-vích già nua, đã bị đức hi sinh chi

phối — và chính đó là một trong những nét mới nhất của tâm lý họ khi ta đem so sánh với tâm lý những nhân vật chánh, những nhân vật sáng tạo phù hợp với những qui luật của ông trùm tiểu thuyết Jdanov... Hạnh phúc này, có lẽ là một hạnh phúc cao thượng nhưng là một hạnh phúc hết sức riêng tư, một hạnh phúc rất ít cần đến những kết quả và những thực hiện của chế độ, một hạnh phúc mà muốn đạt được, họ phải tranh đấu một thân một mình, ở bên lề mọi đoàn thể.

Gia dĩ trong cuộc xáp la-cà này với thảm kịch của họ, họ tỏ ra yếu đuối lả lùng. Lớp người này bị ám ảnh bởi cái « ái tình nó chiếm hết con người và đánh dấu trọn cả cuộc đời », lớp người này không thể tự kiểm soát mình, cũng không thể hiểu lòng mình. Còn lớp người khác mà tim không mang một khát vọng nào, thì kéo lê kéo lết như một hòn sắt nặng nổi thất vọng, nổi buồn nản giả dạng thành sự vô liêm sỉ, lớp người khác này ghê tởm tất cả và họ không thể rời sự ghê tởm chán chường này. Nỗi khó chịu làm họ đau đớn đó nó giống nỗi khó chịu mà một lớp thanh niên Tây-Âu mắc phải, chỉ có tí khác nhau là ở đây, nỗi khó chịu ấy liên quan đến cái thể hệ sanh ngay sau cuộc Cách mạng và nó có phương cứu chữa, và bàn tay số mệnh chẳng in vào.

Cái thế giới gồm hết thầy nhân vật này nó gần như hoàn toàn chống đối cái thế giới mà bọn đồ đệ của Jdanov đề nghị với chúng ta. Đó là một thế giới trong đó tất cả mọi người được cấu tạo như những bộ phận rời rạc, trong

đó có rất nhiều việc không thể hiểu nổi, và trong đó « chẳng có cái gì được giải quyết bằng số học ». Nếu giữa kẻ tốt người xấu còn có sự phân biệt, thì sự phân biệt này, trong thế giới ấy, không theo những tiêu chuẩn như trước kia. Giữa màu đen và sắc trắng, sự phân biệt ấy thừa nhận một độ màu khác nhau rất ít, chính những màu khác nhau chút ít này lộ mất cái tánh cách giả tạo mà người ta còn thấy trong các tác phẩm của Panova, và chính những màu khác nhau sơ sơ này khiến tác phẩm trở nên xác thực.

Tất cả những cái canh tân này rất có thể đem lại một kích thích mới mẻ cho tiểu thuyết Nga-sô, nếu sự gột rửa ảnh hưởng của Staline chẳng bị hãm lại một cách đột ngột, và theo liền là sự căng thẳng nghiêm ngặt về tư tưởng. Người ta có lý mà ngại rằng cuộc phản công tân — Xích-Ta-Lin chủ nghĩa sẽ chặn đứng hẳn cuộc « tuyết tan giá rã ». Cuốn *Con người chẳng phải chỉ sống bằng bánh mì*, xuất bản cuối năm 1956, chứng tỏ rằng chẳng phải vậy đâu, và phong trào giải phóng văn chương khởi đầu ba năm về trước cứ tiếp tục đi con đường của nó.

Và quyền sách này làm người ta nói đến một cuộc cách mạng thật sự. Danh từ cách mạng không phải là quá đáng lắm. Bởi vì : quả quyết quyền tối thượng của những giá trị tinh thần trong một nước tự cho mình là nơi ký thác tất cả chân lý Mác-xít, thì đó là búa một nhất độc địa vào đám rể của chủ nghĩa. Bằng cách nào ? Bằng cách đề thành công và công lý về phía con

người cô lập tin tưởng nơi sứ mệnh con người của mình và tuyên bố « luôn luôn sẵn sàng » đổi miếng ăn của mình để lấy một tia sáng của niềm tin ; bằng cách biện hộ cho những « người lý tưởng » chống những « người sản xuất của cái vật chất » ; bằng cách quả quyết phải hiểu rằng — trong chủ nghĩa cộng sản — mục sống được hứa hẹn cao hơn cho tất cả, điều này ít cần hơn là viễn ảnh cho mỗi người có thể làm việc khỏi bị ngăn trở để thỏa những nhu cầu cao thượng hơn. Bằng lời quả quyết như thế, Doudintsev đã hồi phục danh dự cho con người và do điều này, ông công kích ngay chỗ tinh túy của duy vật biện chứng pháp căn cứ trên thuyết định mệnh xã hội - kinh tế.

Nếu mới nhìn qua thì dường như ông binh vực cá nhân chống với đoàn thể, đó chỉ là bề ngoài. Thật sự thì ông đã kích những đoàn thể giả, những đoàn thể trong đó hội viên đoàn kết nhau lại vì muốn bảo toàn quyền lợi riêng hơn là vì quyết phụng sự cho một chủ nghĩa nó vượt khỏi họ, và những hội viên này là hiện thân cho chủ nghĩa cá nhân trung tâm vị kỷ nó trái ngược với chủ nghĩa trung tâm nhân cách. Thật thế, nếu chúng ta đồng ý với Nicolas Berdiaiev, rằng con người không phải là « một phạm trù sinh lý hay tâm lý », mà là « một phạm trù đạo đức và tâm linh », một yếu tố cách mạng vốn là nỗ lực và chiến đấu, vốn là hoạt động, chống cự, vốn là sự đắc thắng của tự do đối với nô lệ, còn chủ nghĩa cá nhân nó đồng nghĩa với tánh tự nhận mình là ích kỷ, thì chuyện Lopatkine xác

nhận một cách đầy đủ và rõ ràng cái mâu thuẫn này. Nhân vật chánh của Doudintsev không nghĩ đến tư lợi. Anh ta chỉ không khứng tự lụy, không khứng khước từ một mảnh mún nào của tính xác thực của y, không khứng làm tên tù trong một thể giới không có gì cao cả, một thể giới mà niềm vui tuyệt đích được đề nghị là niềm vui của những « con giun sủi ầm dưới mặt trời ». Y đòi cho con người được quyền tự định đoạt ở nội tâm, không bị ép buộc nào do ngoại vật, được quyền là « một vì sao chổi và chiếu sáng một cách hoan hỉ, chẳng chút sợ hãi cho vật liệu người cháy hết đi. » Y vững mạnh với cái tự do thật sự và duy nhất đó, cái tự do của tinh thần, cái tự do chẳng hề biết đến những cản ngăn vật chất, dù đó là hàng rào kẽm gai của trại tập trung, trại an trí đi nữa, y quan niệm cuộc đời như thể là một cuộc chiến đấu triển miên. Vì lẽ đó cho nên y làm thiên hạ hoảng và khiến bao người đứng dậy chống y : đó là những kẻ sống bầu vào miếng phó-mát, chỉ tìm kiếm độc có một việc : những mối lợi vật chất. Và cũng vì lẽ đó cho nên sau khi chiến thắng, y không chịu dự vào trại « Kitèje » và một mực trung thành với nghiệp y, là theo đuổi con đường y chọn, cô độc và bất khuất, để cho ánh sáng chói phát từ ngọn lửa thiêng của y tiếp tục hấp dẫn những người thiện chí.

Tác giả binh vực tư tưởng mình nhiệt thành đến nỗi truyền cho ngòi bút vung về của ông một sức mạnh lạ lùng dạng « đem ra pháp trường » tất cả gì ở nước Nga ngày nay mà ông cho là chẳng thể đi đôi với sự phát triển tinh thần, đi đôi với điều tốt lành thật sự phải đem

lại cho dân chúng. Chẳng những bao phiền hà rắc rối của bọn công chức quan liêu, công thức chủ nghĩa, tình trạng đối bại thối tha, sự hãnh tiến, sự độc đoán trong chánh quyền, nghĩa là những tệ đoan đã bị Panova và Ehrenbourg công kích mà thôi, ông còn đã phá — và nhất là đã phá tinh thần phe đảng và tinh thần « độc quyền », — sự ham thích xa hoa, tánh tự phụ tự mãn, thói theo mốt, chuộng phù hoa, tức là những thói hư tật xấu phát lộ trong đám cán bộ, quan to và cấp chỉ huy Đảng, những thói tật càng xui họ ngày càng khác người xung quanh và làm họ đứng tách ra đám đông ; ông đã kích sự lười biếng của tinh thần nó kéo theo sự phục tùng mù tối đối với nền trật tự lập sẵn ; ông đã kích sự nô lệ và sự sùng bái các « vật thần ». Nhờ mưu mẹo trong cách ghi năm tháng, nhờ núp sau cái bình phong của chế độ Staline, Doudintsev nhắm rõ ràng những cái lạm dụng hiện thời để thống mạ một xã hội mà ông cho ta thấy đang đi trên đường trưởng giả hóa, một xã hội trong đó một số người dựa ngựa trong xe hơi, tặng cho vợ hay cho con gái những chiếc áo choàng da « vi-dong » (3), tổ chức những cuộc tiếp tân « theo cấp bậc đế vương » chỉ mời « những tên tuổi kên dòn » và bầu núp chết sống vào những đặc quyền của họ, trong khi đó thì bao kẻ khác sống trong những túp lều tranh vách đất, sống qua ngày bằng khoai lang tây luộc, và hễ mỗi lần họ thử tự tìm cách ra khỏi cảnh cùng cực thì họ đụng phải cái trường thành chống ngăn tòi tệ.

Cái nhiệt tình không chối cãi được nó kích thích Doudintsev trong khi viết đã truyền sang các nhân vật ông sáng tạo và

bù đắp vào vài chỗ thiếu sót trong văn tài của ông, cái nhiệt tình ấy giúp cho các tính tình được cứng rắn thêm, được nổi bật hơn. Dẫu rằng những nhân vật chính ông tạo ra cũng có tình cảm và có thể thương yêu, dẫu rằng họ cũng chẳng khỏi yếu, hèn, những nhân vật chánh này của « Con người chẳng phải chỉ sống bằng bánh mì » được trui rèn một cách khác hơn những nhân vật chánh của « Tuyết tan giá rã ». Có lẽ vì tại chúng gia nhập sâu hơn, dính líu chặt chẽ hơn với những công cuộc hoạt động xã hội và chánh trị trong nước, nên chúng cho rằng đòi hỏi quốc gia nhiều hơn là việc phải chăng. Chúng không thể theo gương kỹ sư Sokolowski mà quan niệm cuộc đời và sự thoát nguy ở ngoài xã hội chủ nghĩa được. Do đó mà đôi khi chúng trình những yêu sách của chúng một cách quá ư bạo dạn, rất là dữ tợn, bởi chúng muốn một xã hội chủ nghĩa phù hợp với những nhu cầu hiện tại. Chúng là con đẻ của chế độ, cũng như Doudintsev, nên chúng có thể tự cho phép đưa — đối với nền trật tự đã tạo chúng ra — những eo sách khác hơn những nhân vật của Ehrenbourg, những eo sách sáng suốt và nghiêm khắc mà chỉ có một tình yêu chân thành mới tự cho mình eo sách như thế.

Chúng ta có nên xem điều trên đây như là một trong những lẽ đã làm cho dù bất những biện pháp của chánh quyền được đem ra để xử trí với « Con người chẳng phải chỉ sống bằng bánh mì » ? Có lẽ đúng. Dù sao đi nữa, một quyển sách như quyển này, chỉ xuất bản có một kỳ 30.000 cuốn,

(3) Dịch âm tiếng Pháp « vison » : một giống điều ở bắc bán cầu, da dùng làm áo lạnh rất quý.

(4) mà được công chúng vỗ nhau mua, mà đã gây bao nhiêu cuộc bàn cãi, phán phê sôi nổi, mà đã khiến dân chúng biểu tình lăm lăm, lăm chỗ, sự kiện này dường như muốn chứng tỏ rằng dòng lịch sử, như ông Khrouchtchev ưa lặp lại, không có gì chuyển được. Nước nguồn thì phải chảy ra sông, nước sông thì phải chảy ra biển.

Và quả vậy, bất kể cuộc tiến hóa tân — Xích-Ta-Lin chủ nghĩa hiện thời, sự phản đối nhà cầm quyền về văn chương vẫn tiếp tục ở Liên bang Nga-sô-viết, và cuộc phản đối lịch sử này lại được nhiều nhà văn khích động, như V. Kavérine, Semion Kirsanov, Alexandre Iachine, thi sĩ Evtou-

chenko, đó là chưa kể Boris Pasternak mà quyền *Bác sĩ Jivago*, vốn bị cấm ở Mạc-tư-khoa, vừa chào đời ở Milan.

Vì thế cho nên chúng ta có thể hi vọng rằng sau khi đã tìm lại một trái tim, nhờ Ehrenbourg, và một linh hồn, nhờ Dou-dintsev, tiểu thuyết Nga-sô sẽ đâm chồi nảy lộc mới lạ trên cây cỏ thụ hồi sinh sau cuộc « tuyết tan giá rã ».

LƯU-NGUYỄN Đ.T.T. dịch thuật

(*Etapés d'un dégel : le roman soviétique de Idanov au néo-stalinsme* của Suzanne Cusumano, tập chí « *Études* », quyển 297, số 5, tháng 5 năm 1958)

(4) « Trước kia, sách này đã được đăng dẫn trong tập chí *Nouy Mir*, in 140.000 số. »

Chính sách của bậc minh vương

Bậc chí nhân trong thiên hạ mới có thể hợp được kẻ chí thân trong thiên hạ; bậc chí minh trong thiên hạ mới có thể cất nhắc được những người chí hiền trong thiên hạ. Có thông suốt như vậy mới có thể chinh phục được người trong thiên hạ. Cho nên đối với kẻ nhân, không gì lớn hơn là yêu người; đối với kẻ trí không gì lớn hơn là biết người hiền; đối với kẻ chính trị giỏi không gì lớn hơn là sung vào chức vụ những kẻ thật có tài năng. Phàm bậc quốc trưởng có được đất đai, nếu tu được ba điều ấy, thì người trong bốn bề đều tuân theo mạng lệnh. Ôi! Bậc minh vương chỉ dùng đến binh cách trong những trường hợp mà đạo lý không thể dễ tồn tại được: đánh giết ông vua vô đạo là để đổi bỏ chính sách; yên ủi người dân mà không hề cướp lấy của cải. Cho nên chính sách của minh vương, chẳng khác trận mưa phải thời giáng xuống, khi giáng xuống thì dân tất vui mừng, và càng thi hành rộng bao nhiêu thì càng thu được nhiều người thân mến bấy nhiêu; thế tức gọi là « đem quân về trên nơi chiếu ngồi » vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

XEM THẦN THUẬT Ở NHÀ

Bản dịch của VŨ-KỶ

TÔI luôn luôn có cái thèm khát kỳ dị là muốn được xem các trò thần thuật và tôi đã thân hành hỏi thăm, tìm kiếm các nhà chuyên môn ấy. Trên hành trình của tôi, tôi đã trưng dụng — ồ, danh từ mới oai làm sao! — năm người lừng danh nổi tiếng trong nước họ về cái biệt tài làm trò thần thuật và tôi giữ họ bên mình tôi.

Việc ấy tốn kém cho tôi nhiều lắm mà chẳng có người nào xuất ngoại theo tôi mà không muốn được đền bù lại bằng một món tiền khổng lồ nhưng tôi nghĩ rằng có lẽ tôi là người độc nhất trên thế giới này có được năm nhà ảo thuật trứ danh, trong số nhân viên nội dịch của tôi. Một người thì có thể thiếu tài hoặc sơ xuất chứ 5 người thì chắc chắn là tôi muốn lúc nào cũng được, xem những trò ảo thuật ngay tận nhà.

Người thứ nhất ở Tây Tạng, quý danh là Adjrup Gumbo. Y tự xưng là « Phật Đạt la vàng » và hấp thụ được thần quyền ấy sau những năm trường sống vùng rừng núi hoang vu miền Tây tạng, lại còn là tín đồ của vị thần Ralpa ở Ladak nữa,

Người thứ nhì, một người mọi tên Wambagwe ở tận Đông Phi châu và qua cặp mắt của dân bộ lạc y, thì y là chúa tể của Trời Đất.

Đến Bengale, tôi tìm mọi cách dụ được nhà đạo sĩ nổi danh Baba Bharad, người thiên thần kỳ lạ nhất của toàn thể Ấn độ.

Người thứ tư là Phan-Tôn, một người trung hoa theo đạo Lão, trước còn là tín đồ, sau là tổ sư của môn thần học, nghĩa là ngành ảo thuật nổi tiếng nhất ở Đông Phương.

Và người cuối cùng là một người Âu Wolareg, tự xưng là có đủ phép thần

thông biến hóa và dám hãnh diện xưng là thầy sự trường Thông-thiên-Học trú danh ở Tây Phương. Y không muốn nói cho tôi biết sanh quán của y nhưng y nói thạo 4,5 thứ tiếng và viết lách liên miên.

Cao gần hai thước, y có bộ mặt của một đứa trẻ nít Mông cổ thời xưa. Cỗ quần khăn choàng kín mít, vì nổi mụn nhọt lục cục, giọng nói nhỏ nhưng trịnh trọng lắm.

Với sự tuyền trạch ấy, hẳn tôi phải vừa ý lắm và được xem những trò kinh thiên động địa, có thể giải sầu, khuây muộn cho tôi lúc này. Tính đến ngày nay, thì ít nhất đã được một năm rồi, năm ông Đại Tướng Phù Thủy ấy sống với cơm gạo của tôi mà tôi chưa hề được thấy trò gì huyền bí cả.

Tôi biết rằng không phải bọn họ thiếu thiện chí. Mỗi khi tôi ra lệnh làm cho tôi xem một sự kỳ lạ thì họ sẵn sàng thỏa mãn tôi ngay. Tôi đề cho họ tự do chọn lựa thời gian và loại ảo thuật mà họ thích. Và lần nào, tôi cũng được trả lời bằng những hứa hẹn đến chảy nước mắt: Tionfas hứa sẽ làm cho trời mưa trong một ngày nắng gắt và ngăn cản cơn đông; Phan-Tôn hứa sẽ làm xuất hiện một bọn ma vương, quỷ quái tuân theo hiệu lệnh của tôi, Adjrup Gumbo sẽ tái sinh một xác chết trước mắt tôi và cho tôi được nói chuyện với người chết nào mà tôi muốn; Baba Bharad, chuyên về những hiện tượng nhập thần, đăng vãn bảo đảm với tôi ngày kia, tự y, y sẽ bay bổng lên mấy tầng mây đến khuất dạng và rồi hiện về mặt đất, theo lệnh của tôi. Còn Woloreg nữa,

nhất định sẽ bẻ gãy hoặc làm động các vật dụng mà không sờ mó đến chúng hay biến đổi thực chất của chúng, làm ra vàng, xuất hiện ma biết nói và sẽ đặt tôi làm chúa tể cái thế giới thần học của y.

Nhưng mà lần nào các ông tướng của tôi cũng nói thì có mà làm thì không thấy gì cả. Ngày nào, các trò của các ngài cũng hỏng vì thiếu một bùa lệnh thiếu một hòn đá thiêng phải mang đến từ một góc trời châu Á hay châu Phi và muốn thế, phải mất bao nhiêu tháng lặn lội trường. Lần khác, thì bị thiên khí không trợ phù hay âm dương tương phản mà phải hoãn cuộc đàn trò. Hay là nhà ảo thuật của ta lại rơi vào phép bùa chú phản tặc của một nhà thần học cự thủ khác đã nắm độn biết từ xa mà cao phép cản trở.

Woloreg, y thì dám quả quyết rằng y chỉ có thể hóa phép khi nào thiết lập được cho y một cái hang dưới mặt đất có lát đá cẩm thạch, xây theo phương hướng y nhắm, đủ có hoa thần tiên kỳ lạ có dưa chạm bằng xương người chết, có cột nạm ngọc quý.

Tôi liền bảo xây dựng ngay cái hang ấy trong một góc vườn cách xa nhà, theo đúng ý muốn của y nhưng lần nào cũng thế, y bảo cũng còn thiếu một cái gì cần yếu, không tìm ra nổi và chính y làm tôi tốn kém nhiều mà cũng đem lại cho tôi rất ít kết quả.

Rồi bọn họ cố gắng giải trí tôi bằng những trò ảo thuật tầm thường để đền bù lại những phép thần thông vĩ đại của họ bất thành.

Tôi đề cho bọn họ làm và tự hứa lòng sẽ lột mặt nạ họ chơi, vì tôi không muốn vứt những mỹ kim của tôi qua cửa sổ. Tôi nghiên cứu rất nhiều sách biên soạn về ảo thuật, thôi miên, thần thông học, đạo học, tôi đọc hết đề khỏi mang tiếng là i, tờ về môn ấy và đề họ khỏi bịp tôi trắng tráo.

Một ngày kia, một đứa ở của tôi chết. Adrup Gumbo lãnh trọng trách làm cho nó sống dậy. Y vào phòng người chết, đóng cửa lại, ở đó vài giờ, đốt khói lên nghi ngút và cho mời tôi đến. Qua những làn khói thơm, bỗng nhiên tôi thấy đứa ở tôi động dậy, cựa chân và lắc đầu từng nhịp; tôi sai mở tung các cánh cửa và thấy nhà ảo thuật của tôi dùng bằng những giây điện, không phải dùng bùa phép Thánh Đạt Ma mà dùng luồng điện, một công trình phát minh của khoa học Tây phương để làm chuyển động cái xác chết. Và qua ngày hôm sau, người ta phải chôn liền trong nghĩa địa gần đó, cái xác người « tái sinh » kia.

Baba Bharad muốn trình diễn trước mắt tôi điều huyền bí đã được mọi người biết: hột mận lấp đất và tưới nước, một giờ sau hóa nên cây có trái. Nhưng mà, với một chiếc cốc, tôi không phải khó khăn gì mà mất công để chứng minh cho y thấy rằng tôi đã thuộc lâu điều bí mật ấy rồi; thực ra, cây mận ấy đặt trên một cái đĩa làm bằng chất cây diễn, đã được lấp kín dưới đất từ trước và nước tưới lên xoi xối làm cho cây ngóc đầu lên.

Phan Tôn, trong một căn phòng mờ tối gọi về dương thế một hình thù xanh xanh,

theo y thì đó là một trong những con quỷ dữ tợn nhất của âm phủ: Đại Ác Ma Vương.

Chiếc đèn bấm của tôi cho tôi biết rõ rằng, dưới một tấm vải, choàng xanh phủ kín, hình thù một tên mọi làm bếp cho tôi vì nghe theo tiếng gọi của một chai ba xi để (rượu gin: giống rượu ba xi để của ta) đã sẵn sàng cho mượn thân hình để đóng vai trò Ma vương.

Còn Tionfas nữa, tôi chỉ được dịp ngắm thân hình y óng ánh, trét đầy mỡ, cầm đầy những kim châm to tướng và đầy đó chảy từng giòng máu ghê rợn: quả thực, tôi nuôi y tốn nhiều nhưng y trả lại chẳng có bao nhiêu.

Thôi, từ rày, tôi phải nghĩ đến phương kế đuổi các « ông nội » kia ra khỏi nhà tôi, Wolareg, cao ngất ngều trên thân mình hai thước, cứ quả quyết rằng sở dĩ y mất linh khí, bùa chú hết thần hiệu, là vì cái xứ duy vật này quả thực không thuận lợi cho những vị thần linh xuất hiện; thêm vào đó, lòng ngờ vực, kém thành tâm của tôi đã làm tê liệt quyền lực và bùa phép của y và của các bạn đồng nghiệp.

Một sự kiện cần chú ý: Năm ông tướng Phù Thủy ấy trở nên rất khăng khít với nhau, trong một mối tình Bá-Nha Tử Kỳ độc nhất và càng ngày càng ăn khỏe vô song.

Bản dịch của VŨ-KY

Đính chính

B.K. số 33

★ Bài « **Huỳnh-Thúc-Kháng** » của *Nguyễn-Hữu-Ngư* :

- Trang 27, cột 1, 2 dòng chót, xin đọc « Ủy ban kháng hành »; và xin bổ chú thích (1)
- Trang 32, cột 1, dòng 4 : « Xử tử ! Fày Côn-lôn ! »

B.K. số 34

★ Bài « **Nguyễn-Huệ** » của *Nguyễn-ngu-Í* :

- Trang 19, cột 2, dòng 27 : « hai mươi bốn năm ».

★ Bài « **Nhân mấy cái án...** » của *Lưu-Nguyễn Đ.T.T.*

- Trang 38, cột 2, dòng 7 và 8 : biểu hiện
- Trang 51, cột 1, dòng 23 « những đứa con dễ dạy dễ sai của đảng Cộng »
- Cùng trang, cùng cột, dòng 6, 7 : như thế chẳng là thẹn thùng, nếu không là tủi nhục lắm ru ? »
- Trang 53, chú thích chót : « ... mà chính trái đất xoay quanh nó và xoay chung quanh mặt trời. »



VẤN ĐỀ BÁO CHÍ TẠI HOA-KỲ

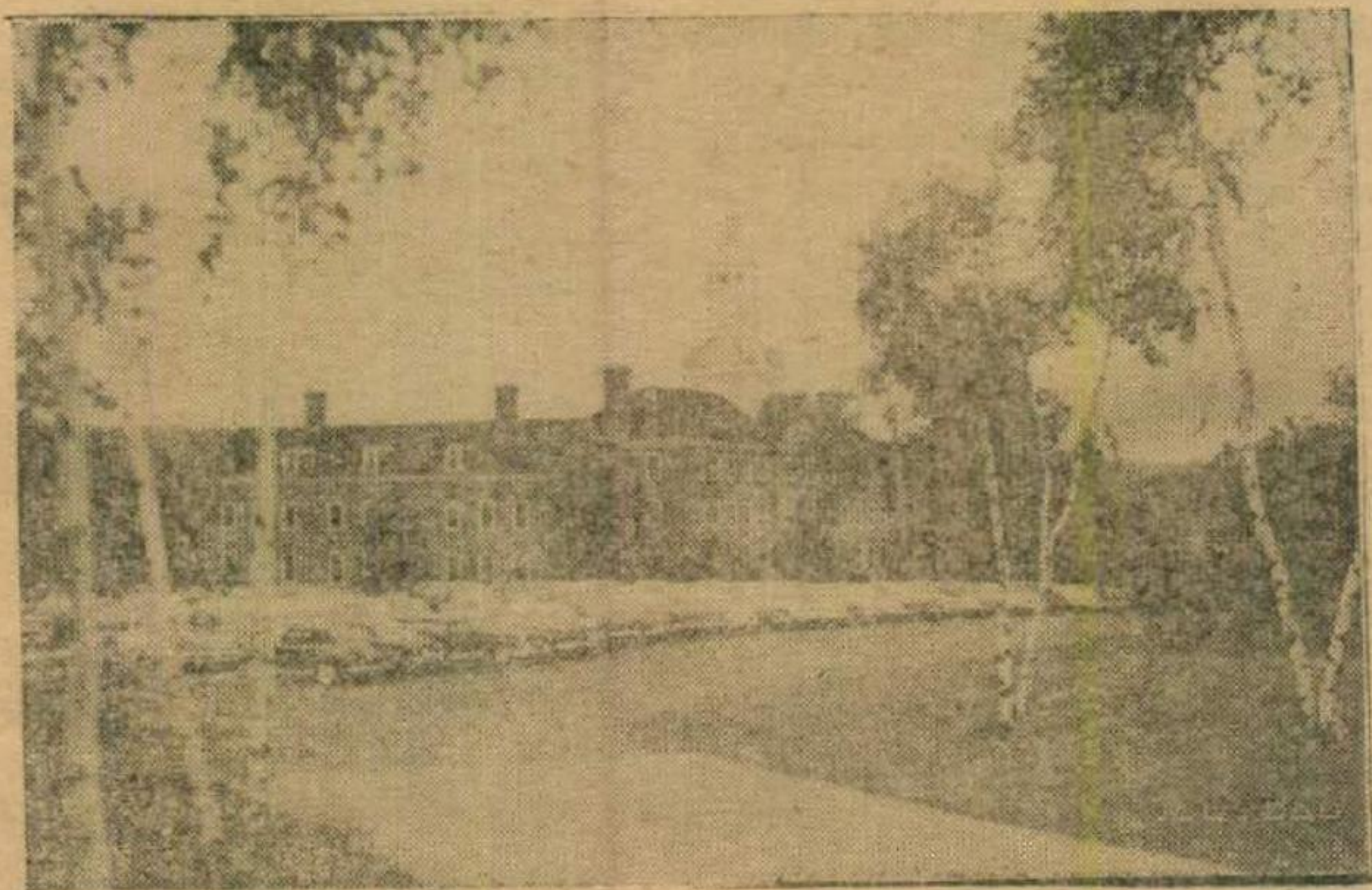
PHAN-SƠN-VŨ

Bài 1. — HIỆN TÌNH BÁO CHÍ

... «Tôi là tiếng nói của ngày hôm nay
« Diễn đàn của ngày mai. Tôi để
« trong tầm lựa để văng những sợi giây
« của tương lai — Tôi kể chuyện về
« Hòa Bình cũng như chiến tranh —
« (Robert H. Davis).

Tự do báo chí

Tự do báo chí và tự do tư tưởng
là một trong những quyền mà công dân
HOA-KỲ chú trọng nhất. Họ coi đó
là một quyền thiêng liêng, bất khả xâm
phạm, một quyền lợi về tinh thần mà
mọi công dân đều được Hiến Pháp bảo



Tòa báo Reader's Digest ở Pleasant Ville (N. Y.)

vệ và chính công dân cũng thường xuyên sử dụng quyền này. Người dân HOA-KỲ cũng quan niệm rằng, họ sử dụng quyền này để bảo vệ nền tự do dân chủ của HOA-KỲ mà Hiến Pháp và Quốc hội đã thảo ra.

Quyền tự do báo chí thâu gồm trong nó những công quyền khác như tự do ý kiến, tự do trình bày và tự do được xem tin tức. Người dân luôn luôn đòi hỏi cho mình được am tường sự thực của tình hình quốc gia cũng như quốc tế, như vậy họ sẽ theo dõi được công việc làm của Chính Phủ và hơn nữa thỏa mãn những nhu cầu trí thức của con người.

Tại HOA-KỲ vấn đề truyền bá tin tức được đặt thành một vấn đề quan trọng trong báo chí. Những « tin tức nguyên chất » được bảo vệ toàn vẹn để phổ biến trong dân chúng — Erwin Canham, chủ bút của tờ Christian Science Monitor và Lester Markel biên tập viên của tờ New York Times đã từng bênh vực nhiều lần về vấn đề bảo vệ và phổ biến những tin tức nguyên chất trong dân chúng.

Erwin Canham đã viết: « Tin tức là nòng cốt của mọi tờ báo, tất cả các công việc khác đều là phụ thuộc » còn Lester Markel cho rằng « nhiệm vụ đầu tiên của báo chí là đăng tin tức ».

Theo quan niệm của phần lớn dân HOA KỲ báo chí có nhiệm vụ giáo dục dân chúng bằng cách phổ biến tin tức — George H. Gallup đã viết « nhiệm vụ của báo chí là cho dân chúng được biết những tin tức hàng ngày. Đó là một ông thầy của dân chúng ». (1)

Tại sao đường lối báo chí HOA KỲ lại chủ trương việc đăng đầy đủ các tin tức là cốt yếu? Vấn đề căn bản là người dân HOA KỲ đã có một căn bản trình độ giáo dục khá vững vàng. Họ có đủ sáng suốt để nhận định và phê phán tin tức. Họ luôn luôn có một lập trường thu nhận và phê phán tin tức khách quan. Hơn nữa tại HOA KỲ, tự do dân chủ và các công quyền được bảo vệ triệt để, nên người dân có quyền được theo dõi và phê phán những việc làm của Chính Phủ họ về mọi mặt.

Do đó chúng ta thấy rằng, họ thích có những tin tức nguyên chất hơn là những sự kể lể dài dòng — Chúng ta đã biết tờ báo thiên cộng ở HOA KỲ là tờ Daily Workers vẫn được quyền ấn hành nhưng nó đã tự đình bản ngày 13/1/1958 vì dân chúng bỏ rơi nó.

Tuy nhiên, trong khi đó cũng vẫn có một vài tờ báo địa phương ở các tiểu bang hoặc các thị trấn như tờ Saint Louis Post Dispatch đề ra những mục đích: « chủ trương của (Saint Louis Post Dispatch) là mất mát chiến đấu cho sự tiến bộ và cải lương. Nó không bao giờ tha thứ cho sự bất công và thối nát, luôn luôn chống lại sự mê dân của các đảng phái, nó cũng không lệ thuộc vào một đảng phái nào, nó luôn luôn chiến đấu chống lại những tầng lớp đặc quyền và các kẻ đầu cơ. Nó bao giờ cũng trung thành với quyền lợi của dân chúng. »

Tuy nhiên dù ở trong một trình độ một nước tự do dân chủ như HOA-KỲ, các báo chí cũng lập nên những hội để bảo vệ quyền tự do báo chí và ngăn ngừa

(1) New York Times Magazine 4 tháng 11-1951

những vi phạm vào quyền thiêng liêng này. Đó là « Ủy ban về tự do báo chí » (Commission on Freedom of the Press) do sáng kiến của ông H.R. Luce chủ nhiệm tờ Time thành lập vào năm 1943. Ủy Ban bầu Ông Robert M. Hutchins Viện Trưởng Trường Đại-Học Chicago làm chủ tịch Ủy Ban gồm có những nhà viết báo, các giáo sư Đại Học và các giới.

Ủy Ban sau khi nghiên cứu thảo luận đã ấn định nhiệm vụ của báo chí (và phát thanh) gồm 5 điểm chính :

— Cung cấp sự liên lạc đứng đắn trung thành một cách sáng suốt những biến chuyển hàng ngày trong những bản tin có ý nghĩa.

— Là nơi tập trung trao đổi các ý kiến và phê bình.

— Làm cho mỗi nhóm trong xã hội hiểu rõ ý kiến và thái độ của những nhóm khác.

— Cung cấp một phương pháp để trình bày và giải thích những mục đích và giá trị của xã hội.

— Thành lập một phương tiện để chuyển đạt tới mỗi thành phần trong Xã hội bằng những luồng thông tin và dư luận do báo chí cung cấp.

Độc giả Hoa-Kỳ muốn gì ?

Nội dung của tờ báo

Phần lớn chủ nhiệm và chủ bút các báo ở Hoa-Kỳ đã cố gắng bắt mạch được những dư luận để chạy đua nhau trong việc kiếm thị trường độc giả. Luôn luôn họ tự hỏi « Độc giả muốn gì ? ham đọc gì ? » để làm thỏa mãn nhu cầu của mọi người. Nhưng thị trường độc giả của một tờ báo không thể duy nhất được, ở Hoa-Kỳ cũng

như ở các nước khác trên thế giới. Trình độ trí thức và xu hướng tư tưởng khác nhau đưa đến sự đòi hỏi những nhu cầu riêng biệt và phức tạp — Tuy nhiên tòa soạn những tờ báo Hoa Kỳ cũng cố gắng tìm tòi ra được một « con người quần chúng » để lấy đó làm đối tượng cho sự biên tập tờ báo của mình.

Sự đòi hỏi của « con người quần chúng » đó ra sao ? Báo chí phải cung cấp những gì để thỏa mãn nhu cầu của họ ? Cơ quan nghiên cứu quảng cáo (Advertising Research Foundation) sau cuộc điều tra tỉ mỉ đã nhận thấy như sau :

Loại bài được ưa thích	Đàn Ông	Đàn Bà
Bài có tính cách vui và hài hước	81%	78%
Thề thao	76%	49%
Bình luận	43%	27%

Như vậy, chúng tỏ rằng người độc giả trung bình nghĩa là « con người quần chúng » HOA-KỲ ít chịu đọc những bài vở có tính cách khô khan.

Một tờ báo trung bình ở HOA-KỲ có chừng 24 trang, muốn đứng vững được phải gồm có một nội dung sau đây :

- Tin tức tổng quát 3 trang
- Thề thao phụ nữ 3 trang
- Hài hước 1 trang
- Bình luận thơ tín độc giả, mách giùm 1 trang
- Quảng cáo 14 trang 1/2
- Linh tinh 1 trang 1/2

VẤN ĐỀ BÁO CHÍ TẠI HOA KỲ

Trong giới độc giả HOA-KỲ cũng có một số ít muốn đọc những tờ báo có tính cách chính trị, nhưng phần lớn là muốn dành cho mình quyền suy xét phán đoán riêng biệt.

Đối với dân chúng HOA-KỲ « con người quần chúng » là một đối tượng để các tòa soạn lấy đó làm tiêu chuẩn biên tập.

ra tin tức » là của Gordon Bennett nêu ra, và chính ông ta đã cử Stanley đi tìm nhà thám hiểm Livingstone ở Phi châu, vượt qua bao nhiêu khó khăn nguy hiểm cốt để làm cho các độc giả có những tin tức sốt rẻo.

Ngoài việc làm nổi bật lên những tin tức sốt rẻo, tòa soạn các báo còn chú ý đến tin tức có tính cách « lợi ích



Tòa soạn một tòa báo.

« Tôi làm ra tin tức »

Phần lớn các báo chí chủ trương luôn luôn tìm trong cuộc sống hàng ngày những tin tức gay cấn để kích thích độc giả. Luôn luôn họ tạo ra những tin tức hồi hộp để các độc giả phải chú ý theo dõi. Khẩu hiệu « tôi tạo

nhân loại » ví dụ một tờ báo đã đăng rất lớn hình bộ mặt đau khổ của những nạn nhân một vụ hỏa hoạn, cốt để gây sự xúc động tâm lý của mọi người và làm họ tha thiết với công cuộc cứu trợ nạn nhân.

Vấn đề gây một xúc động tâm lý trong

đám độc giả đã được các báo chí tại HOA-KỲ chú trọng đặc biệt đến để khai thác đề các độc giả chú ý tới, những đầu đề tin tức này được đăng bằng chữ thật lớn ở trang nhất.

Một thí dụ : tại trang đầu của tờ báo Daily News những « tit » đã chiếm tới 54% của trang và so với tờ Le Parisien Libéré là 42%. Tuy sự trình bày những « tit » có lợi là gây được những xúc động tâm lý trong giới độc giả nhưng nó đã gây ra sự bất tiện vì « tit » lớn choán hết nhiều mặt giấy, và muốn dung hòa được vừa có « tit » lớn vừa ghi được nhiều tin tức ở trang đầu nên hầu hết tin tức đều phải sang trang ; với một tờ báo hàng ngày dày hàng mấy chục trang in chữ nhỏ nên độc giả rất mệt và lấy làm khó chịu khi phải giở sang trang luôn.

Đồng loạt hóa và công thức hóa biên tập

Dù muốn hay không, chúng ta cũng phải nhận rằng tại HOA-KỲ trình độ khoa học hóa mọi vấn đề đã tiến rất mạnh. Lẽ dĩ nhiên trong đó bao gồm có ngành báo chí.

Riêng về ngành báo chí không những kỹ thuật ấn loát, thông tin đã nhờ được sự phát triển mau lẹ về máy móc đã tiến một bước khá xa mà cả đến kỹ thuật biên tập trình bày cũng vậy. Phần lớn biên tập viên, phóng viên, chuyên viên, đều tốt nghiệp ở các trường làm báo. Tại các trường đó cũng như tại các tòa soạn những « công thức biên tập » và trình bày đều được áp dụng vấn đề biên tập được « đồng loạt hóa », văn thể cũng như kỹ thuật — Bất cứ một tòa soạn nào người

ta cũng áp dụng nguyên tắc viết bài thông tin năm chữ W : *What ? Who ? Where ? When ? Why ?* (Sao ? Ai ? Ở đâu ? Khi nào ? Tại sao ?) Đó là một trong những công thức để các phóng viên dùng làm cầm nang khi viết bài tin tức — Dù bài viết hay đến đâu mà không áp dụng đúng công thức này cũng coi như hủy bỏ.

Kỹ thuật

Nhìn vào hiện trình báo chí HOA-KỲ hiện nay, chúng ta phải nhận thấy đã có những bước tiến vượt bậc về kỹ thuật ấn loát, trình bày biên tập, cũng như quảng cáo và phát hành. Sự tiến triển mau lẹ đến nỗi không ai tưởng tượng được.

Một thí dụ : trong dịp lễ Nữ Hoàng Elizabeth đăng quang, dân chúng ở NỮ ƯỚC đã có thể theo dõi bằng vô tuyến truyền hình (Télévision) cuộc lễ chỉ cách 7 phút sau và cách 1 giờ 43 phút sau báo Daily News đã có phát hành 1 số đặc biệt về cuộc lễ.

Các du khách nếu viếng NỮ ƯỚC ban đêm ở Time Square không ai bỏ qua được những « tit » lớn hàng mấy thước chạy bằng điện ở lưng chừng Tòa báo Time — Những « tit » này là « tit » đăng đầu đề các tin tức quan trọng ở số báo phát hành sáng hôm sau.

Tại các Tòa báo HOA KỲ-đều có những máy Teletype để nhận tin tức và Telephoto nhận ảnh do các hãng Thông Tấn như AP hay UP gửi từ nơi trên thế giới về. Một Tòa soạn của một tờ báo nhỏ như tờ Fayette Ville Observer cũng có đến ba bốn máy Teletype và Telephoto. Máy Teletypesetter có thể truyền đi một phút 600



Phòng in báo có máy Linotype.

chữ (1954), năm 1953 chỉ truyền được mới 150 chữ.

Về máy in báo ngày nay, có những máy hết sức tối tân như Pantagraph, có thể in gấp, cắt xén và gói chùng 26.000 tờ một giờ.

Tình hình phát hành báo chí

Hiện nay tại HOA-KỲ báo chí xuất bản mỗi ngày một tăng. Như vậy chứng tỏ nhu cầu của độc giả càng ngày càng lớn. Năm 1900 tổng số báo HOA-KỲ ấn hành một ngày là 15.102.000 tờ. Năm 1940 là : 41.131.000 tờ và năm 1956 là 52.845.000.

Vấn đề giấy in HOA-KỲ có thể tự túc được và HOA-KỲ là nước đứng thứ nhì trên thế giới về việc sản xuất giấy tờ sau Gia-Nã-Đại. Mỗi năm HOA-KỲ tiêu thụ chừng 60% số giấy sản xuất trên thế giới.

Theo bản thống kê (1953) tờ Le Monde tiêu thụ giấy hàng năm bằng tờ Chicago Tribune dùng trong một tuần.

Kỷ nguyên của nhanh chóng

Hiện thời báo chí tại HOA - KỲ thường cố gắng đề đăng kịp tin tức mục đích nhằm vào việc trình bày thực

trạng của công việc xảy ra đúng thời gian.

Ngoài ra vấn đề tranh thủ nhanh chóng đã đưa định luật đến « *cô đọng* ». Hơn nữa « *cô đọng* » được bao nhiêu, tin tức càng đỡ dài dòng, vừa dễ bị nhầm, vừa đỡ tốn tiền đánh điện tín của phóng viên. Ngoài ra, báo chí Hoa-Kỳ luôn luôn tôn thờ « *thực trạng* » hết sức khách quan. Báo chí thường chủ trương đưa một tin tức ra với đầy đủ chi tiết và xuất xứ, rồi để cho mỗi độc giả tự mình suy xét và phán đoán.

Vấn đề quảng cáo

Là một vấn đề sinh tử của các báo, như đoạn trên đã trình bày một tờ báo trung bình là 24 trang, mục quảng cáo đã lên tới 14 trang rưỡi.

Chúng ta thấy rằng một vài Hãng lớn như General Motors, Ford, Colgate, Palmolive v.v. trong năm 1954 đã đăng quảng cáo, trong 1248 tờ nhật báo và tuần báo lớn nhất trung bình hết từ 9.800.000 đến 18.800.000 đồng Mỹ kim — nhưng không những riêng chỉ các hãng lớn đăng quảng cáo mà các hãng nhỏ cùng các tư nhân muốn mua, hoặc bán các nhà đất xe cộ đồ đạc, cũng dùng quảng cáo rất nhiều — một trong những tờ báo ấn hành nhiều số nhất tại HOA KỲ là tờ Daily News (NỮU ƯỚC) trong tháng 3 năm 1951 có tới 66 % số trang để quảng cáo.

Tuy nhiên các Báo chí HOA-KỲ cũng biết biến quảng cáo thành những mục không những có ích lợi về thương mại mà còn có tính cách làm ích lợi cho dân chúng. Những phát minh mới lạ về khoa học, về kỹ thuật dùng trong việc nâng cao mức

sống con người được tô điểm khéo léo để thành những bài có lợi cho kiến thức độc giả — Hơn nữa những quảng cáo nào cũng được tô chuốt cho có tính cách mỹ thuật — nhiều màu sắc, hình vẽ nhiều nhất thường dùng là đàn bà.

Về quảng cáo, nguyên liệu MACY'S tại New York, một trong những tiệm lớn bán các đồ thời trang đã xuất bản mỗi ngày một tờ báo nhỏ 4 trang, có kê khai tỷ mỉ những hàng hóa bán và giá cả theo từng ngày. Tờ này phát không cho khách hàng.

Nhờ ở sự phát triển về kỹ thuật ngày một tăng tiến và nhờ ở trình độ dân chúng khá cao, luôn luôn đòi hỏi một nhu cầu báo chí rộng rãi, báo chí Hoa-Kỳ về số lượng sản xuất đã chiếm kỷ lục. Theo bản thống kê của tờ Editor and Publisher cho đến ngày 30-9-1956 số báo chí Hoa-Kỳ gồm có :

Loại báo	Số báo phát hành	Số lượng tổng cộng
Báo buổi sáng. .	314 tờ	22.491.500
Báo buổi chiều. .	1454 tờ	34.610.010
Số ra ngày chủ nhật.	546 tờ	47.162.264

Tờ nhật báo ấn hành nhiều nhất là tờ News ở Nữu-Ước mỗi buổi sáng phát hành 2.083.972 tờ và số chủ nhật là 3.620.275 tờ những tờ khác số ấn hành trung bình từ 46.934 tờ (Star Bulletin) đến 876.938 tờ (Mirror).

Đặc biệt là các báo chí ở tỉnh nào phát hành riêng cho tỉnh đó, ít khi phát hành chung cho toàn quốc. Một

VẤN ĐỀ BÁO CHÍ TẠI HOA KỲ

thí dụ tờ Tennessean ở Nashville ấn hành 119.508 số. Điều này cũng do ở kỹ thuật thu nhận tin tức và ấn loát ở các nơi sàn sàn như nhau.

Tuần báo và nguyệt san lớn nhất cũng có tới 64 tờ, tờ ấn hành nhiều nhất là Selection Readers Digest (10.718.943 số) và Life (5.738.226).

Về nhật báo chúng ta nhận thấy có những tờ chuyên về một vấn đề — về thông tin có tờ News, Time News York Herald Tribune, về các ngành khác như tờ American Banker, tờ Motion Picture Daily tờ báo về tranh ảnh.

Về tuần báo và nguyệt san có những tờ lớn như Life, Time; nhiều tờ đi vào những vấn đề chuyên môn như Art News (40.000 số) nói riêng về nghệ thuật Movie Life về kịch ảnh, Publisher Weekly (16.621 số) về các nhà xuất bản.

Và người ta nhận thấy dần dần các báo chí HOA-KỲ càng đi sâu vào vấn đề chuyên môn hóa kỹ thuật làm báo, nhưng chúng ta cũng không lấy làm lạ ở một Quốc gia mà nền kỹ nghệ và khoa học phát triển như HOA-KỲ và một điểm đáng chú ý là báo chí HOA-KỲ đã tiến tới chỗ chuyên môn, mỗi tờ riêng một loại, văn nghệ, kỹ nghệ, quảng cáo.v.v... nên có vẻ khô khan. Bởi vậy người đọc giả Á đông vẫn thấy thiếu thốn một sự tổng hợp để làm thỏa mãn nhu cầu trí thức của con người khi muốn có nó trong cùng một tờ báo.

PHAN-SƠN-VŨ

*Kỳ tới: Vấn đề báo chí
tại HOA-KỲ (bài 2)*

Sự lờ chức về báo chí.

Đạo của bậc Minh vương

Tăng-tử ngồi hầu Khổng-tử, Khổng-tử gọi bảo :

— Người có thể nói về cái đạo của bậc Minh vương không?

Tăng-tử đáp :

— Trò này không dám tin rằng đã hiểu. Vậy xin thầy dạy cho nghe để học.

Khổng-tử nói :

— Người ngồi đây ta bảo cho hết. Ôi ! Đạo là để làm sáng Đức vậy. Đức là để làm tôn Đạo vậy. Cho nên không có Đức thì Đạo không được tôn, mà không có Đạo thì Đức không được sáng. Dầu có hạng ngựa tốt trong nước mà không có Đạo để rèn dạy thì cũng không thể cưỡi mà đi được. Dầu có đất rộng, dân đông mà không có Đạo để sửa trị thì cũng không lập nên nghiệp bá, nghiệp vương được.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

MỘT ĐOẠN NHỮNG NGÀY QUA

(Kỷ-ức một học-sanh nội trú năm thứ tư
trường Trung học TRƯƠNG-VĨNH-KÝ — niên học 1937-38)
Đề nhớ từ An, Bá... qua Khê, Nhu... đến Thân, Truyện...

Lời nói đầu.— Nước chúng ta độc lập được ba năm. Bao điều đòi thay trong việc học, sao cho người Việt giúp được mình, giúp được xã hội, giải phóng con người, góp sức tài vào công cuộc kiến thiết nước nhà và gìn giữ hòa bình cho nhân loại. Bao đích nhắm đẹp, hay, cao cả... Và chính hiện giờ, đang có cuộc hội nghị đề cải tổ chương trình giáo dục sao cho hợp lý, hợp tình, hợp với dân tộc. Cách học thi của lớp người thời kỳ mất nước trong thiên kỷ ỨC NGẮN NÀY — đúng hai mươi năm chẵn — mong sẽ gọi chút ngậm ngùi và nghĩ ngợi...

« Mưa đã bắt đầu tuôn xối xả...

« Rất nhiều rạo rức ngập lòng ai.

« Lặng nghe mưa rót trong đêm hẹp,

« Chiếc gối vì đâu nặng thở dài...

Tối nay, bắt đầu học thêm giờ.

Sau đêm thứ nhất phải cặm cúi với bài vở đến 22 giờ, vài bạn chưa chi đã cần nhả, vì mất thói quen lên lầu ngủ lúc chuông 21 giờ rung : « Thêm một giờ học tối nữa đề làm gì ? Chỉ đề ngáp. Thêm giờ học, mà nào có học thêm được. Bốn

mí mắt chỉ đòi thân thiện mãi, cái đầu của người cử tử lại hóa thành đầu con bừa củi bị dè lưng ».

Nhưng cái gì lâu rồi cũng quen. Và ai cũng rán lợi dụng giờ học thêm, thâu hết sức mà lợi dụng, thành lúc ra khỏi phòng học, anh nào anh nấy cũng bơ phờ, cơn buồn ngủ và sự mệt mỏi rõ ràng trên gương mặt và trong dáng điệu. Có anh thì uốn lưng nghe rắc rắc, có anh thì dựa cột, vờ văn ngấm vòm trời, vài anh này ra sân tập thở, mấy anh khác nằm dài trên bàn

banh bàn, đôi mắt lim dim. Đến lúc chuông rung, mặc dầu cái cảnh gối êm, mền ấm đầy quyến rũ, ai nấy cũng uể oải lại sắp hàng, đứng không muốn vững, phải dựa vào nhau. Cho đến tiếng guốc lên thang lầu nó cũng mất hẳn sự kêu dồn của những lần lên, xuống thường khi.



Thứ năm tuần ấy, ra chơi từ 16 giờ đến 18 giờ vô, có điều lạ là các anh năm « đệ tứ » anh nào cũng có vẻ mập hơn ngày thường. Bởi trong mấy túi quần và mấy túi áo Tây, ngoan ngoãn nằm một vài hộp sữa, một vài cây sô-cô-la, đôi phong bánh đậu xanh... và dưới tay, tròn ten năm ba ổ bánh mì. Làm mấy anh lớp dưới ngó chúng tôi mà thèm, vì lệnh trường nghiêm cấm đem đồ ăn ở ngoài vào, thành thử các anh phải lén lút, giấu giếm mỗi khi « nhập cảng » một thức ăn gì.

Thật ra, thì đối với những kẻ sắp ra « bãi chiến trường » là chúng tôi đây, ai lại hẹp hòi chi với sự uống, ăn thêm để bồi bổ sức lực mất đi vì « thao dượt ».

Thế mới biết : học trò thì có khác.

Rồi từ hôm sau, trong những bữa cơm sáng, mấy anh bồi được thêm một bồn phận mới : chế nước sôi vào một đám li có sẵn nào sữa, nào « phoscao », nào « nescao », nào « ovomaltine », toàn những chất ăn bổ, và trong bữa cơm tối, lại chế nước sôi vào các bình « thermos », để khi học tới 21 giờ, ra nghỉ 10 phút dặng vào học tiếp, pha sữa, uống một cách thật ngon lành : phòng học nghiêm trang và im lặng hồi nầy, giờ biến thành một tiệm nước khách đông. Còn khi nào gặp giờ

chơi lâu lâu, không hẹn mà gần nửa lớp chạy về phòng học, mở học đứng, lấy vài khoanh bánh mì, hấp tấp nặn sữa sống lên rồi... ngốn...

— Ê ? Kh.1. Chẳng biết bên « Áo tím », người ta có cùng diễn cảnh chúng mình không ? Khi nào thăm chị bà con mấy, nhớ phỏng vấn nghe mậy ?

— Căn gì phải làm rộn chị tao ? Tự nhiên các chị bên ấy là những thiếu nữ nết na, thùy mị, ăn coi nổi, ngồi coi hướng, « dịu dàng như những đóa hoa », có đầu thổ lộ như bọn chết đói từ đời Hồng-Bàng là chúng mình đây.

Anh bạn nọ chưa trả lời sao thì chuông báo hết giờ chơi, lại chân chạy về lớp học, còn tay chùi miệng dính chút sữa đường.

Ăn thì chúng tôi đã đành chẳng chịu kém ai rồi, còn học thì lại ăn đứt thiên hạ. Nhà trường đã lo xa, mỗi tối cho thêm chúng tôi đến 60 phút, thế mà chẳng đủ vào đâu.

Nên chi, chiều, từ 5 giờ đến 6 giờ (sau buổi học ở lớp và trước bữa cơm tối), trong khi các bạn ở những năm khác hoặc chạy, nhảy, tập, chơi ở sân thể thao, hoặc tốp năm tốp bảy lên xuống trong hành lang to tiếng cãi nhau về chuyện học, hoặc lững thững đi theo con đường tròn viền hoa quanh máy nước, chúng tôi họp thành những nhóm ở dưới gốc gòn trước phòng học hay trên bãi cỏ xanh sau phòng ; đây, một anh đọc chánh tả cho mấy anh khác viết ; đó, mười bạn trầm ngâm sau khi đọc đầu đề một bài toán khó ; đằng kia, nhiều bạn cãi nhau kịch liệt về ngày chết của một ông vua tận Bắc châu

Ấu về thể kỷ mười ba hay về dân số một cù lao thuộc địa Pháp nằm gần Trung-Mỹ. Mấy bạn năm thứ ba thấy chúng tôi học thối, lo lắng ra mặt ; mấy bạn năm thứ nhất thứ nhì thì thăm phục ; còn mấy anh ở ban tú tài, cũng sắp thi, nhưng trầm tĩnh hơn chúng tôi nhiều, thấy chúng tôi lo lắng xằng quá chẳng khỏi tội nghiệp giùm.

Chỉ có lúc ấy, chúng tôi mới thấy cái hình ảnh « học chấy sách » nó xác đáng và kêu gọi làm sao ! Sách nhà trường phát, bài các ông giáo cho, chưa đủ ! Những tờ báo giáo khoa bìa trắng, bìa xanh, xuất bản bên Tây, xuất bản bên nay, được chúng tôi nâng lên hàng kinh nhật tụng. Học là học. Ngồi, chúng tôi học ; đứng, chúng tôi học ; đi, chúng tôi cũng học, và học luôn cho đến lúc nằm. Đèn xanh lơ mờ và mơ mộng của phòng ngủ mới thể đèn trắng sáng trưng được chừng năm, ba phút thì một đám đèn bấm nhỏ đã mọc lơ lơ trên những chiếc giường im ỉm lẫn mau như chớp khi anh bạn năm gần cửa báo hiệu « anh Bảy canh đêm » sắp đem cây gậy kẻch sù của anh ta xâm phạm cái thể giới hiền lành và yên ổn này ; sáng lại, gà chưa gáy tiếng đầu mà chúng tôi đã xúm xít châu đầu nhau xung quanh một ngọn đèn cây to tướng ở phòng rửa mặt hay đứng hứng ánh sáng xanh lạt của ngọn đèn khí cầu tiêu.

Học đêm học ngày thế, ai nấy cũng « dư » ra mặt. Học vậy cho nên trong học đề sách vở, ngôn ngữ nào tách, nào

muỗng ; và trong góc, nằm hiền từ một chai « Quinaforce, Tonikola, Fortonic », hay một chai « bồ thận », một hộp thuốc tề ngũ khỏe ăn ngon.

Ăn, học, uống thuốc, đó là chương trình mà chúng tôi theo sát sau lễ Phục-sinh cho đến ngày thi. Bao tư tưởng, bao nghĩ lo đều tập trung vào đó cả. Ngày thi ám ảnh chúng tôi, không rời một bước. Song có khi ngừng đầu lên, ngó thẳng, chợt thấy đám điệp ở bên trại Ô-ma rực rỡ bông, không rõ những gì đột nhiên thắm vào lòng, khiến mắt mơ màng và cuốn sách nặng trên tay tuột xuống cổ hời nào chẳng biết ; có khi sau bữa cơm tối, đang dạo ở hành lang với cái đầu đề luận Pháp-văn trong trí, bỗng đụng phải một tiếng đàn vọt ra từ một phòng học nào, làm đầu đề bài luận thụt đi đâu, bước chân chậm, nhẹ lẩn và tai theo dõi một dư âm ; có khi đang học tối, trời bỗng mưa to, vội đóng cửa sò, nhưng lúc hai cánh gần khít nhau, lại dừng tay trong giây lát để nhìn qua màn mưa phòng học I (phòng học các em năm thứ nhất) với thầy gác cũ, với các mái đầu thơ, hình ảnh của mình bốn năm về trước, và khi vặn hột xoài cửa sò, mặc dầu quý thì giờ, tay cũng chậm chậm vặn cho chẳng một tiếng kêu ; còn nói gì những đêm học mệt, nằm trần trọc dưới ánh đèn xanh dịu mà bên ngoài cơn mưa đều đều vẫn rót...

Ngày thi thông thả đến.

YÃ-HẠC và TRINH-NGUIÊN
(Những chuyện của ngày xưa)

★ Thái độ của ta nói nhiều hơn lời nói của ta.

EMERSON



Phượng Nở

Lại mùa phượng đỏ đầy cành !
Cỏ vàng cháy nắng trời xanh thăm màu ;
Mây trôi lơ lửng chờ nhau,
Tiễn đưa có tiếng ve sầu bàng khuâng.
Hàng cây đón gió làng làng ;
Nhẹ nhàng con nhện phăng lần mỗi tơ,
Nhìn hoa phượng nở ngàn ngơ...
Hè xưa : cả một bài thơ học đường !
Giã thầy, giã bạn hồi hương,
Nghỉ ngơi sau mấy tháng trường bút nghiên.
Vui xem nắng đã ngoài hiên,
Lạc quan trông tuổi thiếu niên rạt rào.
Hè trở lại, dạ nao nao,
Hồn vương vẫn nhớ ngày nào đã qua.
Nhớ mùa muốn phượng nở hoa,
Còn vui đèn sách chưa xa mái trường.
Chiều nay phượng đỏ khắp đường,
Cô đơn, đau khổ... thê lương ngập trời.
Nhìn bao cánh phượng tả tơi,
Trưởng bao giọt lệ máu rơi xuống đường !

Đầu hè 1958
TRIỆU-ĐƯỜNG
và
TRÚC-MAI



NGƯỜI LÁI PHỤ

VŨ-QUỲNH-BANG

KHẮP vùng biển này, người ta quen gọi lão là ông Phụ. Những người trẻ tuổi hoặc lớn hơn lão có khi còn gọi lão là lão Phụ một cách thân mật. Thực ra, thì Phụ không phải là tên móc nối của lão, mà cũng không phải là tên trong giấy căn cước hay thẻ tùy thân của lão, vì từ ngày có lão ở đời, lão chưa hề có những giấy tờ đó. Nhưng sở dĩ người ta quen gọi lão bằng cái tên ấy, là vì lão chuyên làm phụ lái trong những chiếc ghe bầu thường ra vào buôn bán trên mặt biển. Nhưng đối với lão, không hề gì điều đó: gọi là gì cũng được, miễn là khi có người gọi đến lão thì lão biết đề mà thưa, khỏi mất lòng bà con là đủ.

Hồi ấy, lão đang làm phụ lái trong một chiếc ghe bầu Quảng chở trên mười tấn gạo từ Nam ra. Hôm đó, vào lúc ghe lão vừa đến Tuy-Hòa, trước cửa sông Dinh, từ biển Thái-bình-Dương bỗng nhiên lộng gió.

Gió thổi rất mạnh. Những đợt sóng, rồi những đợt sóng không lồ, như có mối thù tiền kiếp nào với lão, cứ tranh nhau ủa đến xán vào be thuyền, làm cho ghe của lão mấy lần nghiêng ngửa. Mấy người bạn trong ghe bắt đầu e ngại, đưa mắt nhìn lão như thăm hỏi ý kiến, và chờ đợi một mệnh lệnh lão sắp đưa ra.

Nhưng lão, lão vẫn bình tĩnh. Đó là đặc tính trời phú cho lão từ hồi mô

đến chừ. Lão ngồi chằng hăng phía sau ghe, một chân bắt treo qua tay bánh, lưng ngả về phía sau, mắt nhìn trời, miệng hê hồng hát :

*Nước nào ngon cho bằng nước sông Dinh,
Chè Ó-long đủ vị, sức bình còn thơm.*

Cái gì, chứ sóng với gió thì lão đã quen lắm rồi. Từ ngày dẫn thân vào cái đời lênh đênh trên mặt biển, lão đã trải qua bao nhiêu lần sóng gió. Lão không biết lão đã làm cái nghề vừa cực khổ lại vừa nguy hiểm này từ bao giờ, nhưng lão nhớ mang máng là đã lâu, lâu lắm, vì gió biển đã thổi vàng hoe tóc lão, sóng và nước biển đã nhuộm đen làn da của lão. Anh em bảo da lão đen như lọ nôi. Điều đó lão nhận là đúng, vì đã nhiều lần, giữa cái mênh mông của biển cả, lão buồn vùn vùn buồn vơ, rồi thần thờ nhờ mấy sợi lông trên cặp đùi rám nắng. Chứ còn tóc của lão, nhiều người bảo nó giống hệt như tóc Tây, đã quăn quăn, lại vàng vàng như râu bắp. Nhưng có bao giờ lão được soi gương đâu mà biết. Thịnh thoảng, cũng có khi gió thổi lùa xóa tóc lão xuống hai bên thái dương và trước mặt, nhưng lão có bắt chợt được cái màu vàng của tóc lão, thì lòng lão đã phải bận lo đến những chuyện khác rồi. Những lúc mà trời nổi gió, lật ngược tóc lão từ sau ra trước, là y như trời muốn giật mất bát cơm hằng ngày của lão. Với lại, có cái gì ở đời này mà có thể ở lâu trong đầu lão. Một ý nghĩ, một cảm giác thoáng qua, lại biến mất như những chiếc ghe mảnh trên biển, thoáng ần, thoáng hiện, để rồi mất hút trong cái nhấp nhô của những làn sóng.

Nhưng gió Nam-ngang vẫn từ bên kia dãy Tràng-sơn thổi tới, mỗi lúc càng thêm mạnh. Hai cánh buồm bị gió thỉnh thoảng lại quay quắt một hồi như lụa phất. Bỗng gió xốc mạnh vào cánh buồm lòng. Một cơn sóng lớn từ xa ủa đến nhảy chồm lên, như muốn chụp ngay ghe của lão mà nhận chìm xuống đáy biển. Cây đòn gánh bị chúc xuống một đầu, bốc lên từng loạt nước tung tóe, bắn vào hai khoang gạo đầy lá gồi kín mít nghe rào rào như mưa. Nước theo ngấn lá, rủ nhau ủa vào khoang như thác chảy.

Bây giờ thì lão hơi lo. Lão ngồi chồm hồm lên, tay giữ chặt tay lái, hai gót chân chum vào nhau hình chữ bát. Mái tóc lão bờm xờm, đổ cả về một bên như một ụ rơm. Lão mở to mắt, nhìn từ đây Tràng - sơn ra tận ngoài khơi xa tít. Tất cả như sắp lịm dần vào bóng hoàng hôn thẫm đậm. Mặt biển hỗn độn một cách dễ sợ. Đôi lông mày của lão nhíu lại, làm sâu thêm những đường gân trên trán, và làm cho mặt lão thêm vẻ dữ tợn như mặt một viên tướng sắp lâm trận. Lão nắm chặt tay lái. Bao nhiêu đường gân đều nổi lên, bò ngoằn ngoèo trên bắp thịt tay lão to như những bắp chuối.

Bỗng mắt lão sáng bật lên. Một cơn sóng khổng lồ, nhảy chồm lên như một con mãnh thú muốn nuốt chửng ghe của lão. Lão nói, giọng mạnh như truyền lệnh :

— Hạ buồm.

Tức thì, sáu bảy người bạn đang ngồi chờ đợi trong ghe, vùng đứng dậy mộ

loạt như bị điện giật: Họ rút giây, quần buồm. Dưới ánh trăng lơ mờ, họ cử động, chạy nhảy như những cái bóng đen đang thao diễn thuật phi hành trong truyện kiếm hiệp. Phút chốc, hai cánh buồm hạ xuống, năm sóng sượt, gọn gàng theo chiều dài của ghe.

Nhưng gió vẫn thổi mạnh. Nhìn ra khơi, lão cố định thần, nhưng không thấy một cánh buồm nào thấp thoáng. Nhìn vào bờ, hòn Chay nằm lù lù trước cửa sông Dinh, lão cũng chẳng thấy một ngọn đèn câu nào leo lét cả. Cái quang cảnh hải hùng của biển cả, một buổi chiều hôm, sóng to và gió lớn như thế này, đối với lão vẫn là chuyện rất thường. Nhưng hôm nay sao lão nghe trong lòng rờn rợn.

Lão đã định quăng neo. Nhưng lão tính lại, chỗ này nước sâu, mà neo thì chỉ non trăm sải là cùng. Thôi đã vậy thì cho vậy. Bất đắc dĩ lão phải cho ghe « chạy chuỗi », mặc cho sóng gió muốn đưa lão đến đâu thì đến.

Lão giữ chặt tay lái, lặng lẽ ngồi xuống một cách mệt mỏi. Trước mặt lão, mấy

người bạn ghe, kẻ dựa vào mạn thuyền, người bó gối bên cạnh đồng giây neo mà ngủ gà, ngủ gật. Lão nhìn họ mà thấy thương thương. Ngày thường, những lúc rượu ngà ngà say, sao mà họ dữ tợn, ngang ngược là thế, mà bây giờ trông họ hiền lành là thế. Bọn họ cũng như lão,

không có người nào bận áo quần. Tất cả đều phục sức bằng một chiếc chiếu gấp đôi lại, một sợi dây dứa may vào giữa, làm dây lưng thắt chặt giữa bụng. Có điều họ khác lão là họ có vợ, có con, bây giờ có lẽ đang sống trong một túp lều ở một ven bờ nào, đang chờ đợi họ mang tiền về sau một chuyến đi năm bảy bữa. Còn cuộc sống thì họ cũng như lão, bán máu nuôi miệng suốt một đời. Lão thở dài, với tay kéo



chiếc gáo cán dài, rồi dùng bàn chân đuổi thẳng, dờ cái nắp bằng ván cắt hình tròn đặt trên một chiếc nồi bầu để trong khoang, trước mặt, múc một gáo đầy rượu nếp mua ở bến Hội-bài tận trong Bà-rija, rồi tu một hơi thật dài.

Sau khi đánh khà một tiếng, lão mở mắt nhìn lơ dờ vào bóng đêm dày dặt và mệnh mông đang trùm lên mặt biển.

Trong cái đời làm phụ lái, lão đã gặp bao nhiêu lần nguy hiểm. Những lúc ấy lão thường tự nhủ thà bỏ quách cái nghề này, vì nghĩ lại, lão cảm thương cho thân lão, làm ăn bầm dập, từ hồi mô đến giờ, mà đến nay gần già yếu, vẫn chưa được lấy một chút thành thời.

Đã có một dạo lão từ già biển, quay sang nghề gánh cá thuê ở Phan-rí. Mỗi buổi chiều lão theo bọn buôn ra bãi bễ, đợi mua cá ở những chiếc ghe mảnh từ ngoài khơi chèo về chúi mũi vào bãi cát. Nhưng qua mùa mưa, những chiếc ghe mảnh ấy vắng dần, và bọn người buôn cá cũng đã xoay nghề khác kiếm ăn. Lão lại buồn vợ vắn, chiều chiều lang thang trên bãi, thần thờ, phờ phạc như một kẻ thất tình.

Qua mùa đông, lão trở về với biển. Tình của lão với biển tuy thêm đậm đà tha thiết, nhưng càng làm cho lòng lão thêm bứt rứt, tủi nhục. Lão không hiểu vì sao nên chỉ biết hát cho đỡ buồn :

*Thuốc ngon Bình-định,
Giấy quế Sa-huỳnh,
Ai xa mặc họ, chứ đôi lứa mình đừng
xa...*

Bất giác lão nghĩ đến những người vợ của lão, những người vợ mà lão đã « chinh phục » được trong những đêm hát hò, mỗi khi nghe lão vừa ghé bến. Hồi đó, lão còn trẻ và hát hay nổi tiếng ở vùng bễ này. Những người đàn bà này gặp lão một đêm nào trăng sáng, mê lão vì giọng hát câu hò, rồi kết nghĩa vợ chồng với lão. Lão tính đâu đến năm bảy bà gì đó, nhưng bây giờ họ ở mãi tận đâu đâu : kẻ bán mắm ở Mũi-Né, người bán cá ở Cù-Mi, người gánh muối thuê ở Sa-huỳnh.

Họ kết duyên với lão cũng chỉ được một thời gian, rồi tình yêu dần có đậm đà hay thắm thiết, cũng phải đến phai dần vì cuộc sống nhọc nhằn, cơ cực, mà nhất là vì cái tình quá mặn nồng của lão đối với biển. Rồi hết bà này đến bà nọ, họ đành phải dứt tình để trả lão về với cuộc sống nay đây, mai đó trên mặt nước. Bây giờ đã lâu quá, lão quên lú gần hết. Họ chẳng lão có còn nhớ lại tình xưa nghĩa cũ, thì cũng phải đợi đến một ngày nào không hẹn, ghe của lão bị sóng đưa gió đẩy trở về bến cũ mà thôi.

Mờ mờ sáng hôm sau thì ghe lão đến Xuân-dài. Lão nhìn Xuân-dài như nhìn một người bạn cũ lâu ngày gặp lại.

Sau một đêm sóng to và gió lớn, sáng nay mặt biển đã trở lại bình yên. Nước biển sâu nhưng trong suốt, một màu xanh đậm như một khối thanh phàn dợn sóng. Lão đưa tay vuốt ngược mái tóc ra đằng sau, mà lòng nghe vui lâng lâng khó hiểu. Lão lại hát :

*Xuân-dài có gái Bảo-an,
Có nàng Tô-thị băng khuâng nhớ
chồng,
Nhớ chồng ngồi dựa đỉnh non,
Ba thu vàng vạc dạ còn như in...*

Giọng hát của lão triển miên trên sóng, lan dài trên mặt nước. Lão cố rón gân cổ cho giọng hát lên cao và vang xa trong gió sớm :

*Trong vũng La, ngoài ra vũng Lắm,
Lạch Xuân-dài thăm thăm đi vô,
Lênh lang lai láng biển hồ,
Non cao chót vót là chùa Mã-liên,
Quan Mã-liên đến liền Ma-láp,
Mã Cao-Biên cò tháp còn ghi,*



Mênh mang mặt nước như tờ,
 Anh em chèo quế thuyền chờ thành thời,
 Trà-nung nay đã đến nơi,
 Bãi xa thăm thẳm là vời bãi Môn,
 Nào ai chuyên việc bán buôn,
 Cánh buồm ngư thủy nước non dần dà,
 Vũng Ô-rô bốn mùa cũng khuấy,
 Dựa mặt nồm mặt bắc cũng hay,
 Sơn xuyên phong cảnh là đây,
 Non cao bia tạc, đá xây trập trùng,
 Đá trập trùng non Bồng nước Nhược,
 Tạc bia truyền thuở trước Hùng-Vương,
 Qua hai độ ải dặm trường...

Người lái nằm ngủ ở trong khoang, chợt
 tỉnh giấc, nghe giọng hát quá thái bình của
 lão, chồm dậy hỏi :

— Đã đến đâu rồi, bác Phụ ?
 — Xuân-dài.

Ông ta vùng dậy bước lên mũi, uốn
 mình đánh rắc mấy cái, rồi nhìn ghe,
 nhìn trời. Những đám mây to, qua một
 đêm gió lớn, đã đùn lại thành từng v,

lung linh như tuyết bạc sau những dãy
 núi xa, màu xanh bầm và đặc.

Sau một cái ngáp dài thành tiếng,
 ông gọi mấy người bạn ghe dậy, sửa
 soạn buồm lạt đề kịp cho ghe vào
 Xuân-dài bán gạo, vì đêm qua nước vào
 nhiều, sợ đề lâu gạo hỏng. Với lại
 theo ông, nếu tiện thì sẽ kéo ghe « làm
 nước » luôn, rồi còn đi « thứ » khác.

Họ mừng rỡ, vì sắp được lên bờ,
 đề mà nhậu nhẹt no say, rồi diện quần
 diện áo, quần khăn lông vào cõ đi
 dạo phố. Đối với họ, đó là một cái
 thú. Nhưng riêng lão, lão không thích,
 không thích từ cái sống bình thản, đến
 những thú vui tầm thường, nhạt nhẽo ở thị
 thành mà lão đã có dịp được sống những
 ngày dài dằng dặc như một người xa lạ.

Lão ngồi yên lặng, ngó ra khơi, vẽ
 mặt buồn dười dười như sắp phải xa
 một người bạn thân nhất trong đời.

Thì ra lão đã quá nặng tình với biển.

VŨ-QUỲNH-BANG
 (Sa-kỳ, đông 1957)



CHUYỆN BUỒN

Rồi những chuyện thần tiên bên xó bếp
Chẳng làm mê lứa tuổi đã ba mươi.
Thăm ước ao thay đổi một chân trời,
Không thấp nển, đề tưởng rằng ánh sáng.
Quí mỗi gói nguyện cầu về dĩ vãng
Thuở xa nào em gái nụ mười lăm
Giấc tiền thân sánh phượng một đêm rằm
Xếp tình sử, gấp tay ngà làm gói
Tuy thân thiết mà không hề tội lỗi,
Yêu say mê chẳng tính chuyện vương tròn
Chỉ vì yêu là trốn bớt cô đơn

Mà trời buộc làm phiền nhau biết mấy.
Chàng trai trẻ mơ phượng hoàng sẽ gáy,
Thời hoàng kim cửa mở suốt năm canh.
Có vì vua từ trong đám dân lành,
Không trốn được đành lên ngôi Cửu-Ngũ ;
Luật pháp bỏ, dẹp luôn oai cường vũ,
Giếng đào đi, ruộng cày lấy mà ăn...
Nhưng buồn thay là những việc trên trần.
Thế Chiến-quốc sao bày ra lắm thế ?
Có kẻ yêu nhau vội vàng quá lễ,
Trao tờ thư, đề ngỏ cửa khuê phòng,
Mà ái tình bốn vó ngựa truy phong !
Đã trôi năm mươi, cuộc đời lộn độn,
Một bước chân đi, một lòng uất hận,
Giòng Mịch-la nước cuốn mảnh cô trung
Ôi phương Nam biết bao bậc anh hùng !
Lứa tuổi ba mươi, đời chưa vui mấy,
Buồn thương dạt dào, cười mà lệ chảy :
Chuyện thần tiên người lớn chẳng thèm nghe,
Chuyện tài hoa con trẻ chẳng say mê !

Tháng 4-1958.

TẠ-KÝ

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913



TIẾNG CUỐC ĐÒ NGANG

Tùy bút của PHẠM-THÉNG

SỚM mai hôm ấy, khi tôi và Thanh-Mai ra tới « bắc », trời còn mờ mờ. Chiếc « xi-cút-tơ » chở chúng tôi như một con ngựa bất kham vừa xồng khởi chuồng, rần rần đập cây cầu sắt, thẳng trớn băng qua bệ đúc, chồm xuống đò. Thiếu chút nữa, xe xô phải chiếc xích chằng ngang đầu phà, làm cho Thanh-Mai ngồi sau trượt vội xuống, hết hồn. May chưa việc gì. Tôi đã thắng kịp. Dừng xe rồi, tôi kéo Thanh-Mai ra đứng vịn lan can.

Đêm đã tàn. Mười vì sao thấp thoáng trên đỉnh trời xám. Phương đông rạng sáng. Mặt sông phẳng lặng, bát ngát, xa xa mịt mù sương sớm. Hai ba cái

tam bản lồm bồm khuấy nước dưới chân cầu. Bỗng một tiếng vạc lạnh lạnh xé không khí sa xuống sát đầu chúng tôi. Liền lúc từ một lùm cây trên bờ, những âm thanh chậm rãi, trầm trầm, khắc khoải vang lên, làm cho tôi giật mình ngơ ngác.

Đò còn vắng vẻ. Mấy chiếc xe đạp vút lỏm chông. Một chị bán bưng ngồi giỏ thúng đếm trái. Bên cạnh chúng tôi, kẻ buồng máy, mấy nông dân, ba người đàn ông và một người đàn bà, đứng sát nhau, xem ra cũng đều hướng về phía lùm cây, đầy im lặng và suy nghĩ. Tôi bỗng để ý đến vẻ mặt của họ. Không hiểu sao, tôi nhận ra ngay

mấy người đường ngoài di cư. Chẳng còn màu nâu của xứ sở, váy yếm khăn áo ngày xuống tàu Mỹ, đã dẹp đầu cả đè phủ lên người toàn sắc thái địa phương. Nhưng trên nét mặt của họ, khó có thể lẫn lộn người nông dân đồng bằng sông Nhị. Từ cái nhìn trầm ngâm và ấn nhần trên khuôn mặt xương xương của người đàn ông tới đôi mắt tinh ranh, bờ bãi của người đàn bà. Cả bọn đều mặc đồ đen ngần, đi chân đất, đeo những khăn gói lớn. Có lẽ họ đã đi bộ từ lúc còn đêm để kịp sang sông, và xuống đò chờ đợi trước chúng tôi từ lâu. Bỗng người đàn bà quay ra phía sông, nói bằng giọng quê :

— Sáng rồi mà còn kêu mãi !

Thật vậy, từ lùm cây trên bờ sông tiếng cuốc vẫn đưa ra đều đều. Những âm thanh khắc khoải trong sương sớm làm tôi đứng ngây, bàng hoàng. Tiếng cuốc khi tròn trặn mau mau, đều như một nhịp mõ tụng kinh, khi rời rạc thoi thóp, kéo dài không tắt nghe như tiếng ú ớ trong mê. Điệp khúc ấy lấy đi lấy lại, khua động trong tôi từng luồng cảm xúc tiềm ẩn. Kỷ niệm thơ ấu hay dư hưởng văn chương ? Đường như có ít nhiều tê tái từ đầu trời dậy, xông lên thành sầu hận mang mang. Những âm thanh nặng nề từ từ rớt lên tâm tư tôi, như những viên chì, chìm, chìm sâu rồi khuấy lên tâm tích của bao tiếng cuốc lắng đọng những thuở nào xưa.

Trời đã sáng rồi. Nhưng bên kia, đêm dày hơn bao giờ cả. Mây chẳng kín giải Hoàn-sơn. Những tối trắng lu đầu núi, những chiều gió lộng trên đèo, những sớm sương lộ lả chã trên vệ cỏ hai bên đường mòn. (Ai đi qua đó bây giờ, hồn ai hiện

về đó bây giờ, có còn nghe tiếng cuốc kêu ?)



Máy xình xích đưa đò ra khỏi bến đã một hồi xa. Trời đông ửng hồng soi rạng một giải nước mênh mông. Gió lồng lộng thổi. Thanh-Mai mở sách lấy ra một chiếc khăn mỏng có bông lớn sắc sỡ, nâng chít lên mái tóc lòa xòa. Trong khi tôi vẫn đứng im, sờ sờ. Tiếng cuốc cứ vắng vắng ngân dài trong tâm tư, gọi theo cuốn phim Gió bụi của một thời qua, trải ra trong hình ảnh chập chờn, cảm nghĩ đứt quãng.

Năm ấy !

Thế kỷ lên hai. Màn mây u ám xé đôi, để lối cho vừng đông lộ rạng. Ánh sáng reo vui chan hòa thiên hạ tưởng như tiếng reo vui của bách tính chào đón hội thanh bình. Lạy trời cho cả gió nồm ! Ròng vàng Đồng-nai bay ra đến Phú-lương. Chiều xuống mười mấy tỉnh đàng ngoài tứ dân từ nay yên ở và triều đình cầu hiền như khát. Ôi cái đất ngàn năm văn vật, đời đời văn vũ y quan. Sân khấu Thăng-long từ hai thế kỷ nay đã rối hơn trò rối. Lương tâm sĩ phu thì nát như tương. Nhưng mà nước có tuần, dân có vận, mấy đời gặp được thánh quân. Cho nên thôi cũng dẹp sầu làm vui, sắp túi kinh luân, lên xe Châu tìm vô xứ Huế, túi túi mừng mừng.

Nhưng mà sao này ? Mây đen đã lảng vảng chân trời. Gió nồm thổi ra se căng. Tất cả chỉ tồn tại trong thời gian của một bình minh. Thôi bây

giờ là thôi ! Người ta chỉ còn lo xây thành cho vững, đắp bờ cho cao để lừa cho dòng nước từ ngàn xưa lại âm thầm xuôi chảy một chiều.

Thì ra vẫn là quyền sử ngàn xưa. Thì ra vẫn là cái trò được làm vua thua làm giặc. Thua làm giặc cho nên mà Nguyễn-Huệ quật lên ở Phụng-hoàng Được làm vua cho nên đèn đài nổi lên ở Thuận-hóa. Được làm vua cho nên mặc ý đèn công trả nghĩa, cộng hưởng phân phong. Tớ thấy Gia-định phải luận công đầu. Nào Tiền quân đầu ? Nào Tả quân đầu ? Lê-Văn - Duyệt nghênh ngang mũ áo, Nguyễn-Văn-Thành ngất ngưỡng công hầu. Thành làm tổng trấn Gia-định, Thành làm tổng trấn Bắc thành. Cái gì cũng Thành ! Thành làm luật để chém đầu bọn phản động đương thời. Thành làm tông tài sử quán để bưng tai bịt mắt thức giả hậu thế.

Nhưng mà Duyệt « bắt học vô thuật », Thành thì « tiểu khí dị doanh » Giảo thổ chưa hết, cầu tàu đã bị phanh. Nói chi chân tay, quyền sử mới dở được ba tờ mà máu ruột thịt đã hơn một lần chảy ở thâm cung.

Cho nên bốn phương trời, khói Cam tuyền bốc lên ngày thêm mờ mịt. Ngựa cáo cấp chạy bay cả lông gà. Nay binh đi Bắc tiểu, mai thuyền trảy Nam chinh. Sĩ tốt nhọc nhằn, canh cửi gác bỏ. Nào những ai binh giáp kinh luân ? Nào những ai trí quân trạch dân ? Đề chi cho xă tắc treo sợi chỉ mảnh, sơn hà chờ cơn ngói lở.

Thừa rằng họ như con dao để lâu đã rỉ, dùng đến lại không ưa bén. Ôi !

Có ngọc đây. Bán hay sao ? Bán hay sao ? Bán cũng phải chờ giá chứ ! Huống chi ai có thềm mua ? Thôi thôi, ngồi lẳng miếu giả ngây giả điên hoặc lánh giang hồ cho khỏe cho yên. Tâm sự này ai hiểu được cho ?

Hiều được họ, họa chẳng có chim đỗ vũ từ đời nào ra rả kêu ở nẻo Đèo Ngang. Đường đi hẹp và giốc. Núi sừng sững mở ra một lối lên hu hút như cái cò bình. Mây chẳng ngàn ngạt lấp đỉnh đèo. Gió lan man bò trên cỏ gianh rậm rạp. Cuộc kêu ra rả. Ai đi về qua đó hỏi ai ?

Phải chăng Ông Tham-tri Nguyễn-Du đi Trung-quốc về ? Túi thơ kè kè tập sách Phong-tình Cồ lục. Con ngựa dóm vó cong lưng nhọc nhằn leo dốc. Thân quan Chánh-sứ nhẹ như bắc, nhưng lòng quan Chánh-sứ nặng như chì. Cuộc kêu ra rả như khắp, như tố, kể lể nỗi niềm tủi hận triền miên.

Phải chăng Bà huyện Lưu-Nghị rời kinh về xứ, dừng vóng lại dưới chân đèo. Tiếng cuộc khắc khoải gọi cảnh phòng khuê lửa lạnh, nhà trống người xa. Bóng xế tà. Nắng quái chiều hôm rực lên màu sắc huy hoàng của nơi cổ đô yêu dấu trong một thời thơ ấu xa xưa.

Phải chăng Ông Thừa thiên phủ đoán Nguyễn-công-Trứ cáo lão về hưu. Nào túi thơ, nào bầu rượu, nào bàn cờ, nào địch, nào đàn. Ngựa chưa ráo mồ hôi, mao còn long giải buộc. Cuộc kêu ngùi ngùi như than như thở cho cái chí trượng phu kèn.

Phải chăng Ông á-nguyên Phú-thị ra nhậm chức giáo thụ Quốc oai. Ôi ! Năm

xe sử sách, một bụng kinh luân, há để cho lũ bọ đàn ong miệt thị ? Tiếng cuốc oản lên như oản như nộ, vắng vắng tiếng sắt tiếng đồng chen nhau, trong khi núi Tây mặt trời trăm trăm đỏ lừ như một đĩa máu.

Than ôi ! Sự trị loạn xưa này là bởi mệnh trời, nhưng cái đạo tới lui thì vẫn ở lòng người. Phải con tạo đổ kị như vậy, làm chi con ngựa khỏe chạy đường trường cho mệt sức, hỡi Uy-Viển tướng công ? Tính truyện quấy nước chọc trời mà sao không tự lường sức, để đến nỗi la họa thảm thương, hỡi Ông quân sư họ Cao ? Nên, nghĩ cho cùng thì trong cái đạo xuất xử của họ, bà Thanh-Quan là phận khăn yếm chẳng hề làm gì, nhưng Ông Trứ, Ông Quát đều có chỗ không phải.

Duy có Tố-Như tiên sinh, thế mà trác lạc trí giả ? Không từ chẳng đã nói : « Đời vô đạo vốn dĩ không nên làm quan, nhưng nếu cùng vì miếng cơm thì chỉ nhận một chức nhỏ ». Nhận một chức nhỏ rồi ngồi đó, ấm ớ cho qua tháng ngày. Cho nên Nguyễn-Du đâu có đáng trách ở chỗ ra làm quan với Nguyễn ? « Hà sự phi quân ? Hà sự phi dân ? » Há chẳng thông cái đạo « thánh chi hòa » của tiên triết hay sao ?

Nguyễn-Du có đáng trách, chính là ở chỗ đã viết ra truyện Kiều. Ôi ! Những nỗi bất đắc chí ở cái cõi đời này ! Gối kín chôn sâu rồi đem lên chỗ cao sơn minh nguyệt thả cho bay về với cái hạo hạo của trời đất. Có chi « mang tài hoa mà ai oán với trần ai » ? Có chi vầy nước mắt viết ra mười chương hình tích nào nuốt làm

ngần ngơ cả phường tục tử mà eo xèo bấy nay miệng lưỡi thị phi ?



Máy xinh xịch đưa đò ra đã quá nửa sông. Bàn tay Thanh-Mai đặt lên vai tôi vụt kéo tôi ra khỏi cơn triền miên, đề kịp ngấm bức tranh bình minh. Mặt trời đã lên khỏi chân trời, nhưng không gay gắt chói lòa, mà đỏ tươi, rõ vành và xinh đẹp như một đĩa son. Trời nước rạng rỡ một màu ánh sáng hiền hòa tươi mát. Sông Cửu-long đến đây mở ra thênh thang như một cửa biển, với xa xa mươi cánh buồm in những vết di động dịu dàng. Hai bên bờ, xóm làng nhấp nhô xanh um, mặt nước êm đềm ôm sát đồng lúa.

Tôi bỗng đề ý đến mặt sông Cửu-long. Mặt sông lấp lánh nắng mai và lặn tăn gọn sóng. Trông gần nước trong và xanh như nước hồ. Không có những bè lục bình trôi, người ta tưởng tàu chạy trên mặt hồ. Mặt sông lững lờ, êm ả đến làm sốt ruột những người quen xem dòng nước cuộn cuộn và đổ ngầu của con sông Hồng. Mấy bè lục bình lượn sát hông tàu, mấy ùng ục cuộn xuống đáy rồi lại ào ào nhả ra, lặng lẽ nguyên vẹn trôi đi. Tôi nghĩ đến những thế lực bất khả thanh toán qua cơn « xui xẻo » rồi lại thanh thản lên đường, khoe mình dưới ánh triều dương.

Có gì lạ dưới mặt trời. Nước xuôi ra biển và mây lại bay về ngàn. Vậy mà chúng ta vẫn thích những sự đổi thay, vẫn ưa xem gió đổi hướng, xem mây đổi hình. Kiếp sống của chúng ta sẽ hết thú vị nếu không có chuyển dịch, dù chỉ là chuyển dịch giữa những ảo ảnh.

Mười sợi tóc của Thanh-Mai, gió thổi lơ phơ, cù trên má tôi. Tôi quay sang nàng. Thanh-Mai xây lưng lại tôi, hình như đang chăm chú theo dõi trên bờ sông mỗi lúc thêm lại gần. Chiếc khăn có những bông lớn sắc sỡ chít lên một mái tóc đen nháy, sức nức dầu thơm, chuốt và nhỏ như tơ, rủ dài trên vai thành những mối lòa xòa. Tôi ngắm bộ tóc khả ái ấy và tự hỏi Thanh-Mai đã dừng lại ở kiểu này chưa.

Thanh-Mai có đặc tài thay đổi bộ tóc. Nhớ khi chúng tôi mới gặp nhau, nàng mang tóc cũng bình thường thôi, nghĩa là ngắn. Những vòng uốn nhỏ dồn lên đỉnh đầu, và xếp ra sau với hai ba nét lẩn, trông như cái bẹ cau đen huyền nở trên một cái cò kiêu kiêu và trắng muốt. Ít lâu sau khi chúng tôi từ già bờ biển về về đô thành thì tóc Thanh-Mai đổi kiểu. Nàng nhuộm hung, chải xuôi và cắt ngay ngang gáy, cụt lùn, trông đằng sau tưởng như con trai. Hình như hồi đó Thanh-Mai muốn hết sức Tây, muốn nổi bật, muốn lập dị giữa chúng bạn, khi trở về với ý khoe khoang một chuyến đi may đem lại một mối tình đẹp. Chúng tôi yêu nhau và thường là cả những đêm khuya khoắt tại các quán rượu hoặc vũ sảnh. Nhiều khi dưới ánh đèn thủy ngân, nhìn Thanh-Mai ấp đôi môi lợt lạt vào ly nước xủi bột, ngắm bộ tóc cũn cỡn bờ xờ ấy trên một vầng trán thông minh, tôi tưởng như ngồi trước một nhân vật phóng dăng của Colette hay Sagan. Đời tôi cứ chuyền dịch và tóc Thanh-Mai lại một lần đổi kiểu. Lần này nàng để

dài, rất dài và nhuộm đen như cũ. Những vòng uốn lớn tỏa ra hai thái dương, phủ lên che lấp gáy, lấp cò và rủ dài xuống vai, tất cả là một mớ rậm rạp lồng bông. Trông nàng như một cô gái Ha-vai hay một nữ tài tử Phi. Thanh-Mai mỉm cười biểu đề vạ cho tôi có hứng mà làm thơ. Quả thiệt nhiều khi Thanh-Mai từ bờ cửa sổ hóng gió mớ tóc phất phơ làm cho tôi nghĩ đến một đám mây lạc mộng và những khi trăng khuya soi trên gối nàng trải ra như một tấm lưới mê hồn.

Tôi nhớ có nói với Thanh-Mai những lời văn hoa ấy. Nhưng tôi cũng đã bảo nàng xê dịch luôn như chúng mình bây giờ, đề vạ chỉ tỏ chứa bụi đường. Không, tôi hiểu. Thanh Mai có một lý do thâm kín hơn đề theo và giữ kiểu này. Thanh-Mai sợ già. Tôi đã bắt gặp nỗi lo âu ấy nhiều sáng, khi Thanh-Mai đắm đắm nhìn gương xoa mặt, xếp tóc. Dường như Thanh-Mai cho rằng mớ tóc rậm rạp lồng bông ấy gây một ấn tượng ấu thơ hoang dã và giúp nàng xua đuổi mọi cơ vi phai lạt mà thời gian thoáng điềm lên trên một tuổi xuân gần đứng bóng.

Nghĩ đến đây tôi cảm thấy ngùi ngùi. Hai ba sợi tóc rớt (hẳn là sau buổi chải sớm nay) còn đọng trên vai áo bị gió thổi mạnh hất ra và từ từ bay xuống. Trong cuộc sống nay đây mai đó của chúng tôi, Thanh-Mai đã để rơi bao nhiêu sợi như vậy, trong những quán trọ, trên những toa tàu đêm và qua những bến đò. Tôi bỗng nảy ý lần này về Bình-dương tôi sẽ

may tặng nàng một cái túi gấm, đề những ngày xê dịch, mỗi sớm, nàng lược cất những sợi xanh đen, óng chuốt đọng lại trên cây lược. Và chừng nào những nẻo đường nhân thế chẳng còn gì để xem nữa, chúng tôi sẽ trở về đốt lửa đêm đông, ngồi đếm lại những ngày xanh chúng tôi đã để rơi rụng trên đường.

Tôi toan nói ý nghĩ ấy vào tai Thanh Mai thì nàng vụt quay lại. Con đò vừa xoay một góc thẳng đề tiến vô cầu. Thanh-Mai mỉm cười nhìn tôi. Khuôn mặt lồ lộ như một đóa phù dung tắm nắng mai. Không, Thanh-Mai còn trẻ lắm, còn đẹp lắm, còn đầy hương sắc nào nùng. Nhất là đôi mắt, trời ! đôi

mắt thăm thăm chôn sâu cả một bầu trời mây nước. Thanh-Mai ! Núi sông nào lấp cho đầy đôi mắt Thanh-Mai !

Máy đã tắt. Tiếng xích sắt loảng xoảng. Tà áo Thanh-Mai quện lấy mấy người dân quê đứng sau chúng tôi vội lẩn lên trước.

Thanh-Mai ! Hãy đợi !

Thanh-Mai ! Thanh-Mai ! Qua đò ngang có nghe tiếng cuộc kêu ?

PHẠM-THẾNG

Thái độ người quân tử

Người quân tử khi ở bậc trên, không xúc phạm kẻ bậc dưới ; khi ở bậc dưới không sợ hãi kẻ ở bậc trên. Người quân tử giữ mình ngay thẳng, không cần lụy ai, nên không oán giận ai. Người quân tử trên không oán trời, dưới không trách người. Cho nên, người quân tử, ăn ở bình dị mà chờ mệnh trời, còn kẻ tiểu nhân làm điều nguy hiểm, đề cầu gặp may. Khổng tử nói : « Thuật bắn cung có chỗ giống thái độ của người quân tử : khi bắn không trúng đích thì người bắn cung quay nhìn lại cái nguyên do ở nơi mình, chứ không tìm cái nguyên do ở nơi kẻ khác ».

TRUNG-DUNG

HỘP THƯ TÒA SOẠN

HOÀNG-NGỌC-LIÊN : Đã nhận được : « Chuyện cũ mười năm », sẽ trả lời anh bằng thư riêng.

Ô. NGUYỄN : Đã nhận được hình vẽ lại bằng mực tàu của ông, xin ông bắt đầu nhận báo từ số 35 trở đi.

Ô. HUY-MINH : « Cô gái Cáo », không đăng được. Xin gửi cho sáng tác khác.

Ô. LẠC-NÔNG-ĐIỀN (Blao) : Đã nhận được « Trở về ». Rất cảm ơn thịnh tình của ông đối với Bách-Khoa. Sẽ trả lời bằng thư riêng.

Ô. VIỆT-QUYÊN : Đã nhận được « Tình trong thời loạn ». Xin trả lời sau.

VĂN-BÁ : Đã nhận được « Quà tinh thần ». Đương xem.

Ô. THANH-Ý : Đã nhận được thêm kịch và thơ của ông. Rất tiếc không thể làm vui lòng ông được.

Sách mới

Chúng tôi vừa nhận được :

— **Nguồn sáng mới** của Tri-Siên Tuệ-Quang, sách dày 226 trang do tác giả gửi tặng.

— **Chuyện đất thiêng** (thơ) của Hoa Sơn Phạm-đình-Bách.

— **The seventeenth parallel** (bản dịch cuốn vĩ tuyến 17 của Dương-Châu), cuốn sách mục đích đề cao chánh nghĩa quốc gia và trình bày sự phản bội của Việt-Cộng, sự ngoan cố của Thực dân Pháp.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ các tác giả và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

BÁCH KHOA



Từ ô dạ đề.

Từ ô thất kỳ mẫu,
Á á thồ ai âm,
Triều dạ bất phi khứ,
Kinh niên thủ cố lâm.
Dạ dạ dạ bán đề,
Văn giả vi triều cam.
Anh trung như cáo tổ,
Vị tận phản bộ tâm.
Bách điều khi vô mẫu,
Nhĩ độc ai oán thâm.
Ứng thị mẫu từ trọng,
Sử nhĩ bi bất nhân.
Tích hữu Ngô-Khỉ giả,
Mẫu một táng bất lâm.
Ta tại tư đề bối,
Kỳ tâm bất như cầm.
Từ ô phục từ ô,
Điều trung chi Tăng-Sâm.

BẠCH-CƯ-DỊ

Quạ « từ ô » kêu đêm

Từ ô mất mẹ đi rồi,
Mồn hơi khản tiếng thốt lời bi ai.
Đêm ngày chẳng thiết bay chơi,
Bao năm rừng cũ không rời đi đâu.
Đêm đêm khuya vắng kêu sầu,
Khiến ai nghe thấy lệ trào chứa chan...
Tiếng kêu như khóc như than,
Buồn chưa hết dạ đền ơn sinh thành,
Chim nào không mẹ dưỡng sinh,
Có sao ai oán một mình người thôi ?
Mẹ người hẳn rất yêu người,
Nên lòng đau đáu không nguôi nỗi nề.
Tích xưa Ngô-Khỉ còn ghi,
Đến ngày chôn mẹ không về hộ tang.
Ôi thôi ! cái giống phụ phàng,
Tấm lòng mẫu tử không bằng chim côi !
Từ ô chi hiểu kia ôi,
Người là Tăng-Tử trong loài muông chim.

Yã-Học Nguyễn-Văn-Trung dịch.

Nghĩa :

Quạ « từ ô » kêu đêm.

Từ ô mất mẹ, á á nhả tiếng bi ai, sáng tối chẳng bay đi, cả năm giữ rừng cũ. Đêm đêm, nửa đêm kêu. Người nghe vì đấy mà thấm ướt vạt áo. Trong tiếng hình như bày tỏ (rằng) chưa tận tâm nuôi lại (mẹ). Trăm chim há không mẹ, chỉ mình mày ai oán thâm sâu. Như thế mẹ mày yêu mày nhiều lắm, khiến mày thấm thương không chịu nổi. Xưa có người Ngô-Khỉ, mẹ chết chôn chẳng đến, ôi thôi ! thôi lũ người ấy tâm không bằng (tâm) thú vật. Từ ô lại hỏi từ ô (người là) Tăng-Sâm [học trò đức Khổng-Tử rất có hiếu với cha mẹ] trong loài chim (vậy).

(Trích quyển « Hán văn tự học » của NGUYỄN-VĂN-BA)

Đính chính

BÁCH-KHOA số 29 (15-3-1958)

★ Bài « **Đạo Khổng với óc khoa học** »

- trang 11, cột 2, dòng 14 : « chính Khổng-phu-Tử cũng gọi... » xin đọc là : « chính Khổng-phu-Tử đã chẳng gọi... »
- trang 12, cột 1, dòng 18 : « Đã nhận rằng Khổng không... » xin đọc là : « Đã nhận rằng Đạo Khổng... »
- trang 12, cột 2, dòng 14 : « như mác... » xin đọc là : « như trác... »
- trang 13, cột 1, dòng 4 từ dưới lên : « tưởng không kính trọng nên ở... » xin đọc là : « tưởng không nên kính trọng ở... »
- trang 15, cột 2, dòng 4 : « những gì Trung-hoa xưa tin đến tưởng đều... » xin đọc : « những gì Trung-hoa xưa tin tưởng đều... »

BÁCH-KHOA số 32 (1-5-1958)

★ Bài « **Lược đàm truyện Thủy hử** »

- trang 32, dòng 10 : Long-hồ-Sơn xin sửa lại là Long Hồ Sơn.
- trang 32, dòng 39 : « Một trăm lẻ mười đạo kim quang » xin sửa lại là « hàng trăm ngàn đạo kim quang ».
- trang 33, dòng 9 và 11 mấy chữ « Trương-giáo-Đầu, xin sửa lại là « Vương-giáo-Đầu ».
- trang 35, dòng 19 : « Tần-Dương-Lầu » xin sửa lại là Tầm-Dương-Lầu.

Giới thiệu sách, báo mới

Chúng tôi vừa nhận được **Đặc san Hè** của hiệu đoàn Trung học **Tân-Thịnh**, do ông Phạm-Ngô chủ trương và học sinh Việt-Chương làm Trưởng ban biên tập. Giá 10 \$

Bìa do họa sĩ Đặng-Nhâm trình bày. Có các giáo sư : Phan-Ảo-Giễn, Nguyễn-Hóa, Thiên-Giang, Nguyễn-Thiệu-Lâu..., và của nam nữ học sinh của trường.

Tờ đặc san đã nói lên được những thành tích đã thu, những cố gắng đang tiếp tục.

Chúng tôi xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

Một truyện Liêu-trai chưa từng dịch



THỤY - VÂN

KIỀU-YIÊU dịch

Thụy-Vân, một danh kỹ ở phủ Hàng-châu, là người sắc nghệ vô song. Lúc nàng tuổi vừa mười bốn, thì mẹ Thái, chủ lầu xanh, bắt nàng tiếp khách. Thụy-Vân nói : « Đây là bước đầu của đời con ; con nghĩ không nên làm sơ sài quá. Giá cả, xin mẹ toàn quyền định đoạt, còn khách thì xin mẹ cho con được phép lựa chọn ». Mẹ trùm đồng ý, bèn định giá mười lượng vàng. Rồi thì ngày ngày đón khách. Khách làng chơi muốn tìm đến thì phải đem quà biếu.

Ai hậu, thì nàng dãi một ván cờ, và tặng một bức vẽ. Bạc, thì nàng chỉ cầm lại uống một miếng trà thôi. Danh tiếng Thụy-Vân lâu ngày lan rộng, và bấy giờ, bao nhiêu người phú thương, quý tộc, ngày ngày nối gót nhau trước cửa nhà nàng.

Ở huyện Dư-hàng, có chàng họ Hạ, sớm nức tiếng tài danh, mà gia tư thì chỉ vừa vừa bạc trung. Chàng bấy lâu vốn ngưỡng mộ Thụy-Vân, mà chẳng hề dám

nghĩ đến mộng ước ương bao giờ. Chàng cố gắp bao nhiêu tặng vật hèn mọn, mong được một lần say ngấm hoa dung, nhưng vẫn thăm sợ rằng nàng thấy người ta đã nhiều, chắc không bận tâm gì đến tình cảnh giec neo của kẻ hàn sĩ. Kịp đến lúc cùng nhau giáp mặt, mới nói chuyện lần đầu thì nàng đã tiếp đãi ân cần đặc biệt. Hai người ngồi thủ thi rất lâu, đầu mảy cuối mắt chứa chấp niềm quyến luyến. Nàng làm một bài thi tặng chàng. Thi rằng :

*Lựa là nhấp rượu quỳnh kia ?
Cầu lam gõ cửa từ khi rạng ngày.
Ai ơi, muốn kiếm được chày,
Cần chi lìa thể gian này lên tiên ?*

Chàng được thi mà lòng vui như điên cuồng, có điều tâm sự rất muốn nói, thì bỗng tiêu hoàn vào thừa rằng có khách đến. Chàng bèn lật đặt cáo lui. Về đến nhà, chàng cứ ngâm đi ngâm lại bài thi, mà mộng hồn nghe có chiều vương vấn.

Qua một hai hôm sau, cảm lòng không đậu, chàng lại sửa soạn lên đường. Thụy-Vân tiếp rước chàng rất niềm nở, ngồi xích lại gần chàng, rủ rỉ bên tai : « Anh có liệu nổi một đêm sum vầy không ? » Chàng đáp : « Làm thân hàn sĩ túng quẫn, thì chỉ có một chút tình si để hiến cho người tri kỷ. Chớ như bây giờ thì một món quà còn con cũng đã sạch nhẵn, không đào đâu ra. Miễn được gần hoa dung, là ý nguyện đã thỏa rồi. Còn việc gần gũi sát thiết, thì làm sao dám mộng tưởng xa xôi ». Thụy-Vân nghe thế, bùi ngùi tắc dạ không vui, đối diện nhau mà chẳng nói một lời.

Chàng ngồi đó mãi, không chịu ra. Mụ trùm đã mấy lần lên tiếng gọi Thụy-Vân về giục nàng. Chàng đành lui về, lòng buồn rầu vô hạn, nhưng muốn bán sạch gia tư để chuốc lấy một đêm vui. Nhưng lại chợt nhớ rằng vui đến tàn canh, rồi cũng phải chia tay, thì lòng nào chịu được sự thương đau dường ấy. Nghĩ đến đó, bao nhiêu nỗi niềm tưởng nhớ đều tiêu tan đi cả. Và từ độ ấy, tâm dạng chàng vắng bật ở Hàng châu.

Riêng phần Thụy-Vân, thì nàng đề ý chọn bạn trăm năm luôn mấy tháng trời mà chẳng được người nào. Mụ trùm giận lắm, định giờ trò cưỡng ép mà chưa gặp dịp ra tay.

Một hôm, có một vị tú tài đến trao quà tặng, ngồi nói chuyện, một lát bèn đứng lên đưa một đầu ngón tay sờ trán nàng mà rằng : « Uồng quá ! Uồng quá ! » rồi bước ra khỏi cửa. Thụy-Vân đưa khách đi, trở vào, soi gương thấy trên trán có vết ngón tay, màu đen như mực tàu, đem rửa lại càng hiện rõ. Qua mấy ngày sau, vết đen dần lan rộng. Hơn nửa năm vết ấy tràn xuống gò má, lẫn tới sống mũi. Ai thấy cũng chế diễu, và dẫu xe ngựa cũng bắt đầu dứt tuyệt. Mụ trùm mắng nhiếc, bắt lột cả đồ trang sức, liệt nàng vào hạng nô tì. Thụy-Vân yếu đuối, chịu đựng không xuể với bao nhiêu sai khiến, nên càng ngày càng tiêu tụy.

Hạ nghe được bèn đi ngang qua nhà, thấy có ai đầu bù tóc rối lui cui dưới bếp, hình trạng xấu như ma lem. Lúc ngừng đầu lên thoát thấy chàng, nàng liền quay vào vách mà lánh mặt. Hạ

thương nàng quá, tìm đến mộ trùm nói chuyện, tình nguyện chuộc nàng ra. Mộ trùm chịu, thì Hạ bán ruộng cầm quần áo, mua nàng đem về.

Lúc bước vào cửa nhà chàng, nàng kéo vạt áo lau nước mắt; nàng chẳng dám coi mình với chàng là đôi vợ chồng, mà lại vui lòng tự sắp mình vào hàng bé mọn, chờ người vợ cả đến. Hạ nói: « Thiên hạ, ai cũng lấy tri kỷ làm trọng. Đương thời hưng thịnh, mà em còn biết được anh, thì nay chẳng lẽ vì có suy vi mà anh nỡ quên em sao ». Rồi không cưới vợ nữa. Ai nghe cũng đều cười, nhưng phần chàng thì tình yêu càng ngày càng thâm thiết.

Hơn một năm sau, chàng tình cờ đi Tô-châu, cùng trọ một chủ với một người họ Hòa. Người kia ngẫu nhiên hỏi: « Ở Hàng-châu có nàng danh kỹ tên Thụy-Vân, không biết dạo gần đây như thế nào? » Hạ đáp là nàng đã yên nơi yên chốn. Hòa hỏi với ai, thì Hạ dùng đĩnh nói: « Người ấy nghe đâu cũng một cỡ tôi vậy ». Hòa nói: « Nếu được như bác, thì có thể gọi là biết chọn người đấy. Nhưng chẳng hay chuộc nàng ra, trả giá độ bao nhiêu? » Hạ nói: « Vì nàng có tật lạ, nên người ta đành bán rẻ. Nếu không thế, thì cỡ như tôi, làm sao ở chốn lầu xanh mua được người mỹ nữ? » Lại hỏi: « Người ấy quả thật có được như bác không? » Hạ cho là hỏi lạ, bèn hỏi vặn lại cho rõ lý do sự tò mò ấy. Hòa cười rằng: « Quả tình tôi không dám dối bác. Số là trước kia tôi đã có lần được ngắm

dung nhan cô ả, rất tiếc người đẹp tuyệt mà đến nỗi lưu lạc không ai bạn lữ, nên tôi đã dùng một thuật nhỏ bôi lọ khuôn trăng để bảo tồn vóc ngọc, đợi kẻ liên tài đến giám thưởng ». Hạ vội hỏi: « Bác đã điểm vết đen, thì xin hỏi bác có thể nào tẩy sạch được chẳng? » Hòa cười rằng: « Làm gì mà chẳng được? Miễn là người ấy phải thành khẩn thỉnh cầu ». Hạ bèn đứng dậy chấp tay xá mà rằng: « Bạn trăm năm của Thụy-Vân không ai khác hơn là tôi đây ». Hòa tươi cười đáp: « Trong thiên hạ, quả chỉ có kẻ đa tài mới có thể là người đa tình, không lấy có đẹp xấu mà thay đổi lòng yêu mến. Tôi xin được cùng về bên ấy với bác, là sẽ tặng bác một giai nhân. » Rồi cùng đi với Hạ.

Về đến nơi, Hạ toan đãi một tiệc rượu, thì Hòa ngăn lại mà rằng: « Trước khi làm phép của tôi, thì phải làm sao cho người lo việc nấu nướng được vui lòng cái đã ». Bèn bảo lấy một cái thau có nước, trỏ ngón tay vào đó mà viết không biết là bùa gì, rồi nói: « Lấy nước đó rửa thì hết ngay. Nhưng buộc phải thân hành ra cảm tạ ơn thầy trị khỏi mới được ». Hạ cười, bưng thau nước đi, đứng đợi Thụy-Vân rửa mặt, rửa tới đâu là sạch trơn tới đó, thoát đà điểm lệ như năm xưa. Hai vợ chồng rất mực cảm kích, cùng nhau ra tạ ơn, nhưng khách đã biến đâu mất. Tìm khắp nơi chẳng thấy, có ý nghi khách hân là tiên.

BỒ-TÙNG-LINH
(Bản dịch của KIỀU-YIÊU)

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RÈ LẠI TỐT — BÁN SẴN VÀ LÊ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT
(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.
Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.
Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

KHÔI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phỉ, mà ông Diêu-Tư-An, một phú-thương, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hàng-Châu để lẩn nạn.

Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mộc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông và người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dun-dùi nên ông Tăng-văn-Phác, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhân ông Tăng cũng đem gia-dinh về thăm quê nhà, ông đưa Mộc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ.

Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con lạy ông bà Tăng-Văn-Phác làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì cụ Tồ-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngỏ ý muốn xin Mộc-Lan cho cậu Tân-A, người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyến họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để trụ-chức.

Mối giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng, đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít.

Nào ngờ đâu, Bán-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cố hữu và nhân Bán-A đã đính hôn với Man-Ny, nên Tăng gia mời thân mẫu nàng và nàng lai Kinh, làm lễ cưới « Xung Hi », để họa may, có cứu được bệnh nhân chăng. Vậy, trong các hồi dưới đây, hai mẫu, nữ Man-Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần kinh và sau đó, Bán-A và Man-Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngọ bệnh.

Dưới mắt Man-Ni, Khâm-A đã to lớn và cao vọt hẳn lên, khuôn mặt cậu đã rắn rỏi, dài ra, tuy hơi gầy gầy, xanh xanh; còn Tân-a thì vẫn lùn lùn, đậm dạp và đầy đặn người, da đỏ hồng hào, mặt đầy những nét cười. Hai anh em đều bận áo chùng, màu xanh do. Kể ra, nếu đem mà so

sánh với trước, thì Tân-a đã có phần mỹ tú hẳn lên, cặp mắt của cậu rất lớn, đôi môi rất dày; khi cậu cười, má cậu lại húm đồng tiền, trông rất tươi tắn; tuy cậu chưa nói ra một lời nào, nhưng người đối diện đã ngầm thấy như cậu có vẻ bảo: « Được

lắm, tốt lắm ! Thế bây giờ tỉnh sao đây nhỉ ? »

Khâm-a, nay đã mười bảy rồi, cậu có một thái độ vững chắc nhưng hơi chậm chạp, nặng nề ; cậu vẫn ít nói, ít cười, và vẫn lăm lăm, lì lì.

« Ủ, ừ ! Các cô, các cậu, bây giờ đã trưởng thành, đã thành người lớn cả rồi, ấy thế mà, chưa ai hiểu quy củ, và biết phép lịch sự gì cả ! Ai lại, cứ đứng ý ra mà nhìn nhau như phỏng đá, thế kia ! Thế còn đợi gì mà không cứ chào tỷ tỷ đi nào ». Quế-Cô bảo hai anh em cậu như vậy. Hai cậu liền, vội vàng y theo lời của Quế-Cô, chấp tay vái chào Man-Ni ; Man-Ni cũng lật đật đáp lễ lại, nhưng chưa ai chịu nói gì cả. Con bé Hương-Vi cứ đứng trở mặt ra nhìn một cách đầy hứng thú.

Man-Ni nhẹ nhàng mời hai cậu ngồi, và nàng cũng uyển chuyển, dịu dàng, ngồi xuống ghế. Tân-a thì cứ nhìn nàng chăm chăm, lăm lăm như nàng là một nhân vật lạ mắt, chưa từng quen biết và rất đổi kỳ.

Mãi một lúc lâu, Man-Ni mới nói :

« Khâm-A và Tân-A nhỉ, có lẽ tới bốn năm trời có thừa, chúng ta không được gặp mặt nhau, đây nhỉ ! Hai chú, nay đã trưởng đại lên nhiều ». Nàng nói bằng một giọng rất thân ái mà từ trước, nhân này, chưa từng có. Dừng lại

một tí, nàng lại nói tiếp : « À, có phải hai chú vừa ở học hiệu về, phải không ? À, mà ông giáo của các chú có tốt không ? Hiện tại, hai chú đang học sách gì nhỉ ? »

« Ố, ồ, chúng em đang học « thiên văn học », này, « địa lý học » này, « toán học » này.... » Khâm-a đáp như thế.

Đối với những cái danh từ của khoa học đó, tuy nàng đã từng nghe thấy, nhưng, những môn đó không có ở trong chương trình học khóa của con gái, hồi xưa, nên nàng không những không chú ý tới mà lại còn có vẻ thờ ơ, và hơi mơ hồ nữa. Hồi thân phụ nàng còn sinh thời, ông cực lực phản đối những thứ đó và ông cho đó là một cách khoa trương kỳ quái ; thiên văn học, địa lý học, cùng sinh lý học, hóa học, toán thì là những « trò quỷ » của tụi « dương quỷ tử » họ bày đặt ra và chỉ có một lũ những quân « hoại đản » mới dám đầu đi phụ họa và a dua theo. Họ dám ngang nhiên phản đối cả việc bỏ chân của đàn bà con gái thì họ còn biết cái gì là nghĩa lý, nữa ! Ông đã thóa mạ cái phùng vô luân, vô đạo đó, một cách không tiếc lời.

Trong thâm tâm Man-Ni, Man-Ni muốn biết rõ sự học của Tân-a ra sao nên nàng hỏi tiếp : « Thế, hiện thời các chú không học những cổ thư của Trung-quốc ta như kinh, điển, truyện, nữa sao ? »

Tân-a liền đáp : « Có chứ ạ, chúng em có học « Tả truyện », nhưng có một vị giáo sư bảo, đó là một thứ sách vô dụng, một thứ đồ bỏ. Từ khi dời khỏi Sơn-Đông chúng em cũng không hề đọc tới Kinh Thi nữa... Chị có còn nhớ không, Kinh Thi mà trong đó, có một mục đàn bà, đã sinh hạ được bảy người con mà còn muốn tái giá, ấy mà ? Trời ơi ! Chúng em vẫn thì khoái đọc cái thư sách đó, chứ ! Chị xem, ở giáo đường, hiện nay, đọc sách, người ta cũng cấm, không cho đọc ta nữa, ạ, chị xem có ngán không ! »

Nghe Tân-a nói tới đó, Man-Ni lại sực nhớ lại tất cả cái hồi làm học trò cụ đồ ở quê nhà. Nàng lại hồi tưởng lại những buổi tối, nàng với Mộc-Lan, cùng nhau, mẹ mãi bàn cãi về Kinh Thi. Tất cả cái tình huống đó lại biểu lộ rõ ràng như vẽ ra ở trong tâm não nàng. Rồi, cái âm tiết, cái nhạc điệu cùng là những vần thơ du dương, lại minh hưởng lên ở trong tai nàng. Để trả lời Tân-a về cái câu chuyện của người thiếu phụ muốn tái giá mà cậu đã cố ý nhắc lại, để trêu nàng nàng nói : « Cái chú Tân-a, thì không bao giờ chưa được cái tinh cú là hay xoi bói và châm biếm, đến là tời !... » Nhưng, Tân-a vội ngắt lời nàng và nói :

« Ồ, ồ, chị ạ, chúng em còn học cả anh văn nữa, cơ ! Good morning, Father, Mother... Brother... Sister, You are my sister... I am your Brother, one, two, three, four,

five.... » Vì Tân-a là người Bắc-Kinh nên không sao nói đúng được chữ a, đoán âm, và đem am với im, nói lẫn lộn cả ; five thì đánh ra fav. Khâm-a nghe thấy em nói sai bét cả nên cứ khúc khích cười, mà Man-Ni thì cũng rũ ra cười, không sao nhịn được nữa.

Nàng hỏi : « Nói thế nào, chú nói thế nào, nhắc lại đi xem nào ? »

« One, two, three, four, five... » Tân-a, vừa nói, vừa dơ ngón tay ra hiệu để đếm theo. « You are my sister.... You are my sister..... Bàn-a is my brother... »

Nói xong câu đó, Tân-a phá ra cười vang lên. Khâm-a thì cứ khúc khích mà Man-Ni thì chẳng còn hiểu ra sao, nhưng nàng chỉ nghe thủng có hai chữ Bàn-a nên nàng dăm ra ngượng, then. Nàng nói :

« Ờ, phải rồi, được lắm, chú đi học tiếng ngoại quốc để dùng mà chế diễu tôi, tôi biết chú thế !... »

« Không, em có dám chế diễu gì chị đâu, em nói chị là sister của em, có thế thôi mà.... »

Quế-Cô, nghe thấy thế liền hỏi :

« Sister là cái gì ? Cô biết, nhất định là nó ám chỉ Man-Ni rồi.... »

Khâm-a không đáp mà chỉ cười rên « cung mây » làm cho Man-Ni tức quá, đỏ ửng cả mặt mũi lên.

Lúc đó, thân mẫu của Man-Ni, do Tuyết-Hoa đi theo dẫn đường, cũng vừa về tới nơi, nên hai anh em Khâm-a liền đứng lên ; hỏi

này hai anh em đã được gặp bà và chào bà rồi. Bà bắt chợt mấy người đương cười nói mà Man-Ni thì đương cúi kinh, bà mới hỏi Quế-Cô : « Thế nào, làm sao thế ? » Rồi bà quay nói với hai cậu : « Man-Ni mới thì tới nơi, chưa rõ đầu đuôi, cái gì là cái gì cả, các chú đừng có trêu trọc chị nó, tội nghiệp, mà ! »

Quế-Cô vội đáp : « Thưa bá mẫu, chính tôi, tôi cũng chưa rõ câu chuyện đầu đuôi ra sao, xin bá mẫu cứ hỏi Tân-a thì sẽ rõ manh mối. »

Khâm-a nói : « Thưa không ạ, chúng cháu có dám có ý trêu trọc gì chị cả đâu ạ, Tân-a nó vừa mới nói cho chị cả rõ, ở học hiệu nó học Anh văn và nó nói làm hiệu cho chị nghe đấy, thôi ạ. »

« Thưa má, con nghe Tân-a nói... tới... » Ý Man-Ni muốn nói là nói tới Bản-a, nhưng nàng cô lại thẹn, không nói nữa và bồng nin thính.

« Thế nào, con nghe Tân-a nói tới cái gì, nói tới ai ? »

« Thôi, « chả » cần nói tới ai là ai gì cả, nhưng, tôi hiểu, chú tìm cách pha trò mà chế

tôi ! » Man-Ni cố đánh trống lảng nên lại trách Tân-A như thế.

Quế-Cô bảo Khâm-A : « Ủ, chính thật, Tân-A nó nói cái gì, mới được chứ. »

Khâm-A liền giải thích : « Vâng, thôi để cháu xin nói rõ... Tân-A nó nói anh Bản-A là kha kha mà chị Man-Ni là tàu tàu. »

«Ồ thế thì có gì là quan hệ, kia chứ !...» Tuy thân mẫu của nàng nói vậy, nhưng nàng vẫn tức, vẫn cáu, nên Tân-A vội vàng chạy đến bên nàng và bằng một giọng rất ôn tồn, rất mềm mỏng, nói : « Xin chị, chị đừng giận em, em có dám chế điều chị đâu, thưa chị. »

Quả tình, trong lúc đó, Man-Ni khóc cũng đỡ, mà cười cũng đỡ, vì nói của tiêu tội, trong thâm tâm Tân-A, bao giờ cậu cũng rất kính ái Man-Ni.

Quế-Cô liền dắt hai cậu trở về phòng của các cậu. Từ đấy, về sau, mỗi lần Tân-A gặp mặt Man-Ni, cậu đều dùng cái tiếng anh « sister » để gọi đùa nàng. Tuy vậy, cả hai cậu, trừ mấy tiếng một giản đơn và sơ đẳng ấy ra, hai cậu, có cậu nào, nói được tiếng Anh một cách lưu loát đâu.

HẾT CHƯƠNG VII

★ Trung tín cẩn thận là cái nền thành người hay ; hảo huyền, quỷ quyết là cái gốc thành người dở.

TIÊU-PHU

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN \$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boîte postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION
REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

910102103

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE — HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique «Week end à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE — XIENG-KHOUANG VILLE	Quotidien
— PHONG SAVANH	Quotidien
— LUANG PRABANG	Tous les Lundis, Mercredis, Jeudis, Vendredis
— LUANG NAMTHA MUONG SING	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— MUCNG SAI	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— THAKHET SAMNEUA	Tous les Lundis, Vendredis Tous les Mardis, Jeudis, Samedis



VAPP

1958

Ráp tại Việt-Nam

TÔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN - THẮT - ĐẠM

(ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

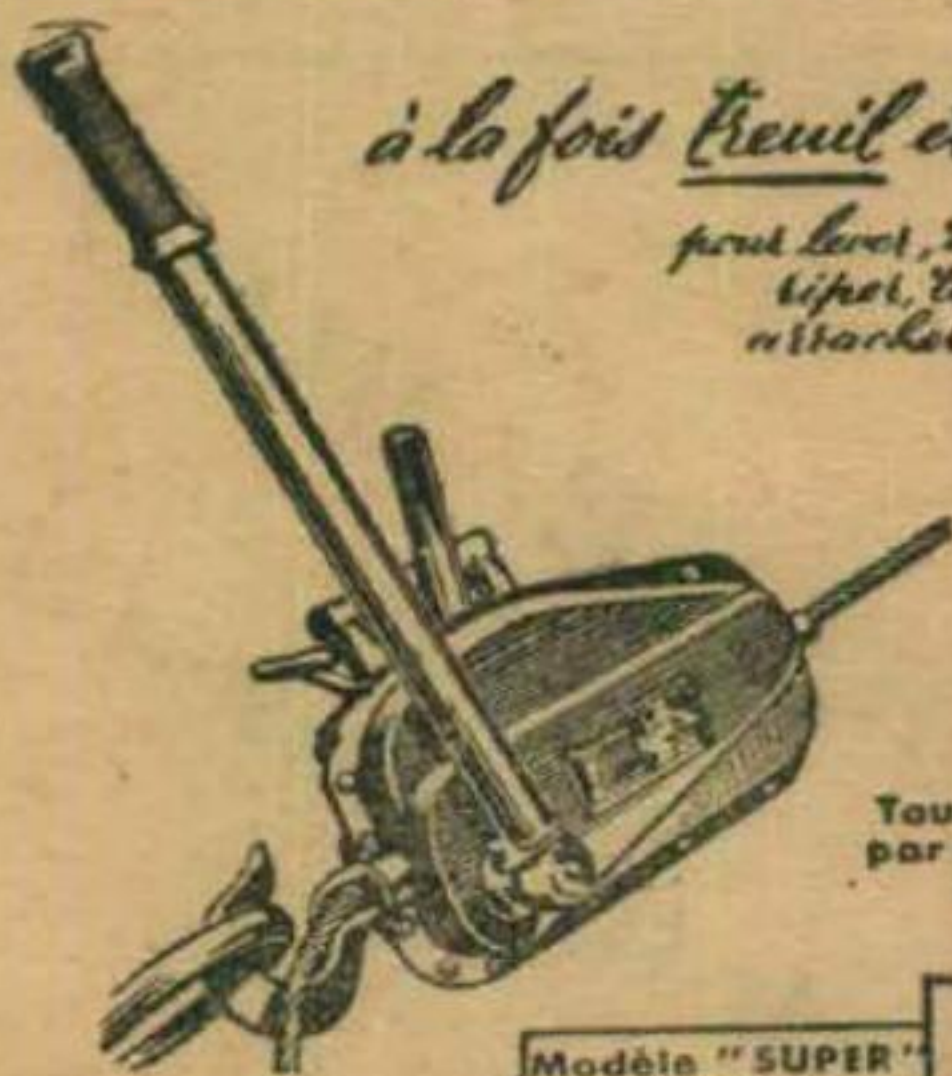
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Aexandrie (Crédit d'Orient).

DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois frein et palan!

*pour lever, tirer,
tirer, tendre
attacher et...*

Toutes forces
par mouillage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(B^{re} 52266)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés.

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 16 kgs



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

*Tirfor rend
1000 services!*
Demandez-nous la
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài Gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA



Đừng Hộp Quẹt là kinh-tế Quốc-Gia
phụng-sự nền

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi.55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

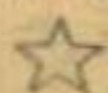
Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

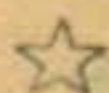
FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	
MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois			



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Bại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

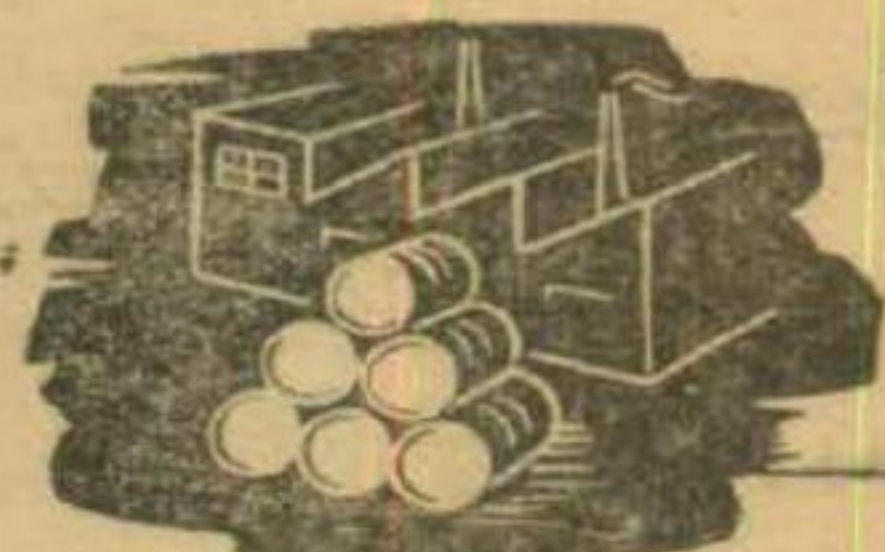
**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu, cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



➔ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



➔ Xà-bông nước hoá-học



➔ Thuốc sát-trùng bột như Dieltrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



➔ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



➔ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ-ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

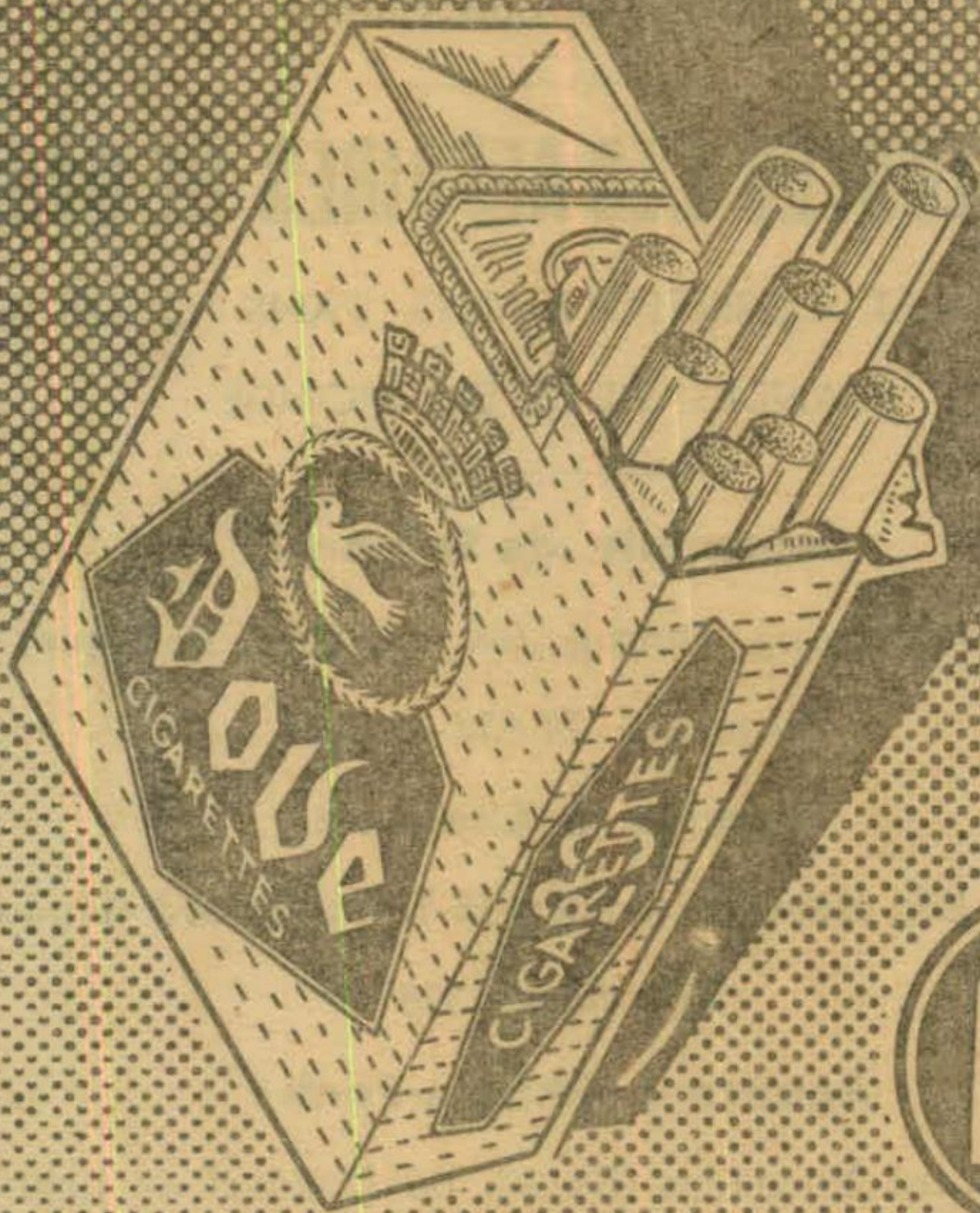
Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Dove



15%

Thuốc thơm hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА
ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА

ВАСН-KHОА ТẠP CHÍ